

Số 292

VĂN HÓA

P HẬT G I Á O

Như huyền
tam-muội

Tr. 12

Một nông dân
cứu hoa màu
nhờ âm nhạc

Tr. 36

Đầu xuân,
bàn về hạnh phúc

Tr. 8



VĂN HÓA

P H Â T G I Á O



2017

TỪ SỐ 264 ĐẾN SỐ 275

Sắp
phát hành

Mọi chi tiết xin liên hệ
Tòa soạn: 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP.Hồ Chí Minh
Phòng Phát hành
ĐT: (84-28) 3 8484 335
DĐ: 0906 934 252
(Ngô Văn Thông)

Tập 1

1

Ảnh: Nguyễn Đình Niệm



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kiêm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MẦN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH MINH HIẾN

Trị sự
NGUYỄN BÔNG

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-28) 3 8484 335
Ngô Văn Thông, DĐ: 0906 934 252

Quảng cáo
Pháp Tuệ, DĐ: 0913 8100 82

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-28) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-28) 35265 569
Email: toasoanvhp@gmail.com
Tên tài khoản:
Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo
Số tài khoản:
0071001053555 Ngân hàng Vietcombank,
Chi nhánh TP.HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 1878/GP. BTTTT
Ghi bán & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Sương mai	3
Thực hành cúng tế theo lời Phật dạy (Nguyễn Liễu)	4
Đầu xuân, bàn về hạnh phúc (Nguyễn Cẩn)	8
Như huyễn tam-muội (Nguyễn Thế Đăng)	12
Luộm thuộm chức danh, học hàm, học vị (Lê Hải Đăng)	14
Giáo dục gia đình qua <i>Đặng Dịch Trai</i> ngôn hành lục của Đặng Huy Trứ (Tôn Thất Thọ)	16
Tổ Tuệ Tạng trong lịch sử thống nhất Phật giáo Việt Nam (Thích Thiện Nhơn)	18
Lược lý Nhân minh trong kinh Tăng chi bộ (Thích Trung Định)	21
Mê ở ta-bà, sức nhớ quê hương là Cực lạc (Nhụy Nguyên)	24
Thăng hoa thiện lành (Trần Quê Hương)	28
Nếu ta gặp Phật (Yuval Noah Harari; Nguyễn Văn Nhật dịch)	29
Từ ba câu hỏi cho một thầy thuốc... (Đỗ Hồng Ngọc)	32
Hippocrates nói về nghề y (Nguyễn Hữu Đức)	34
Một nông dân cứu hoa màu nhờ âm nhạc (Mathilde Golla; Cao Huy Hóa dịch)	36
Smartphone và tôi (Nguyễn Tường Bách)	38
Làng Nam Bộ trong lòng Huế (Trần Bảo Định)	41
Chị tôi (Hoàng Tá Thích)	44
Màu hoa thương nhớ (Lê Xuyên)	46
Chơi bài chòi ngày Tết ở làng Thanh Thủy Chánh (Nguyễn Văn Toàn)	48
Con sông quê hương (Võ Văn Lân)	49
Thơ (Đoàn Văn Sáng, Trường Khánh, Nguyễn Công Khanh, Tịnh Bình, Ngô Văn Cư, Nguyễn Từ)	52
Những mùa vịt trên đồng (Hoàng Khánh Duy)	54
Bìa 1: Cây và âm nhạc. Nguồn: es.pngtree.com	

Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

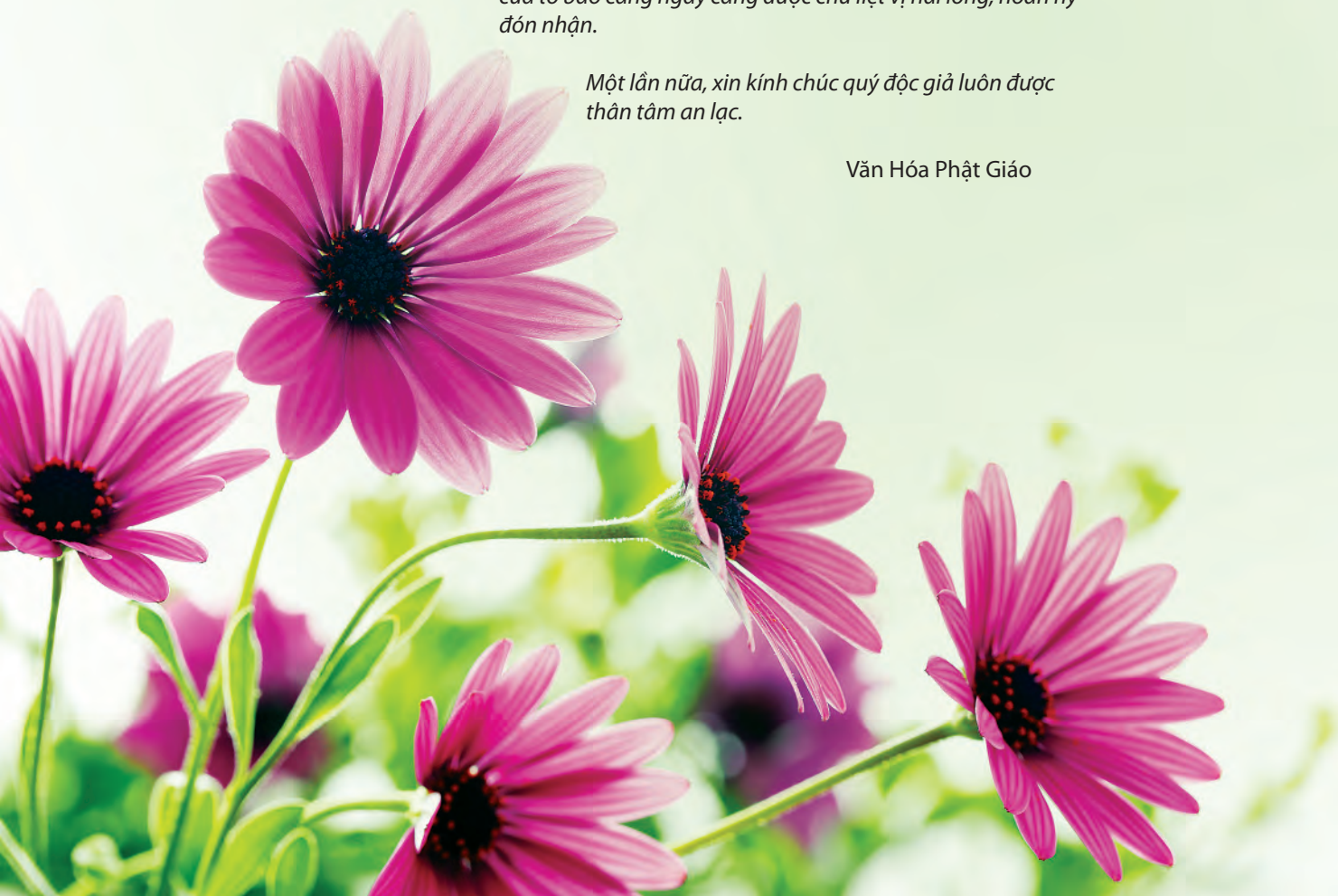
Như mọi năm, Văn Hóa Phật Giáo số 292 phát hành vào ngày 1/3, là số Tân niên. Năm nay, ngày này cũng nhằm ngày lễ Thượng nguyên (rằm tháng Giêng Mậu Tuất), một trong những ngày rằm lớn của Phật giáo. Tuy rằng rằm tháng Giêng vốn là ngày Nguyên tiêu có nguồn gốc từ Trung Quốc nhưng đã được người dân Việt Nam chuyển thành một ngày có ý nghĩa riêng, ngày của các Phật tử đến chùa lạy Phật, nghe pháp, cầu bình an suốt năm.

Nhân dịp này, VHPG xin kính chúc chư tôn đức giáo phẩm, quý độc giả, ân nhân, thân hữu, cộng tác viên và quý độc giả Phật tử một mùa lễ an lạc, một năm mới và nhiều năm sau nữa được an khang thịnh vượng.

Nhân đây chúng tôi cũng xin gửi lời cảm ơn đến chư liệt vị đã đến thăm, gửi thư, gửi điện và gửi quà tặng VHPG. Đáp lại phần nào tấm thịnh tình này, chúng tôi chỉ biết nỗ lực phục vụ độc giả bằng cách trau chuốt cả nội dung lẫn hình thức của tờ báo càng ngày càng được chư liệt vị hài lòng, hoan hỷ đón nhận.

Một lần nữa, xin kính chúc quý độc giả luôn được thân tâm an lạc.

Văn Hóa Phật Giáo



Khắc khổ và Phạm hạnh,
Thấy được lý Thánh đế.
Giác ngộ quả: “Niết-bàn”
Là niềm lành tối thượng.
(Kinh Phật tự thuyết)



Thực hành cúng tế theo lời Phật dạy

NGUYỄN LIÊU

Như nhiều dân tộc khác trên thế giới, người Việt chúng ta có tập tục cúng tế trời đất, thần thánh hay hiển cúng vong linh cha mẹ, ông bà tổ tiên diễn ra khá phổ biến trong mỗi vùng miền, mỗi địa phương, mỗi dòng tộc và trong mỗi gia đình. Về phương diện đạo lý thì đây hẳn là một nghĩa cử hay, mang ý nghĩa tốt đẹp, thể hiện đức khiêm hạ và lòng biết ơn nhớ ơn đối với muôn vàn ân đức giúp che chắn và đỡ đần cho con người tồn tại trên cuộc đời. Rõ là đạo lý “Uống nước nhớ nguồn” luôn luôn là nét đẹp văn hóa của đời sống nhân loại.

Nhận xét về cách thái đạo đức của loài người, Đức Phật đánh giá cao lối sống biết ơn và nhớ ơn, xem đây là loại châu báu ở đời¹:

“Người không phải chân nhân, này các Tỷ-kheo, không biết ơn, không nhớ ơn. Đối với những người độc ác, đây là đặc tánh của họ được biết đến, này các Tỷ-kheo, tức là không biết ơn, không nhớ ơn. Đây hoàn toàn là địa vị kẻ không chân nhân, này các Tỷ-kheo, tức là không biết ơn, không nhớ ơn. Còn bậc chân nhân, này các Tỷ-kheo, là biết ơn, là nhớ ơn. Đối với những thiện nhân, đây là đặc tánh của họ được biết đến, này các Tỷ-kheo, tức là biết ơn, nhớ ơn. Đây hoàn toàn là địa vị bậc chân nhân, này các Tỷ-kheo, tức là biết ơn, nhớ ơn”².

Đạo Phật tán dương đạo lý tri ân và báo ân thể hiện qua việc thờ cúng tế tự mà con người thực hiện trong cuộc đời. Kinh *Tăng chi bộ* ghi lời Đức Phật tán thán việc làm công đức của những người gia chủ sáng suốt, biết dùng tài sản thâu hoạch được do nỗ lực làm ăn đúng pháp tổ chức năm loại lễ hiến cúng: hiến cúng cho bà con, hiến cúng cho khách, hiến cúng cho các vong linh quá khứ, hiến cúng cho vua, hiến cúng cho chư Thiên³.

Nhìn chung, đạo Phật hoàn toàn tán đồng và đánh giá cao ý thức cúng tế của con người. Tuy nhiên, loại cúng tế nào đạo Phật tán thành và hình thức cúng tế nào đạo Phật không chấp nhận, vấn đề này cần được xem xét kỹ trên cơ sở những phân tích của Đức Phật.

Trước hết, chúng ta xem qua quan điểm của Đức Phật về các loại hình tế đàn. Có vị Bà-la-môn tên Ujjaya đến hỏi Đức Phật:

- Có phải Tôn giả Gotama không tán thán tế đàn?

- Nay Bà-la-môn, Ta không tán thán tất cả loại tế đàn. Nhưng nay Bà-la-môn, Ta không phải không tán thán tất cả loại tế đàn. Trong loại tế đàn nào, nay Bà-la-môn, trâu bò bị giết, dê cừu bị giết, gà heo bị giết, các loài sinh vật khác đi đến bị giết hại, loại tế đàn ấy, nay Bà-la-môn, liên hệ đến sát sanh; Ta không tán thán loại tế đàn ấy. Vì cơ sao? Tế đàn có sát sanh như vậy, nay Bà-la-môn, các A-la-hán và những ai đã đi trên con đường hướng đến A-la-hán không có đi đến.

Tại tế đàn nào, nay Bà-la-môn, trong ấy không có trâu bò bị giết, không có dê cừu bị giết, không có gia cầm và heo bị giết, không có các sinh vật khác bị giết, nay Bà-la-môn, Ta tán thán tế đàn không có sát sanh như vậy, tức là bố thí thường làm từ lâu, tế đàn cầu hạnh phúc cho gia đình. Vì cơ sao? Tế đàn không có sát sanh như vậy, nay Bà-la-môn, các A-la-hán và những ai đã đi trên con đường hướng đến A-la-hán có đi đến.

Lễ tế ngựa, tế người,
Lễ uống nước thắng trận,
Lễ ném cầu may rủi,
Lễ rút lui khóa cửa,
Lễ ấy nhiều sát sanh,
Không đem lại quả lớn.
Chỗ nào giết dê cừu,
Bò và sinh vật khác,
Các bậc theo Chánh đạo,
Các bậc Đại ẩn sĩ,
Tại tế đàn như vậy,
Họ không có đi tới.
Tế đàn không sát sanh,
Thường cầu phước gia đình,
Không giết dê, cừu, bò,
Không giết sinh vật khác,
Các bậc theo Chánh đạo,
Các bậc Đại ẩn sĩ,
Tại tế đàn như vậy,

Họ đến tế đàn ấy.
Lễ ấy bậc Trí làm,
Tế đàn ấy quả lớn,
Tế đàn vậy tốt lành,
Không đem đến ác hại,
Tế đàn càng to lớn,
Chư Thiên càng hoan hỷ⁴.

Như vậy, Đức Phật tán thành việc cúng tế theo nghi thức đơn giản, tuyệt đối không sát hại các sinh vật, không cần đến các hình thức cầu kỳ tốn kém, chỉ đơn thuần giữ một tâm thức thanh tịnh ngưỡng vọng, kinh *Kùṭadanta*⁵ nói rõ chỉ cần ít dầu, sanh tô, thực tô và đường miếng dùng làm vật cúng tế. Trái lại, Phật không chấp nhận hình thức cúng tế phức tạp, theo đó nhiều loại sinh vật bị giết hại làm vật hiến tế, cỏ cây bị chặt phá làm giàn tế lễ, nhiều người phục dịch phải làm việc cực nhọc với tâm lý lo sợ than khóc⁶.

Đức Phật không tán thành loại cúng tế sát hại các sinh vật vì đó là một việc làm mê lầm, một loại ác nghiệp, không những mang lại phiền toái khổ đau cho nhiều người và nhiều loại sinh vật ngay trong hiện tại, mà còn đưa đến quả báo khổ đau trong tương lai. Bài kinh sau đây nêu rõ những phân tích của bậc Giác ngộ phê phán về phương pháp tìm kiếm công đức sai trái và quả báo khổ đau của loại hình cúng tế mê lầm này:

"Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại khu vườn của ông Anāthapindika. Lúc bấy giờ, một tế đàn lớn đang được thiết lập cho Bà-la-môn Uggatasarira, năm trăm con bò được dắt đến trụ tế đàn, năm trăm con nghé được dắt đến trụ tế đàn, năm trăm con dê được dắt đến trụ tế đàn, và năm trăm con cừu được dắt đến trụ tế đàn. Rồi Bà-la-môn Uggatasarira đi đến Thế Tôn, sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Uggatasarira thưa với Thế Tôn:

- Tôi được nghe như sau, thưa Tôn giả Gotama: "Nhen nhúm ngọn lửa và dựng lên trụ tế đàn có quả lớn, có lợi ích lớn".

- Nay Bà-la-môn, Ta cũng có nghe: "Nhen nhúm ngọn lửa và dựng lên trụ tế đàn có quả lớn, có lợi ích lớn"...

- Thưa Tôn giả Gotama, con muốn nhen nhúm ngọn lửa, con muốn dựng trụ tế đàn. Thưa Tôn giả Gotama, Tôn giả Gotama hãy giáo giới cho con; Tôn giả Gotama hãy thuyết dạy cho con, để con được hạnh phúc, an lạc lâu dài.

- Nay Bà-la-môn, người nhen nhúm ngọn lửa, dựng lên trụ tế đàn, trước khi tế lễ đàn, dựng lên ba cây kiếm bắt thiện đưa đến khổ sanh, khổ dị thực. Thế nào là ba?

Thân kiếm, ngữ kiếm, ý kiếm.

Nay Bà-la-môn, người nhen nhúm ngọn lửa, dựng lên trụ tế đàn, trước khi tế lễ đàn, khởi lên ý nghĩ: "Chừng ấy

con bò đực cần phải giết cho lễ tế đàn, chừng ấy con nghé đực cần phải giết cho lễ tế đàn, chừng ấy con dê cần phải giết cho lễ tế đàn, chừng ấy con cừu cần phải giết cho lễ tế đàn". Vị ấy nghĩ rằng: "Tôi làm công đức", lại làm bất thiện; nghĩ rằng: "Tôi tìm con đường đưa đến cõi lành", lại tìm con đường đưa đến cõi dữ. Nay Bà-la-môn, người nhen nhúm ngọn lửa, dựng lên trụ tế đàn, trước khi lễ tế đàn, dựng lên cây kiếm thứ nhất, bất thiện, đưa đến khổ sanh, khổ dị thực.

Lại nữa, này Bà-la-môn, người nhen nhúm ngọn lửa, dựng lên trụ tế đàn, trước khi lễ tế đàn, nói như sau: "Hãy giết chừng ấy con bò đực cho lễ tế đàn. Hãy giết chừng ấy con nghé cái cho lễ tế đàn. Hãy giết chừng ấy con dê cho lễ tế đàn. Hãy giết chừng ấy con cừu cho lễ tế đàn." Vị ấy nghĩ rằng: "Tôi làm công đức", lại làm phi công đức; nghĩ rằng: "Tôi làm thiện", lại làm bất thiện; nghĩ rằng: "Tôi tìm con đường đưa đến cõi lành", lại tìm con đường đưa đến cõi dữ. Nay Bà-la-môn, người nhen nhúm ngọn lửa, dựng lên trụ tế đàn, trước khi lễ tế đàn, dựng lên cây kiếm thứ hai, bất thiện, đưa đến khổ sanh, khổ dị thực.

Lại nữa, này Bà-la-môn, người nhen nhúm ngọn lửa, dựng lên trụ tế đàn, trước khi lễ tế đàn, tự mình bắt đầu khởi sự công việc: "Hãy giết các con bò đực cho lễ tế đàn"; tự mình bắt đầu khởi sự công việc: "Hãy giết các con nghé đực cho lễ tế đàn"; tự mình bắt đầu khởi sự công việc: "Hãy giết các con dê cho lễ tế đàn"; tự mình bắt đầu khởi sự công việc: "Hãy giết các con cừu cho lễ tế đàn". Vị ấy nghĩ rằng: "Tôi làm công đức", lại làm phi công đức; nghĩ rằng: "Tôi làm thiện", lại làm bất thiện; nghĩ rằng: "Tôi tìm con đường đưa đến cõi lành", lại tìm con đường đưa đến cõi dữ. Nay Bà-la-môn, người nhen nhúm ngọn lửa, dựng lên trụ tế đàn, trước khi lễ tế đàn, dựng lên cây kiếm thứ ba, bất thiện, đưa đến khổ sanh, khổ dị thực.

Này Bà-la-môn, người nhen nhúm ngọn lửa, dựng lên trụ tế đàn, trước khi lễ tế đàn, dựng lên ba cây kiếm này, đưa đến khổ sanh, khổ dị thực...

Được nói như vậy, Bà-la-môn Uggatasarira bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Tôn giả Gotama hãy nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng. Và thưa Tôn giả Gotama, con sẽ thả năm trăm con bò đực và cho chúng sống; con sẽ thả năm trăm con nghé đực và cho chúng sống; con sẽ thả năm trăm con dê và cho chúng sống; con sẽ thả năm trăm con cừu và cho chúng sống. Hãy để chúng ăn cỏ xanh; hãy để chúng uống nước mát; hãy để gió thổi chúng mát".

Như vậy, cứ theo lời Phật dạy thì việc cúng tế đi đôi với sát sanh là một việc làm sai lầm, tạo nên nhiều ác nghiệp, đưa đến quả báo khổ đau. Tô lòng tri ân đời

đất, thần thánh, nhân danh báo hiếu báo ơn cha mẹ, ông bà tổ tiên hay cầu phúc lạc cho mình và cho gia đình mình mà đang tâm giết hại chúng sinh để tế tự thì phúc đức đâu chẳng thấy, trái lại chỉ đưa đến nhiều tổn đức, mang lại nhiều khổ quả!

Đáng chú ý rằng theo quan niệm của đạo Phật về nghiệp (*kamma*) và nghiệp quả (*vipaka*) thì con người không thể viện dẫn lý do này hay lý do khác để chạy chữa cho hành vi sai lầm hay ác nghiệp của mình. Kinh Dhānañjāni thuộc tuyển tập *Trung bộ* nói rằng một người làm ác nghiệp vì cha mẹ, vì vợ con, vì tổ tiên, vì chư Thiên hay vì vua chúa không tránh khỏi bị đọa vào địa ngục và người ấy cũng không thể viện dẫn lý do vì người này hay người khác mà thoát khỏi quả báo ác nghiệp của mình. Kinh Thiên sứ ghi lời thẩm vấn khiển trách của vị vua Yama (Diêm vương) đối với một kẻ làm ác nghiệp bị rơi vào cảnh u đồ trước khi kẻ ấy phải nếm chịu nhiều cực hình thống khổ khốc liệt ở cõi địa ngục:

"Rồi này các Tỷ-kheo, vua Yama nói với người kia (tội nhân): "Này người kia, người có thấy giữa loài Người, các vua chúa sau khi bắt được tên trộm cướp có phạm tội, liền áp dụng nhiều hình phạt sai khác. Họ đánh bằng roi, họ đánh bằng gậy... họ lấy gươm chặt đầu". Người ấy nói: "Thưa Ngài, có thấy". Rồi này các Tỷ-kheo, vua Yama nói với người ấy: "Này người kia, tuy người là người có ý thức và lớn tuổi, nhưng người không có nghĩ: "Thật sự những ai làm các ác nghiệp, họ phải chịu những hình phạt sai khác, ngay trong hiện tại như vậy, huống nữa là về đời sau! Ta hãy làm điều thiện về thân, khẩu, ý". Người ấy đáp: "Thưa Ngài, tôi không có thể làm, vì tôi phóng dật, thưa Ngài".

Rồi này các Tỷ-kheo, vua Yama nói với nó: "Này người kia, nếu vì phóng dật nên người không làm điều thiện về thân, khẩu, ý; chắc chắn họ sẽ làm cho người, này người kia, tùy theo sự phóng dật của người. Vì rằng đây là một ác nghiệp của người, không phải do mẹ làm, không phải do cha làm, không phải do anh làm, không phải do chị làm, không phải do bạn bè thân hữu làm, không phải do bà con huyết thống làm, không phải do Sa-môn, Bà-la-môn làm, không phải do chư Thiên làm. Ác nghiệp ấy chính do người làm, chính người phải cảm thọ quả báo việc làm ấy"⁸.

Nhìn chung, theo sự phân tích và khuyên dạy của Đức Phật thì con người không nên làm các việc mê lầm, không nên tạo các ác nghiệp, dù đó là những việc làm tỏ rõ lòng biết ơn và nhớ ơn đối với muôn vàn ân đức giữa cuộc đời. Cụ thể là con người không nên thực hiện các hình thức cúng tế tổn kém phúc tạp, gây nên sự chết chóc cho nhiều loại sinh vật vô tội; vì những việc cúng tế mang tính sát hại như vậy chẳng những về nên một bức tranh phản cảm trong đời sống con người, mà còn tạo ra các ác nghiệp khó tránh khỏi quả báo khổ đau cho người thực hành sau khi thân hoại mạng chung.

Kinh Pháp cú nói rằng:

*"Chúng sanh cầu an lạc.
Ai dùng trượng hại người,
Để tìm lạc cho mình,
Đời sau không được lạc"⁹.*

Thay vào đó, Đức Phật khuyên mọi người nên thực thi các việc làm sáng suốt, hiền thiện, nên tiến hành các lễ hội cúng tế giản dị, ít tốn kém, không sát hại các sinh vật, gắn liền với bố thí cho người nghèo, cúng dường cho các bậc tu hành đức độ, những tế lễ chỉ dùng một ít thực phẩm chay tịnh làm vật hiến cúng¹⁰, với tâm nguyện trong sáng hướng về trời đất, thánh thần, cha mẹ, ông bà tổ tiên để tỏ lòng tôn kính biết ơn và nhớ ơn.

Ngoài ra, bậc Giác ngộ còn gợi ý cho mọi người nhiều cách thức cúng tế khác ít phiền tạp hơn, ít nhiều hại hơn, đưa đến nhiều kết quả hơn, nhiều lợi lạc hơn cho người thực hành¹¹:

- Tế đàn được thực hiện bằng cách bố thí rộng rãi và cúng dường cho các bậc tu hành đức độ.

- Tế đàn được thực hiện bằng cách góp phần xây dựng nơi chốn tu hành cho các bậc giới đức bốn phương.

- Tế đàn được thực hiện bằng cách quy y Tam bảo.

- Tế đàn được thực hiện bằng cách tuân giữ năm giới cấm: không sát sanh, không lấy của không cho, không tà hạnh trong các dục, không nói láo, không uống rượu.

- Tế đàn được thực hiện bằng cách thành tựu giới hạnh (*sīla*) hay tu tập Tăng thượng giới (*Addhi-sīla*).

- Tế đàn được thực hiện bằng cách thành tựu các thiện sắc giới (*rūpa-jhāna*) hay thực tập Tăng thượng tâm (*Addhi-citta*).

- Tế đàn được thực hiện bằng cách thành tựu trí tuệ (*pañña*) hay thực tập Tăng thượng trí tuệ (*Addhi-pañña*) hướng đến giải thoát (*vimutti*) và giải thoát tri kiến (*vimutta-nāna*).

Trong bài kinh nhấn mạnh về phương pháp kiến tạo công đức an lạc cho đời này và đời sau, Đấng Giác ngộ dạy như vậy:

"Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Thánh đệ tử đoạn tận sát sanh, từ bỏ sát sanh, đem cho không sợ hãi cho vô lượng chúng sanh, đem cho không hận thù cho vô lượng chúng sanh, đem cho không hại cho vô lượng chúng sanh; sau khi cho vô lượng chúng sanh không sợ hãi, không hận thù, không hại, vị ấy sẽ được san sẻ vô lượng không sợ hãi, không hận thù, không hại. Này các Tỷ-kheo, đây là nguồn nước công đức, là nguồn nước thiện dẫn đến khả ái, khả hỷ, khả ý, hạnh phúc, an lạc.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Thánh đệ tử đoạn tận lấy của không cho, từ bỏ lấy của không cho, đem cho không sợ hãi cho vô lượng chúng sanh, đem cho không hận thù cho vô lượng chúng sanh, đem cho không hại cho vô lượng chúng sanh; sau khi cho vô lượng chúng sanh

không sợ hãi, không hận thù, không hại, vị ấy sẽ được san sẻ vô lượng không sợ hãi, không hận thù, không hại. Này các Tỷ-kheo, đây là nguồn nước công đức, là nguồn nước thiện dẫn đến khả ái, khả hỷ, khả ý, hạnh phúc, an lạc.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Thánh đệ tử đoạn tận tà hạnh trong các dục, từ bỏ tà hạnh trong các dục, đem cho không sợ hãi cho vô lượng chúng sanh, đem cho không hận thù cho vô lượng chúng sanh, đem cho không hại cho vô lượng chúng sanh; sau khi cho vô lượng chúng sanh không sợ hãi, không hận thù, không hại, vị ấy sẽ được san sẻ vô lượng không sợ hãi, không hận thù, không hại. Này các Tỷ-kheo, đây là nguồn nước công đức, là nguồn nước thiện dẫn đến khả ái, khả hỷ, khả ý, hạnh phúc, an lạc.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Thánh đệ tử đoạn tận nói láo, từ bỏ nói láo, đem cho không sợ hãi cho vô lượng chúng sanh, đem cho không hận thù cho vô lượng chúng sanh, đem cho không hại cho vô lượng chúng sanh; sau khi cho vô lượng chúng sanh không sợ hãi, không hận thù, không hại, vị ấy sẽ được san sẻ vô lượng không sợ hãi, không hận thù, không hại. Này các Tỷ-kheo, đây là nguồn nước công đức, là nguồn nước thiện dẫn đến khả ái, khả hỷ, khả ý, hạnh phúc, an lạc.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Thánh đệ tử đoạn tận đắm say rượu men, rượu nấu, đem cho không sợ hãi cho vô lượng chúng sanh, đem cho không hận thù cho vô lượng chúng sanh, đem cho không hại cho vô lượng chúng sanh; sau khi cho vô lượng chúng sanh không sợ hãi, không hận thù, không hại, vị ấy sẽ được san sẻ vô lượng không sợ hãi, không hận thù, không hại. Này các Tỷ-kheo, đây là nguồn nước công đức thứ tám, là nguồn nước thiện dẫn đến khả ái, khả hỷ, khả ý, hạnh phúc, an lạc"¹².

Như vậy, người Phật tử chỉ cần giữ năm giới (không sát sanh, không lấy của không cho, không tà hạnh trong các dục, không nói láo, không uống rượu) thôi thì đã thực thi việc cúng tế tốt đẹp, thi ân lớn cho cuộc đời, tạo nên nhiều phúc đức cho mình và cho những người thân yêu của mình, cùng lúc san sẻ nhiều phúc lạc cho vô số chúng sinh rồi vậy. ■

Chú thích:

1. Kinh Bà-la-môn Pingiyàni, *Tăng chi bộ*.
2. Kinh Đất, *Tăng chi bộ*.
3. Kinh Bốn nghiệp công đức, Kinh Trở thành giàu, *Tăng chi bộ*.
4. Kinh Ujjaya, *Tăng chi bộ*.
5. Kinh Kùtadanta, *Trường bộ*.
6. Kinh Kandaraka, *Trung bộ*.
7. Kinh Lửa, *Tăng chi bộ*.
8. Kinh Thiên sứ, *Trung bộ*.
9. Kinh Pháp cú, kệ số 131.
10. Kinh Kùtadanta, *Trường bộ*.
11. Kinh Kùtadanta, *Trường bộ*.
12. Kinh Nguồn nước công đức, *Tăng chi bộ*.

Đầu xuân, bàn về hạnh phúc

Đi tìm một định nghĩa về hạnh phúc

Những ngày xuân chúng ta thường nghe câu “Chúc mừng năm mới” hay “Chúc bạn một năm mới tràn đầy hạnh phúc”; cách chúc nghe ít khách sáo hơn “Năm mới an khang thịnh vượng; tấn tài tấn lộc”. Trong tiếng Anh, chúng ta đọc “Happy New Year”, còn sinh nhật thì là “Happy Birthday!”. Vậy thì “happiness” hạnh phúc là gì mà câu chúc nào cũng hiện diện?

Theo định nghĩa của Wikipedia thì “Hạnh phúc là một trạng thái cảm xúc của con người khi được thỏa mãn một nhu cầu nào đó mang tính trừu tượng. Hạnh phúc là một cảm xúc bậc cao, được cho rằng chỉ có ở loài người, nó mang tính nhân bản sâu sắc và thường chịu tác động của lý trí”.

Giải thích căn cơ hơn thì không phải ai cũng hiểu và cắt nghĩa được. Giáo sư Cao Huy Thuần trong một bài nói chuyện của mình¹ đã phải đi tìm nguồn gốc sâu xa trong văn hóa phương Đông, cụ thể là triết học Trung Hoa. Ông tìm thấy nghĩa chữ “phúc” là “dâng bình rượu lên bàn thờ”, là thờ phụng, cầu mong. Cái gì người sống muốn thì người chết cũng muốn. Trong Kinh Lễ, phúc là hanh thông, may mắn. Trang Tử nói “Ai giết đời sống thì không chết, ai dưỡng đời sống thì không sinh ra”, nghĩa là hãy vứt bỏ những câu hỏi vô ích đi. Phải sống thế

này thế nọ, phải trường sinh, thì tức là chẳng sống gì cả, sống cũng như chết; cứ sống tự nhiên, không căng thẳng thì sẽ bình yên, thì sẽ vui, và thậm chí... trường sinh! Triết lý phương Đông bảo chúng ta phải quên mục đích thì triết lý phương Tây lại nhấn mạnh mục đích.

Aristote khẳng định “Hạnh phúc là mục đích tối hậu của con người. Không ai đi tìm danh vọng vì danh vọng, tìm khoái lạc vì khoái lạc mà vì người ta nghĩ rằng những thứ đó đem lại hạnh phúc”.

Trong khi đó, Socrate lại khẳng định “Muốn có hạnh phúc phải sống đạo hạnh”. Ông còn nói rõ “Điều quan trọng không phải là sống, mà là sống thiện”. Vivre dans le bien. Hạnh phúc của ông dựa trên một cái kiềng ba chân: biết đủ, biết trùng hợp và biết lý trí. Ở chân thứ hai đạo đức trùng hợp với hạnh phúc. Thế nên có những kẻ đủ sức khỏe, tiền bạc và sắc đẹp nhưng vẫn không hạnh phúc như Aristote nhấn mạnh “Hạnh phúc là đức hạnh dưới mọi hình thức”.

Heraclitus nói: “Nếu thỏa mãn vật chất là hạnh phúc thì ta có thể xem con bò là hạnh phúc”.

Sau này Karl Marx cũng từng nói “Người hạnh phúc nhất là người đem đến hạnh phúc cho nhiều người nhất...” hay “Chỉ có cảm thú mới quay mặt trước nỗi đau của đồng loại, mà chăm lo cho hạnh phúc riêng của mình...”.



NGUYỄN CÂN

Khi chúng ta học Triết học Tây phương, người ta đã phân biệt khoái lạc (pleasure), niềm vui (joy) và hạnh phúc (happiness) rất rõ; và nhấn mạnh tính chất trường cửu của hạnh phúc so với hai cảm xúc kia. Thậm chí có triết gia cho rằng con người chỉ có thể tìm hạnh phúc trên “thiên giới” hay “cõi bên kia”. Nói như Schopenhauer thì đau khổ là bản chất của đời sống và hạnh phúc và những giây phút hạnh phúc không gì khác hơn là những khoảnh khắc hết đau khổ trước khi bước qua đau khổ khác. Kant thì cho rằng *“Hạnh phúc là lý tưởng của tưởng tượng”*, như người Anh thường cho rằng *“Hạnh phúc là con chim mắc cở, hễ ta tìm tới, nó sẽ bay đi”* và con người suốt đời chơi trốn tìm với nó. Phật giáo có bi quan như Schopenhauer không khi cho rằng *“đời là bể khổ”*? Ở phần sau chúng ta sẽ tìm hiểu...

Để tiến đến “quốc gia hạnh phúc”

Có phải chẳng hạnh phúc quốc gia là tổng hạnh phúc của tất cả công dân nước ấy gộp lại hay là dựa trên đa số?

Cả hai bản Tuyên ngôn Độc lập của Hoa kỳ (1776) và Tuyên ngôn Độc lập của Việt Nam (1945) đều nêu rõ *“Tất cả mọi người sinh ra đều có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm*

được, trong những quyền ấy có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”.

Thomas Jefferson đã thay quyền tư hữu của John Locke bằng quyền mưu cầu hạnh phúc (pursuit of happiness). Vì sao? Chúng ta cần hiểu rằng “hạnh phúc chung” là “hạnh phúc của toàn cộng đồng” theo Hiến pháp 1793 của người Pháp. Theo J.J. Rousseau, nhà nước phải thực hiện công bằng, loại trừ những bất bình đẳng trong xã hội, nguồn gốc của tai họa và chia rẽ, xây dựng trên đạo đức của mỗi công dân. Một nhà nước dân chủ, theo Rousseau phải biết giáo dục công dân, dung hợp tự do và đạo đức, sống tương thân tương ái như trong một đoàn thể bền vững. Theo quan điểm Hồ Chí Minh, trong điều kiện nước thuộc địa như Việt Nam thì trước hết phải đấu tranh giành độc lập dân tộc, nhưng nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do thì đó vẫn là độc lập kiểu cũ. *“Nếu nước được độc lập mà dân không được hưởng hạnh phúc, tự do thì độc lập cũng không có nghĩa lý gì”*².

Bài viết năm ngoái của chúng tôi vào tháng 3 trên tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* cũng đã phác họa chân dung “quốc gia hạnh phúc”. Cũng cần nhắc lại rằng năm 2017 thì Na Uy đã trở thành đất nước hạnh phúc nhất cho dù trong năm qua, giá dầu mỏ - ngành sản xuất chính của Na Uy - liên tiếp lao dốc làm thu nhập bình quân của người dân giảm mạnh. Trong khi Na Uy vươn lên từ vị trí thứ 4 năm ngoái, Đan Mạch xuống hạng nhì, tiếp theo là Iceland, Thụy Sĩ, Phần Lan, Hà Lan, Canada, New Zealand, Úc, Thụy Điển là nhóm 10 nước dẫn đầu. Xếp cuối bảng là các nước nghèo, phần lớn ở châu Phi, kém nhất là Cộng hòa Trung Phi, liền kề trên là các nước Burundi, Tanzania, Syria và Rwanda, Togo, Guinea, Liberia và Nam Sudan. Việt Nam xếp thứ 94/155 thuộc nhóm dưới trung bình.

Yếu tố nào tạo nên hạnh phúc

Từ bảng xếp hạng trên, kết luận dễ thấy nhất là hễ nghèo thì khó có hạnh phúc; như thể hiện ở các nước cuối bảng, chỉ số hạnh phúc đều rất thấp do nghèo khó, chiến tranh, loạn lạc. Nhưng sự giàu có chưa hẳn đã đem lại hạnh phúc vì như một số nhà phân tích, GNH (Gross National Happiness) đối với dân chúng quan trọng hơn GNP (Gross National Products).

Giáo sư John Helliwell, nhà kinh tế tại Đại học British Columbia (Canada), tác giả chính của báo cáo, đặt câu hỏi, *“Con người mới là vấn đề. Nếu giàu có làm cho quan hệ giữa người với người trở nên ít thường xuyên hơn, kém tin cậy hơn thì có đáng không?”*. Bốn quốc gia có thứ hạng cao nhất đều đạt các chỉ tiêu cao về những yếu tố tạo nên hạnh phúc: *sự quan tâm, tự do, tính trung thực, lòng hào hiệp, thu nhập cao và nền hành chính quản trị tốt*. Để làm được điều này, người ta cần phải có sự tin tưởng lẫn nhau, chia sẻ mục đích, đồng lòng trong việc quản trị xã hội chung. Tất cả các quốc gia trong nhóm



10 nước cao nhất đều đạt được chỉ số có giá trị cao trong sáu biến số thường dùng để giải thích sự khác biệt về hạnh phúc mỗi nước - thu nhập, đời sống tốt và tuổi thọ cao, khả năng tương trợ trong thời kỳ khủng hoảng, lòng hào hiệp, tự do và tin cậy, nghĩa là giảm thiểu ở mức thấp nhất hoặc không có tình trạng tham nhũng trong kinh doanh và hệ thống công quyền.

Theo Báo cáo, nếu bạn muốn sống hạnh phúc thì bạn cần nhiều thứ hơn là tiền bạc. Ý thức cộng đồng, sự trợ giúp và chia sẻ giữa người và người mới là điều dễ mang lại hạnh phúc. *(Điều này không có gì mới so với quan điểm nhà Phật trình bày bên dưới về ý nghĩa tương sinh tương tức)*. Một số ghi nhận chính về những nét đặc trưng trong đời sống của những nước có chỉ số cao là:

- *Không có sự phân biệt về địa vị trong xã hội*: Trong xã hội, mọi người đều như nhau. *"Bạn không hề tốt hơn những người khác"* là một câu nói nổi tiếng của những người dân Bắc Âu. Người dân không chọn công việc dựa trên thu nhập hay địa vị xã hội.

- *Lòng tin*: Họ rất tin nhau, và tin cả chính phủ do mình bầu ra. Biểu hiện cụ thể nhất là rau quả được bày bán không cần giám sát; xe đạp không cần phải khóa...

- *Chính sách phúc lợi hào phóng*: Dù thuế rất cao, nhưng đóng góp vào hệ thống phúc lợi chung. Mọi người đều hưởng chế độ y tế và giáo dục miễn phí. Trợ cấp thất nghiệp và các chương trình hỗ trợ thất nghiệp đều rất hào phóng. Đúng như Thomas Jefferson từng nói, *"Việc chăm lo đời sống con người và hạnh phúc... là mục đích hợp pháp duy nhất của mọi chính quyền"*.

Chúng ta cũng cần biết sắp đến Ngày Quốc tế Hạnh phúc (20/3) vốn được lấy từ ý tưởng của Vương quốc Bhutan là nước có chỉ số hạnh phúc cao dựa trên các yếu tố như sức khỏe, tinh thần, giáo dục, môi trường, chất lượng quản lý và mức sống và chất lượng sống của người dân.

Theo GS Cao Huy Thuần trong một bài viết của mình³ thì hạnh phúc, như ông cảm nhận qua *Nhật ký Đặng Thùy Trâm*, gồm 3 điểm khiến những người chiến sĩ trong chiến tranh vẫn cảm thấy hạnh phúc, vượt qua mưa bom bão đạn: Thứ nhất, hạnh phúc là được sống trong hạnh phúc của người khác; thứ hai, hạnh phúc là sống vì hạnh phúc của người khác; thứ ba hạnh phúc là dâng hiến... *"Ôi! Cuộc đời đổi bằng máu xương tươi trẻ của bao người. Biết bao cuộc đời đã chấm dứt để cuộc đời khác được tươi xanh"*. Tất cả những điều ấy khiến người ta có thể hy sinh mà không nghĩ đến quyền lợi bản thân mình. Còn khi hòa bình lập lại, người ta do thiếu tu dưỡng hay do nhiều yếu tố ngoại tại của xã hội, lại trở nên ích kỷ và chỉ lo vun vén quyền lợi của mình, nhiều khi sinh ra ganh ghét tị hiềm, đố kỵ, và tranh chấp nhỏ nhen!

Những rào cản hạnh phúc

Ngoài hố ngăn cách giàu nghèo ngày một nở rộng, tình trạng tham nhũng chưa được cải thiện, dù có cố gắng, và nền hành chính quản trị còn nhiều bất cập do "lợi ích nhóm" hay do trình độ, thì theo tin từ trang *"baomoi.com"*, lượng người tự tử đang ở mức báo động. Theo thống kê từ Trung tâm Chống độc, Bệnh viện Bạch Mai, số người chết do tự tử chiếm 33,7%, xếp thứ hai sau nguyên nhân gây chết người do tai nạn giao thông... Hầu như ngày nào cũng có bệnh nhân tự tử được đưa vào bệnh viện để được cấp cứu. Người tự tử chủ yếu đều là những người trẻ tuổi, chỉ một số ít ở trẻ em và người cao tuổi; đặc biệt nữ giới nhiều hơn nam giới. Căn nguyên phổ biến nhất dẫn tới tự tử là do stress, trầm cảm... Đa số đều có dấu hiệu căng thẳng, xung đột tâm lý, dẫn tới buồn chán, bỏ ăn, bỏ ngủ, vì nợ nần, và có thể là cả người có tiền sử bệnh tâm thần.

Theo các bác sĩ, nhằm giảm thiểu số ca tử vong do tự tử, điều cần thiết nhất vào lúc này là việc điều trị tâm lý, cần phải kiểm tra, đánh giá sức khỏe tâm thần ngay khi cảm thấy gặp nhiều áp lực trong cuộc sống và thăm khám điều trị về thể chất khi cơ thể có dấu hiệu của bệnh tật. Có nguồn tin cho biết 85% bệnh nhân ung thư hiện nay bị trầm cảm. Với người mắc đái tháo đường chưa kiểm soát, tỷ lệ này cũng tương tự. Bệnh nhân đang được điều trị ổn định về đường huyết tỷ lệ trầm cảm điển hình là 25%. Trầm cảm làm tăng gấp đôi nguy cơ chết ở người mắc đái tháo đường và ngược lại. Theo Phó Giáo sư Tiến sĩ Cao Tiến Đức, Chủ nhiệm Khoa Tâm thần, Bệnh viện Quân y 103, một năm số người tự tử do trầm cảm ở Việt Nam lên đến 36.000-40.000 người. Hiện có khoảng 30% dân số bị rối loạn tâm thần, trong đó trầm cảm chiếm tới 15-25%. (Số liệu này theo chúng tôi cần kiểm chứng vì có tài liệu khác nói chỉ khoảng 4% dân số thôi, cũng đã là nhiều lắm rồi!). Chúng ta cũng nên biết tự tử là nguyên nhân gây tử vong đứng hàng thứ 13 ở mọi lứa tuổi trên thế giới.

Việc phát hiện, ngăn chặn và phòng ngừa hiện tượng thanh thiếu niên tự tử thì nhà trường và gia đình đóng vai trò then chốt cùng với sự góp sức của xã hội.

Chúng ta cần làm gì?

Tiếp tục cải thiện môi trường sống và làm việc. Phải tạo niềm tin cho người dân vào cộng đồng, và các cấp chính quyền, đoàn thể cơ sở. Tiếp tục việc chống tham nhũng triệt để, rồ ráo và không nhân nhượng. Cải cách hành chính một cách sâu rộng, đều khắp.

Trong hệ thống giáo dục hướng nghiệp, phải thay đổi quan niệm “lao động tay chân” và “lao động trí óc”, dẫn đến tình trạng “thừa thầy thiếu thợ” và chạy theo danh vọng hão, không cần thực lực. Tình trạng đua đòi ăn mặc xa hoa, mua bằng cấp, chạy tuyên dương... cần phải thay đổi tận gốc! Văn hóa phải đi kèm với phẩm giá và danh dự. Gia đình chính là nơi tuổi trẻ học tập theo gương cha anh. Không chạy theo thành tích, ép buộc con trẻ học căng thẳng, dẫn đến những âu lo, sinh tự ti và trầm cảm! Nếu cha mẹ thực sự yêu thương con cái, họ sẽ nhận ra nỗi buồn trong mắt của con, hay những hành vi bất thường của trẻ. Cha mẹ là người bạn lớn của các em, chia sẻ và đồng cảm với con cái trong những lúc khó khăn, cần tư vấn.

Nhà trường không chỉ dạy chữ, mà cả kỹ năng sống và ứng xử cho học sinh. Cần có thầy “khải đạo” hay tư vấn cho các em, nếu không, thầy cô chủ nhiệm phải hướng dẫn các em cách giải quyết những khúc mắc trong cuộc sống, tình yêu và tình bạn. Chúng ta sẽ không phải chứng kiến những cái chết vô nghĩa. Các tổ chức đoàn thể, xã hội trong nhà trường phải kết nối được các em, tạo ra những sân chơi lành mạnh, những sinh hoạt chuyên đề giúp các em bộc lộ tính cách và tháo gỡ những băn khoăn của mình.

Còn về những người lớn tuổi, cũng phải cần đến vai trò gia đình và cộng đồng. Đừng để ai có cảm giác cô đơn bị bỏ rơi trong đói nghèo, bệnh tật. Ở đây trở lại với quan niệm “đời là bể khổ” của nhà Phật từ “sinh, lão, bệnh, tử cho đến ngũ ấm xí thanh khổ...”. Nghĩa là nó đủ khổ! Hạnh phúc thực sự theo quan điểm Phật giáo là gì? Đó là sự chấm dứt khổ đau (dukkha) được giải thích như là Diệt đế trong Tứ diệu đế; hay nói một cách rồ ráo, hạnh phúc thực sự là sự tự tại trong khổ đau, sầu muộn và sợ hãi. Chữ khổ hay dukkha nghĩa là không được thỏa mãn (unsatisfactory). Vì sao không được thỏa mãn? Vì bản chất của ngũ uẩn hay cuộc đời là vô thường, nhưng ước muốn của con người là thường, do vậy khổ. Khổ do không được toại ý, vốn thường trực chi phối đời sống con người, nên nhà Phật dạy con người phải biết sống trong chánh niệm, nghĩa là “tỉnh thức”.

Nếp sống tỉnh thức - nói cách khác là nếp sống trung đạo - giảm thiểu ái dục, không bị chi phối bởi tham, sân, si, luôn tích cực hành động phụng sự mà không bám víu vào ước muốn sở hữu. Vì như đã nói ở trên, hạnh phúc

không chỉ là những tiện nghi vật chất hay tiền tài danh vọng, những thứ khêu gợi và kích thích lòng tham khiến bao nhiêu quan chức có địa vị ra tòa gần đây hay những kẻ thâm hiểm khác đưa thế giới vào vòng chiến tranh chỉ vì đam mê lãnh thổ, lãnh hải, quyền lực... tất cả đều bị chi phối bởi quy luật vô thường...

Làm sao để đoạn trừ khổ đau, sợ hãi, lo âu và sầu muộn; hay nói cách khác, làm sao để đạt được hạnh phúc thực sự trong cuộc sống? Phương pháp mà Phật đã dạy là phát triển Giới, Định và Tuệ. Cụ thể hơn, Đức Phật đã dạy cho Dighajanu đến với Đức Phật trong kinh *Hạnh phúc người tại gia*. Khi đó Đức Phật dạy cho Dighajanu bốn điều cần phải làm để tạo cuộc sống hiện tại được hạnh phúc:

1. Phải có một nghề nghiệp giỏi, phải siêng năng và nhiệt thành trong nghề nghiệp của mình.

2. Phải bảo vệ nguồn thu nhập của mình đừng để bị thiên tai làm tổn hại, và trộm cắp lường gạt. Nguồn thu nhập phải hợp pháp.

3. Tránh xa bạn ác. Luôn cẩn thận và học hỏi với những người có đức hạnh và trí tuệ.

4. Chi tiêu phải phù hợp với thu nhập của mình, không tiêu pha lãng phí tiền bạc trong cờ bạc và tửu sắc.

Để tạo cho đời sống tương lai được hạnh phúc, Đức Phật khuyên Dighajanu phải thực hiện bốn điều sau đây:

a. Có niềm tin trọn vẹn về giá trị đạo đức và tâm linh (tức là có đức tin Tam bảo, Phật, Pháp, Tăng và tin luật nhân quả).

b. Thực hành năm điều đạo đức bằng cách không giết hại, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối và không dùng những chất làm não loạn tâm trí như rượu và ma túy.

c. Bố thí và làm những công việc từ thiện.

d. Phát triển trí tuệ để thấy được bản chất vô thường của cuộc đời, và giúp đoạn tận khổ đau.

Chúng ta thấy hạnh phúc theo quan điểm nhà Phật thật đơn giản nhưng không dễ thực hiện nếu không có quyết tâm tinh tấn, chuyên cần, mật hạnh và kiên định.

Hạnh phúc của một người sẽ lan tỏa ra cộng đồng và đáng yêu biết mấy cuộc sống, khi ta luôn tỉnh thức với những con người quanh ta cũng luôn luôn hướng thiện. Chứng ấy, chúng ta không cần Ngày Quốc tế Hạnh phúc vì ngày nào cũng thế!

Mong sao! ■

Chú thích:

1. Cao Huy Thuần, *Khi tựa gối khi cúi đầu*, Nxb Tri Thức 2017, Hạnh phúc trong thơ, tr.63.

2. Hồ Chí Minh, *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 4, tr.283.

3. Cao Huy Thuần, *Khi tựa gối khi cúi đầu*, Nxb Tri Thức 2017, Hạnh phúc, tr.247.

4. Thích Giác Như, *Tóm tắt kinh Hạnh phúc người tại gia - Tăng chi bộ III*, *giacngo online* 27/8/2015.

Như huyễn tam-muội

NGUYỄN THẾ ĐĂNG



Tất cả các xuất hiện hình tướng đều xuất phát từ thức căn bản a-lại-da hay tạng thức. Kinh nói về tạng thức như sau:

“Tạng thức Như Lai tạng này bản tánh thanh tịnh, chỉ vì khách trần nhiễm ô mà hoá bất tịnh, có sanh diệt”. “Như Lai tạng tạng thức này là cảnh giới Phật, là chỗ hành của các Bồ-tát trí thanh tịnh tùy thuận chân nghĩa”. “Chân như là tự tánh viên thành Như Lai tạng tâm”.

Như Lai tạng tức là Pháp thân của tất cả chư Phật. Như Lai tạng này bản tánh là ánh sáng:

“Đại Huệ! Đại Bồ-tát sơ địa nhờ lực gia trì của chư Phật mà nhập định Đại thừa quang minh”.

Như Lai tạng hay Pháp thân là quang minh, cho nên các Bồ-tát từ sơ địa bắt đầu vào Pháp thân được gọi là “nhập định Đại thừa quang minh”. Tạng thức Như Lai tạng là nền tảng cho mọi xuất hiện hình tướng, và sự xuất hiện trên nền tảng này được kinh cho nhiều thí dụ: *“... như tấm gương sáng không có phân biệt, tùy thuận các duyên mà hiện các hình bóng, đó chẳng phải là hình chẳng phải không phải hình, mà người ngu phân biệt bèn thấy ra các tướng hình và chẳng phải hình...”; “... như trong gương sáng hiện các hình sắc, hiện thức cũng vậy...”; “... như nơi gương mặt nước tự thấy mặt mình...”;*

“... thấy đủ thứ ngọn lửa, tánh lửa vẫn là một...”; “... sóng và nước đại dương...”; “... như ngọc ma-ni tùy tâm mà hiện sắc, các pháp như huyễn như mộng, như ảnh, như bóng trong gương, như trăng trong nước, xa lìa sanh diệt, thường đoạn...”; “... như hoa giữa hư không, không sanh không diệt...”.

Ở đây, chúng ta chỉ nghiên cứu thí dụ “tấm gương sáng và các hình bóng trong gương”. Các bóng trong gương là do các duyên mà hiện, vì duyên sanh nên vô tự tánh, như huyễn, như mộng... Nhưng các bóng ấy luôn luôn hiện trên nền tảng tấm gương sáng “Như Lai tạng tạng thức bản tánh thanh tịnh”. Người bình thường không thấy tấm gương sáng vì họ chỉ chú mục vào các bóng và chạy theo chúng, bỏ quên nền tảng của các bóng là tấm gương vốn bất động và hằng sáng. Cho nên để thấy tấm gương sáng thì phải thấy như thật các bóng trong gương là như huyễn:

*Thân, tài sản, chỗ ở
Đều duy tâm ảnh hiện
Phàm ngu không thể biết
Khởi chấp có chấp không
Cảnh giới chỉ là tâm
Lìa tâm không thể đắc.*

Thấy các bóng là không thật, như huyễn đến đâu thì tấm gương sáng hiện ra đến đó. Thấy như huyễn đến đâu thì giải thoát đến đó. Thấy như huyễn là đi vào các địa của Pháp thân:

“Đại Huệ! Lại có Sa-môn, Bà-la-môn quán thấy tất cả pháp đều vô tự tánh, như mây giữa hư không, như vòng lửa quay, như trăng trong nước, như cảnh trong mộng, chẳng lìa tự tâm, do hư vọng thấy từ vô thủy đến nay mà bám giữ cho là bên ngoài. Quán như thế rồi, cắt đứt duyên phân biệt, cũng lìa sự bám giữ danh và nghĩa của vọng tâm, biết thân, tài sản, chỗ ở... tất cả đều là cảnh giới của tạng thức, không có gì là năng sở bám giữ và sanh trụ diệt, tư duy như vậy thường xuyên không bỏ.

Đại Huệ! Các Đại Bồ-tát ấy không lâu sẽ đắc sanh tử và Niết-bàn cả hai bình đẳng, đại bi phương tiện vô công dụng hạnh, quán thấy chúng sanh như huyễn như ảnh theo duyên mà khởi, biết tất cả cảnh giới lìa tâm thì không thể đắc. Hành đạo vô tướng dẫn lên các địa, trụ trong tam-muội, thấy rõ ba cõi đều duy tự tâm, đắc như

huyễn định, tuyệt hết tất cả ảnh tượng, thành tựu trí huệ, chứng vô sanh nhẫn, nhập định như kim cương, sẽ đắc Phật thân, hằng trụ như như, khởi các lực thần thông biến hoá tự tại. Đại Huệ! Các vị ấy có phương tiện để trang nghiêm, du hý các cõi nước Phật, lìa tâm, ý, ý thức, lần lượt chuyển y thành thân Như Lai.

Đại Huệ! Đại Bồ-tát muốn đắc thân Phật, phải nên xa lìa uẩn, giới, xứ do tâm nhân duyên tạo ra, các pháp sanh trụ diệt, các phân biệt hý luận. Chỉ trụ tâm lượng quán sát ba cõi từ vô thủy đến nay đều do hư vọng tích tập mà khởi. Tư duy Phật địa vốn vô tướng, vô sanh, tự chứng thánh pháp, được tâm tự tại vô công dụng hạnh, như ngọc như ý tùy nghi hiện thân, khiến đạt duy tâm dân vào các địa.

Thế nên, Đại Huệ! Đại Bồ-tát nên khéo tu học chân lý tự chứng này”.

Đây là con đường quán như huyễn để thấy sanh tử là như huyễn, do đó thoát khỏi sanh tử, dẫn vào như huyễn tam-muội, chứng vô sanh pháp nhẫn và đi đến giác ngộ viên mãn của một vị Phật. Người ta “lìa tâm, ý, ý thức” phân biệt hư vọng bằng cách quán như huyễn để đi vào các địa Pháp thân. Ở đây, chúng ta học như huyễn như mộng bằng thí dụ “tấm gương sáng và các bóng trong gương”, soi sáng những khía cạnh của thí dụ ấy, bởi vì thấy các bóng trong gương, các hình tướng của sanh tử là như huyễn như mộng tức là giải thoát.

- Các bóng là như huyễn vì không có tự tánh, có hiện là nhờ nền tảng là tấm gương sáng, tùy các duyên mà hiện, một duyên thay đổi thì toàn cảnh thay đổi. Không có duyên thì không hiện. Điều này cũng giống như trong giấc mộng.

- Giấc mộng sở dĩ có được là do sự phóng chiếu của nghiệp thức cá nhân trên nền tảng là Như Lai tạng vốn thanh tịnh và quang minh. Cũng thế, các trạng thái một đời người có thể kinh nghiệm là trạng thái thức, trạng thái ngủ, trạng thái thiền định và trạng thái trung ấm đều là sự phóng chiếu, biến hiện của thức cá nhân trên nền tảng Như Lai tạng thanh tịnh và quang minh. Chúng là các hình bóng theo các duyên mà hiện trên tấm gương vốn thanh tịnh và quang minh.

- Các bóng là do thức sai biệt mà hiện ra sai khác, nhưng thật ra sự sai khác đó không thật vì các bóng chỉ là gương, lìa gương thì không thể có bóng nào cả. Hai người nghiệp thức khác nhau thì thấy gương hình như khác nhau vì các bóng trong đó khác nhau, nhưng thật ra chỉ có một gương sáng “thật tướng của tạng thức là vô sai biệt”.

- Dù tùy theo nghiệp riêng mà có các bóng khác nhau nhưng bản chất của các bóng là ánh sáng, chung một ánh sáng của gương. Các bóng chỉ là ánh sáng được nhìn qua nghiệp thức phân biệt biến hiện của mỗi người. Cho nên khi nhìn thấy các bóng chỉ là ánh sáng của gương được khuôn theo tạng thức riêng

của mỗi người, các bóng chỉ là ánh sáng được “đóng khuôn thành hình tướng” theo cái vọng thấy của mỗi người, chúng ta thấy như thật các bóng là như huyễn và có bản chất là ánh sáng căn bản vốn có của gương. Các hình tướng thấy được khi thức và khi ngủ đều là ánh sáng, nhưng hiện hình theo nghiệp thức của mỗi người. Thấy các bóng, các hình tướng là hiện hình của ánh sáng đồng nhất và độc nhất, ánh sáng của tấm gương toàn khắp, đó là cái thấy giải thoát.

- Các bóng là biểu hiện của ánh sáng của gương, các hình tướng là biểu hiện của ánh sáng của Pháp thân, thấy được như vậy là chúng ta bắt đầu “nhập định Đại thừa quang minh” hay đi vào ánh sáng của Pháp thân. Càng thấy các bóng, các hình tướng là như huyễn, nghĩa là càng xa lìa cái vọng thấy cho là có thật, chúng ta càng đi sâu vào ánh sáng của gương; càng thấy ánh sáng rộng khắp của gương, càng thấy toàn bộ mặt gương sáng.

Toàn bộ mặt gương sáng này, Duy thức gọi là Đại viên cảnh trí, trí như tấm gương lớn tròn sáng. Đây là trí làm nền tảng cho ba trí Bình đẳng tánh, Diệu quan sát và Thành sở tác. Trí này cũng được gọi là “Pháp thân của chư Phật”.

- Khi thấy các bóng là biểu hiện theo duyên sanh của ánh sáng vốn sẵn của gương, các hình tướng là biểu hiện theo duyên sanh của ánh sáng nền tảng căn bản vốn sẵn có của Pháp thân, nghĩa là chúng như huyễn như mộng, người ta đi vào “định Đại thừa quang minh” hay “Như huyễn tam-muội”. Như huyễn nghĩa là vô sanh, như huyễn tam-muội là vô sanh pháp nhẫn.

“Chư Như Lai quá khứ, vị lai, hiện tại nói tất cả pháp chẳng sanh. Vì sao thế? Vì cái mà tự tâm thấy chẳng phải có tánh, lìa có, cho nên vô sanh, như sừng thỏ, sừng ngựa... mà người ngu vọng chấp. Đại Huệ! Thân thể, tài sản, thế giới... tất cả đều là ảnh tượng của tạng thức, đối tượng để nắm giữ và người nắm giữ cả hai đồng thời hiện, những người ngu kia theo hai kiến chấp sanh trụ diệt, ở trong đó mà vọng khởi phân biệt có, không. Đại Huệ! Ông nên chuyên cần tu học nghĩa này”.

Như thế, các tướng, các bóng thấy như có sanh nhưng thật ra là vô sanh. Như huyễn là ở trong các tướng tạo ra sanh tử, với chúng sanh là có sanh thì với Bồ-tát là vô sanh. Người tu hạnh Bồ-tát thì không bỏ chúng sanh, không bỏ thế giới hình tướng sanh tử nơi trú ngụ của chúng sanh để hoàn toàn chứng đắc tấm gương không có bóng, ánh sáng căn bản không có các hình tướng. Người Bồ-tát vẫn ở nơi sanh tử, ở nơi tấm gương có tất cả các bóng, mà thấy chúng là vô sanh.

Người Bồ-tát sống trong cùng một tấm gương sáng có các bóng, trong cùng ánh sáng căn bản có các tướng như chúng sanh, nhưng thay vì như người thường thấy các bóng, các tướng là thật, thì người Bồ-tát thấy chúng là như huyễn, là vô sanh. Đây là như huyễn tam-muội. ■



Luộm thuộm chức danh, học hàm, học vị

LÊ HẢI ĐĂNG

Đứng trước phòng khám, thấy tấm biển ghi: Bác sĩ Nguyễn Văn A, chuyên khoa..., giáo sư, tiến sĩ, trưởng khoa... nguyên phó chủ tịch... không khỏi khiến bệnh nhân lưỡng lự, thậm chí hoang mang về bệnh tình... của bác sĩ. Trong trường hợp này, có lẽ bệnh của bác sĩ còn nặng hơn bệnh nhân. Vì, đối với bệnh nhân, bác sĩ đã là một bảo chứng cần tìm đến mỗi khi lâm vào tình trạng sức khỏe xuống cấp. Song, đằng sau tấm biển trên cho thấy sự sa sút, xuống cấp về niềm tin. Cuộc khủng hoảng này đã lan rộng trong xã hội, ăn sâu vào tâm lý con người khiến cho các chỉ báo đo lường chất lượng, mức độ, nhất là độ tin cậy không ngừng gia tăng bên ngoài sản phẩm, kể cả con người.

Trong hoạt động nghiên cứu, một địa hạt thuộc lĩnh vực khoa học, người ta cũng không ngần ngại huy động nhiều chỉ báo không liên quan nhằm gia tăng độ tin cậy, như học hàm, học vị, chức danh, nghệ danh... Những món đồ trang sức ấy phơi bày nhan nhản trên trang báo, len lỏi vào tấm *name card* cá nhân. Nhiều người tỏ ra thiếu tự tin khi viết: "ông A, bà B nói rằng". Thay vào đó, những giáo sư, tiến sĩ, nghệ sĩ nhân dân, nghệ sĩ ưu tú, nguyên chủ tịch, phó chủ tịch hội này đoàn kia... ngồn ngộn trong bài viết.

Thói chuộng danh, háo danh, thích danh, bệnh sĩ... phổ biến ở nhiều nơi. Nó như một biểu hiện của nhân tính. Trong bối cảnh thật giả lẫn lộn, danh hiệu, thương hiệu, đẳng cấp lên ngôi là một xu hướng tất yếu. Thứ văn hóa "bao bì", chuộng nhan mác để lừa phỉnh con

người nhằm gói ghém, che đậy những thứ yếu kém. Quan sát từ một chiều hướng khác, tình trạng suy yếu, đánh mất niềm tin, lòng tin và đức tin đã đẩy con người tới chỗ tin vào những chỉ báo ngoại tại. Điểm tập kết, ngưng tụ của nó nằm ngay trong não trạng con người và trên những sản phẩm nhân danh văn hóa. Bên cạnh sự suy đồi, khủng hoảng niềm tin, xã hội còn khiếm khuyết hệ giá trị mang tính định hướng. Nó củng cố cho lợi ích cá nhân, góp phần sùng bái cái tôi ích kỷ.

Việc phơi bày chức danh, học hàm, học vị, nghệ danh... suy cho cùng chỉ là những giá trị đối với cá nhân. Nó chưa bao hàm trách nhiệm của người thừa hưởng đối với xã hội, cộng đồng hay nhân loại. Chưa kể, đằng sau thói chuộng danh, giả danh, háo danh ẩn giấu những điểm mờ về văn hóa, đạo đức. Xã hội từ lâu đã đánh mất lý tưởng, nên lợi ích thế chỗ và gặp điều kiện thuận lợi phát triển. Tình trạng mập mờ giữa danh và thực gieo vào lòng người sự ngờ vực. Một vị hiệu trưởng trường đại học nọ được "cử" trước khi "thi" (tiến sĩ) đã vội vàng in trên tấm *name card* của mình học vị "tiến sĩ". Cả đời sống sinh hoạt lẫn văn hóa, đạo đức, giáo dục, học thuật đều rơi vào tình trạng khủng hoảng niềm tin. Cuộc khủng hoảng này đã di chuyển vào "vùng đất linh hồn", khoét sâu tư duy hám danh, giả danh, háo danh. Các biển hiệu, bảng hiệu, thương hiệu từ giá trị vô hình trở thành tài sản hữu hình mà nhiều cá nhân, tổ chức theo đuổi bằng mọi giá, kể cả dùng thủ đoạn để đánh tráo thật giả.

Trước nhu cầu hội nhập thế giới, danh là cái dễ dàng đạt tới mức độ bình đẳng. Suốt thời gian qua, chúng ta

nỗ lực lấp đầy khoảng cách giữa mình và thế giới bằng hàng loạt danh vị, học vị, tước vị... Cá nhân vốn là một phức thể tổng hợp. Cho dù chúng ta cố gắng liệt kê hết chức danh, học hàm, học vị... của mình cũng không thể nào thay thế được toàn bộ con người. Trong trường hợp cụ thể, nên lựa chọn danh xưng thích hợp, chẳng hạn, với tư cách cha mẹ đi họp phụ huynh cho con thì chúng ta đơn giản đóng vai trò cha hay mẹ của con mình. Tác giả một ca khúc trả lời phỏng vấn, người phỏng vấn có thể xưng danh là nhạc sĩ, chứ đừng nên dùng tiến sĩ... Việc liệt kê nhiều chỉ báo để nhận biết về cá nhân tiềm ẩn nguy cơ về giá trị. Nó phản ánh mức độ nghiêm trọng cuộc khủng hoảng lòng tin. Thực phẩm đóng dán nhiều loại nhãn mác, ăn vào vẫn có khả năng gây ngộ độc. Bác sĩ trưng nhiều thứ học hàm, học vị, chức danh, chức tước... mà bệnh nhân chưa thấy yên tâm...

Khổng Tử là người chủ trương thuyết Chính danh, từng được phong làm bậc Chí thánh, phẩm cao nhất trong thang giá trị Nho giáo, người đời suy tôn là Vạn thế sư biểu (người thầy của muôn đời). Song, trong trước tác của ông, người xưa chỉ ghi: "Tử viết", nghĩa là Khổng Tử nói rằng, chứ không viết: Vạn thế sư biểu Đức thánh Khổng Tử nói rằng. Thói khiêm cung là một đức tính rất cần trong

mọi sinh hoạt, đạo đức cũng như học thuật. Trong văn hóa phương Đông, nhiều giá trị trường tồn qua thời gian, ổn định trong cấu trúc văn hóa, như danh xưng thầy chẳng hạn. Ở Đài Loan, một xã hội mà nhiều giá trị truyền thống vẫn tiếp tục chảy giữa lòng thời đại, người ta tôn kính học giả, kẻ sĩ bằng danh xưng thầy, vừa khiêm cung, vừa gần gũi. Mặc dù nhiều người trong số đó làm quan, có học hàm, học vị, chức vị, nhưng không



nhất thiết trưng những món đồ ấy trên trang giấy hay thốt lên cửa miệng, mà gói ghém vào một danh xưng đầy tôn kính. Từ thầy bao trọn nội hàm tôn kính. Trong lĩnh vực nghệ thuật, danh xưng nghệ sĩ đã là đủ. Còn nghệ sĩ ấy có ưu tú, xuất sắc, xuất chúng hay không tùy thuộc vào sự phán xét của khán thính giả. Ở ta, nhiều danh hiệu do cơ quan nhà nước phong tặng. Việc phong tặng này cũng lắm chuyện đáng bàn, đặc biệt rất "đúng quy trình" khiến cho nhiều người đi "cửa sau", về cửa trước gây tổn hại đến cả thể diện cá nhân lẫn danh hiệu.

Nhiều năm qua đi, nhìn lại không khỏi ngỡ ngàng về tình trạng hiếu danh trong xã hội.

Danh vốn là khách của thực. Việc bỏ thực để cầu danh đã lưu lại trong văn hóa tình trạng danh không xứng với thực. Đây không chỉ là căn bệnh của ngành y tế hay giáo dục mà của cả nền văn hóa đất nước. ■

CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BÁO VHPG NĂM 2018

Ban Biên tập *Văn Hóa Phật Giáo* đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2018, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng báo *Văn Hóa Phật Giáo* đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

Một độc giả : 50 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Nga : 43 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Châm, Vina Giấy : 31 cuốn/kỳ
Bà Huỳnh Kim Lưu : 30 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tib, Hai Bà Trưng : 25 cuốn/kỳ
Cư sĩ Lương Trung Hiếu : 12 cuốn/kỳ
Cô Nga : 10 cuốn/kỳ
PT. Tâm Hiền, Tâm Hoa (USA) : 10 cuốn/kỳ
Ô. Huỳnh Văn Lộc, Q.BT : 10 cuốn/kỳ
Nhà sách Thái Hà : 10 cuốn/kỳ
Bà Lý Thu Linh : 10 cuốn/kỳ
Bà Phạm Thị Vinh : 10 cuốn/kỳ
Mỹ thuật tượng Zen Art : 10 cuốn/kỳ
Cô Huệ Hương : 10 cuốn/kỳ
Ô. Bùi Phong Lưu : 8 cuốn/kỳ
Hồng Phúc & Xuân An : 6 cuốn/kỳ

BS Trần Ngọc Đình : 5 cuốn/kỳ
Ô. Võ Ngọc Khôi : 5 cuốn/kỳ
Bà Tôn Nữ Thị Mai, Q.BT : 5 cuốn/kỳ
Cửa hàng Tâm Thuận : 5 cuốn/kỳ
Cô Diệu Định : 5 cuốn/kỳ
Phật tử Trương Trọng Lợi : 5 cuốn/kỳ
Hoàng Mỹ - Thiên An : 5 cuốn/kỳ
Phật tử Nguyễn Hòa : 4 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Cao Nguyệt Ánh : 4 cuốn/kỳ
Bà Lê Tự Phương Thúy : 3 cuốn/kỳ
Bà Phạm Thị Kim Anh : 3 cuốn/kỳ
Hoàn Ái - Huệ Minh : 3 cuốn/kỳ
Ô. Tạ Hữu Chung : 3 cuốn/kỳ
Chị Tuyên, Cty Cơ khí Mè Linh : 2 cuốn/kỳ
Cty Nến Hạnh Phúc, Q.BT : 2 cuốn/kỳ
Cty TNHH Thép Thiên Tâm : 2 cuốn/kỳ

Cty Tân Hiệp, Q.6 : 2 cuốn/kỳ
Nguyễn Dũng : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Quảng Kính : 2 cuốn/kỳ
Cô Hoàng Thoại Châu : 2 cuốn/kỳ
Lâm Tố Hoan : 2 cuốn/kỳ
PT. Nguyễn Thuận : 1 cuốn/kỳ

Tổng số báo tặng kỳ này: 357 cuốn

Mọi thông tin về chương trình tặng báo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc: **Tòa soạn**, 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3. TP.Hồ Chí Minh;
Phòng Phát hành VHPG: (028) 3 8484 335
Email: toasoanvhp@gmail.com

Ban Biên tập



Giáo dục gia đình qua **Đặng Dịch Trai** ngôn hành lục của **Đặng Huy Trứ**

TÔN THẤT THỌ

Đặng Dịch Trai ngôn hành lục (1868)

Đặng Huy Trứ (1825-1874) tự Hoàng Trung, hiệu Vồng Tàn, Tỉnh Trai, quê làng Bát Vọng, sau sang ngụ ở làng Thanh Lương - nay thuộc xã Hương Xuân, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên-Huế. Ông còn có pháp danh là Đức Hải vì thuở thiếu thời ông từng được đem quy y Tam bảo tại chùa Từ Hiếu.

Năm 1864, ông được bổ nhiệm chức Bố chính Quảng Nam. Năm 1865, ông đi Hương Cảng nhằm xem xét tình hình phương Tây và đã đem về một cuốn sách kỹ thuật của người Tây phương viết về máy hơi nước do chính ông biên dịch sang tiếng Hán.

Hai năm sau, trong chuyến đi Trung Quốc đầy bất trắc vào năm 1867, ông mắc bệnh và phải nằm nhà thương 9 tháng, nhưng vẫn mua được cho triều đình 239 khẩu “quá sơn pháo”. Cũng trong thời gian ngã bệnh, ông viết cuốn *Từ thụ yếu quy* dài 900 trang gồm bốn tập nhằm chống thói hối lộ tham nhũng chốn quan trường.

Trong đời làm quan, ông nổi tiếng thanh liêm. Ông từng đi sứ các nước Trung Quốc, Triều Tiên, Xiêm La (Thái Lan). Suốt 18 năm làm quan, Đặng Huy Trứ trải qua nhiều chức vụ, có mối quan hệ rộng rãi với các tầng lớp nhân dân cũng như sĩ phu trong và ngoài nước. Ông đi nhiều, tiếp xúc nhiều và có tầm tư duy quảng bác. Sự nghiệp quan trường của ông đều nhằm mục đích canh tân đất nước. Ông là nhà cải cách, gieo mầm canh tân và khai hóa thời Nguyễn giữa thế kỷ XIX với tư tưởng phát triển kinh tế (khai mỏ, mở mang thủ công nghiệp và thương nghiệp, phát triển giao thông vận tải); phát triển khoa học quân sự (đưa ra tư tưởng chiến tranh nhân dân cho mọi chiến lược và chiến thuật, cử người đi học hỏi những kỹ nghệ phương Tây như đóng thuyền, chế tác vũ khí); cải cách xã hội (chống tư tưởng trọng văn khinh võ, chống hối lộ tham nhũng, nhấn mạnh đức tính cần kiệm liêm chính chí công vô tư của quan lại). Ông lập ra các thương điểm như Lạc Sinh Điểm, Lạc Thanh Điểm và Bình Chuẩn Ty để giao thương với phương Tây, tạo dựng nền tảng tài chính và quân sự cho triều đình nhà Nguyễn trong những 1850-1870.

Ngoài tác phẩm *Từ thụ yếu quy*, ông còn để lại cho hậu thế một tập sách kể về những lời nói và việc làm của cha ông - cụ Đặng Văn Trọng, hiệu Dịch Trai - một thầy đồ ở quê. Tất cả được ông ghi chép trong tập *Đặng Dịch Trai ngôn hành lục* (Ghi chép những lời nói và việc làm của cụ Đặng Dịch Trai). Dù cụ Đặng Văn Trọng chỉ là một thầy đồ Nho, nhưng qua những hành vi và lời nói của cụ do Đặng Huy Trứ kể lại, hậu thế có thể rút ra những bài học về giáo dục nhân cách con người.

Xin được trích dẫn ba đoạn trong tập *ngôn hành lục* này có liên quan đến cuộc đời của Đặng Huy Trứ theo lời kể của ông như sau:

- Sự kiện thứ nhất xảy ra vào mùa thu năm Quý Mão (1843) khi Đặng Huy Trứ đỗ cử nhân ngay lần đầu đi thi. Nghe tin con đỗ, một tin vui đối với cả gia tộc và dòng họ, cha ông lại có phản ứng thật lạ:

“Cha tôi dựa vào cây xoài, nước mắt ướt áo. Mọi người lấy làm lạ hỏi: ‘Con đỗ cao là việc đáng mừng, sao cụ lại khóc như gặp việc chẳng lành vậy?’ Cha tôi nói: ‘Có gì đáng vui đâu. Đỗ đạt cao là để dành cho người có phúc đức. Con tôi tính tình chưa già dặn, chưa có đức nghiệp gì. Lúc đầu nghĩ cho nó đi thi, chẳng qua là muốn cho quen với tiếng trống thi mà thôi (...). Nào ngờ đi thi lại trúng Á nguyên. Đó là do triều đình nuôi dưỡng mà được thế, tổ tông tích đức mà được thế. Chỉ sợ rồi lại kiêu căng tự mãn, ếch ngồi đáy giếng coi trời bằng vung, phúc đâu chẳng thấy, họa đã sẵn chờ... Tôi lo lắng là vì thế”.

(*Đặng Dịch Trai ngôn hành lục*, sđd, tr.92)

- Sự kiện thứ hai là trong khoa thi Hội mùa xuân năm Đinh Mùi (1847). Nhân tứ tuần đại khánh của vua Thiệu Trị (1840-1847), vua cho mở Ân khoa. Khoa thi này, Đặng Huy Trứ lại đỗ cao. Lần này, cha ông lại lo lắng:

“Tin tôi thi Hội đỗ báo về. Cha tôi lại rút nước mắt và nói với mọi người: ‘Bậc đỗ đại khoa ắt là người có phúc phận lớn. Con tôi đức độ ra sao mà được như vậy, chỉ làm cho tôi thêm lo lắng”.

(*Đặng Dịch Trai ngôn hành lục*, sđd, tr.93)



- Sự kiện thứ ba là hai sự việc đồng thời xảy ra trong gia đình ông. Trong kỳ thi Đình năm đó, bài thi của ông bị đánh hỏng do dùng chữ phạm húy. Ông bị tước cả tiến sĩ và cử nhân chờ kỳ sau thi lại. Khi được tin bị cách trong kỳ thi, đồng thời cũng là lúc được tin bác ruột ông là ngự y Đặng Văn Chúc qua đời, ông về nhà chịu tang. Cha ông coi việc ông bị truất cả tiến sĩ và cử nhân như không có gì đáng kể:

“Cha tôi thở dài và nói: nay chặt chân tay tôi, róc thịt xương tôi cũng được, tôi chỉ thương anh tôi. Công việc của Trứ không đáng kể. Khi người ta đầy đủ lắm thì trời gạt đi cho bằng. Gia đình ta cực kỳ thịnh mãn rồi, việc Trứ gặp phải như vậy là phúc cho nhà ta mà cũng là cái may lớn cho bản thân Trứ. Song, sau cơn sấm sét, mưa móc lại có thể tưới nhuận. Trứ nếu cố gắng chịu khó học vẫn còn có nhiều hy vọng, Riêng anh của ta ra đi là ra đi mãi mãi. Từ nay về sau, muốn chụm đầu vào nhau mà hàn huyên cũng không thể nào được nữa”.

(Đặng Dịch Trai ngôn hành lục, sđd, tr. 95)

Cũng trong thời gian từ năm 1840 đến 1843, môn sinh của cha ông có bốn người cùng đậu cử nhân. Trong buổi gặp mặt họ, cha ông Trứ nói:

“Ta có điều muốn nói với tất cả các con. Ta đã để công khổ học hơn 30 năm, lận lộn nơi trường ốc, chỉ cần một chân cử nhân rồi bằng mà không được. Các con do ta dạy, mới thi đã đỗ. Ông trời khắt khe với ta mà rộng rãi với các con. Màu xanh hơn màu lam, băng lạnh hơn nước, ta lấy làm mừng cho các con. Chỉ có điều mong các con

giữ mình theo chữ Khiêm, đối xử bằng chữ Kính, nếu sau này ra làm quan phải làm việc như thế nào cho ích nước, Lợi dân, ngô hầu khỏi phụ sự dạy dỗ hằng ngày của ta. Được như vậy, ta sống dù có uống nước lã cũng lấy làm ngọt, mặc áo rách cũng lấy làm đẹp, khi chết vẫn có thể ngậm cười nơi chín suối. Còn Đặng Huy Trứ tính rất nóng vội, phải nên sửa đổi tận gốc để khỏi then cho người đã sinh ra con, như thế mới gọi là con hiếu vậy. Nếu không, ta không đáng được là cha và thầy của các con...”

(Đặng Dịch Trai ngôn hành lục, sđd, tr.120)

Phải nói rằng nhờ được sinh ra trong một gia đình có nề nếp gia phong, có một người cha đạo đức, liêm chính giữ mình, cần kiệm giữ nếp nhà nên khi đã làm quan, Đặng Huy Trứ luôn giữ mình và nhắc nhở các quan chức thuộc viên phải liêm khiết trong công việc. Tác phẩm *Từ thụ yếu quy* là một nỗ lực đẩy tâm huyết của ông để lại cho hậu thế.

Trân trọng và suy nghĩ học hỏi những tấm gương của người xưa, tiếp thu những giá trị truyền thống của cha ông vẫn luôn luôn là phương châm đào tạo con người. Gương người xưa vẫn có thể đem ra soi để xây dựng những “công bộc” đời nay, nhằm loại trừ những kẻ “mất gốc” đang làm vẩn đục xã hội tốt đẹp của chúng ta... ■

Tài liệu tham khảo:

Đặng Dịch Trai ngôn hành lục, Đặng Huy Trứ, nhóm Trà Linh dịch, Hội Sử học xb, 1993.

Tổ Tuệ Tạng

trong lịch sử thống nhất Phật giáo Việt Nam

THÍCH THIÊN NHƠN

Tổ Tuệ Tạng, thế danh Trần Thanh Huyền, sinh năm Canh Dần (1889) tại làng Quán Phương Trung, huyện Hải Hậu, Nam Định. Thân phụ là cụ ông Trần Tín, tự Phúc Châu; thân mẫu là cụ bà Vũ Thị Tú, hiệu Diêu Hòa.

Năm 1903, Hòa thượng được song thân cho phép xuất gia đầu Phật với Tổ Phúc Lâm, được ban Pháp danh Tâm Thi, đạo hiệu Tuệ Tạng. Năm 15 tuổi (1909), Hòa thượng được thụ giới Sa-di. Năm 20 tuổi (1914), Hòa thượng được Bốn sư cho đăng đàn thụ giới Tỳ-khưu Bồ-tát tại Đại giới đàn chùa Phúc Lâm, Nam Định.

Sau nhiều năm tham học với Bốn sư tại chùa Qui Hồn (chùa Cồn), chốn Tổ Vĩnh Nghiêm, Tế Xuyên... năm 1905, do đức hạnh kiêm ưu, Hòa thượng được Bốn sư cử làm Giám tự chùa Qui Hồn. Đến khi Bốn sư viên tịch, Hòa thượng đã kế nghiệp Tôn sư trụ trì chùa Qui Hồn cho đến ngày xả bỏ báo thân vào ngày mùng 3 tháng 4 năm Kỷ Hợi (1959).

Bằng tinh thần phụng sự Đạo pháp, phục vụ chúng sinh, kể vãng khai lai, báo Phật ân đức, nhất là làm cho Phật pháp trường tồn, chúng sinh an lạc. Do đó, Đạo pháp cần có người thừa kế và phát huy, nên năm 1920, Tổ cùng quý Hòa thượng chùa Dương Lai, chùa Duyên Bình, chùa Quế Phương thành lập Hội Tiến Đức Cảnh Sách, nhằm qui tụ những Tăng Ni hiểu học, có đức hạnh để giáo dục, đào tạo một thế hệ cho tương lai Đạo pháp, cho Phật giáo Việt Nam. Trụ sở Hội đặt tại chùa Quế Phương, do Tổ Quế Phương làm Hội trưởng, Hòa thượng là Phó Hội trưởng kiêm Giáo thụ, giảng dạy môn Luật học, do đó mà có những Luật sư nổi tiếng sau này trong Phật giáo.

Hòa với Phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam, Bắc Trung Nam trong những thập niên 1920-1930, năm 1934, Hòa thượng cùng Tổ Trung Hậu, Bằng Sở, các ngài Tổ Liên, Trí Hải, cụ Nguyễn Năng Quốc và một số học giả, trí thức tín tâm, xin phép chính quyền đương thời thành lập Hội Bắc Kỳ Phật giáo, được chính quyền chấp thuận bằng Nghị định số 4283/NĐ ngày 06/11/1934. Trụ sở đặt tại chùa Quán Sứ - Hà Nội. Hội có 32 thành viên, do cụ Nguyễn Năng Quốc làm Hội trưởng và các Phó Hội trưởng: cụ Nguyễn Văn Ngọc, cụ Nguyễn Quốc Thanh; Thư ký: cụ Trần Văn Giáp, cụ Trần Văn Phúc; Thủ quỹ: cụ Nguyễn Văn Minh, cụ Phạm Mạnh Xứng; Kiểm soát: cụ Nguyễn Văn Cảnh, cụ Nguyễn Đình Quế; Cố vấn: cụ Lê Văn Phúc, Trần Văn Giác.

Ngoài công tác tổ chức thành lập Hội đoàn, Tổ còn phát huy công tác giáo dục, đào tạo Tăng tài cho Phật giáo Việt Nam, cùng quý Hòa thượng Trung Hậu, Bằng Sở... thành lập trường Đại học Tăng học tại chùa Phúc Khánh; Trung học tại chùa Quán Sứ; Tiểu học tại chùa Cao Phong - Phúc Yên, chùa Côn Sơn Hương Hải - Hải Dương, do Hòa thượng Bằng Sở làm Giám viện. Đến năm 1940, 1942 quý Hòa thượng Bằng Sở, Trung Hậu viên tịch, Tổ đảm nhiệm công tác Giám viện các trường và giảng dạy, bảo dưỡng trong một thời gian dài đầy khó khăn của xã hội, đùm bọc 69 Tăng Ni sinh tu học ổn định và có hiệu quả, góp phần đào tạo Tăng tài cho Phật giáo Việt Nam.

Để công tác tổ chức và hệ thống lãnh đạo Phật giáo Việt Nam có nề nếp từ Trung ương đến địa phương, từ phạm vi hình thức đến nội dung, từ phạm vi đạo đức cho đến sinh hoạt Phật sự của Hội, năm 1936, nhân kỷ niệm năm thứ hai ngày thành lập Hội Phật giáo Bắc Kỳ, Hội đã chính thức cử hành lễ suy tôn Tổ Vĩnh Nghiêm (Hòa thượng Thích Thanh Hanh) lên ngôi vị Thiền gia Pháp chủ, lãnh đạo tối cao Phật giáo Bắc Kỳ.

Năm 1945, sau khi cụ Nguyễn Năng Quốc từ nhiệm, Hòa thượng được Đại hội suy cử đảm nhiệm chức Hội trưởng Hội Phật giáo Bắc Kỳ kiêm Trưởng tòa Giáo lý của Hội.

Để kiện toàn tổ chức Tăng-già, Hòa thượng Thích Tổ Liên đã thành lập Hội Tăng Ni Chính lý Bắc Kỳ, đến năm 1950, được đổi tên là Giáo hội Tăng-già Bắc Việt, Đại hội đã suy tôn Hòa thượng Thích Mật Ứng lên ngôi vị Thiền gia Pháp chủ, lãnh đạo tối cao Phật giáo Bắc Kỳ. Có thể nói, vào thời điểm này, có hai tổ chức Phật giáo sinh hoạt. Một là Hội Phật giáo Việt Nam do Hòa thượng Tuệ Tạng làm Hội trưởng; Hai là Giáo hội Tăng-già Bắc Việt do Thượng tọa Tổ Liên làm Hội trưởng. Cả hai hoạt động song hành, trong sự phát triển chung của Phật giáo Việt Nam, đồng thời có sự phân biệt rõ rệt, về việc sinh hoạt của hai giới tại gia và xuất gia. Cũng từ đó, đã hình thành các tập đoàn Phật giáo Bắc Trung Nam; gồm hai giới Cư sĩ và Tăng-già, hình thành sáu thành phần tham dự các Đại hội về sau.

Công cuộc thống nhất Phật giáo không dừng lại ở đây, mà còn tiến xa hơn nữa trong cao trào phát triển chung của cả nước. Qua lời hiệu triệu của ba vị Pháp chủ Bắc Trung Nam, Hòa thượng Mật Ứng, Hòa thượng Tịnh Khiết, Hòa thượng Đạt Thanh, về việc thống nhất Phật giáo Việt Nam, kết quả là sáu tập đoàn Phật giáo gồm Cư sĩ và Tăng-già vân tập tại chùa Từ Đàm - Huế ngày 06/5/1951

cử hành Đại hội thành lập Tổng hội Phật giáo Việt Nam, gồm Ban Chứng minh Đạo sư và Tổng Trị sự.

Ban Chứng minh: Hòa thượng Thích Mật Ứng, Hòa thượng Thích Tuệ Tạng, Hòa thượng Thích Giác Nhiên, Hòa thượng Thích Giác Nguyên, Hòa thượng Thích Tuệ Chân, Hòa thượng Thích Đạt Thanh.

Ban Tổng Trị sự:

Hội chủ: Hòa thượng Thích Tịnh Khiết

Phó Hội chủ: Thượng tọa Thích Trí Hải/ Ông Lê Văn Định

Tổng Thư ký: Ông Tráng Đình

Phó Tổng Thư ký: Thượng tọa Thích Định Trí/ Ông Tống Hồ Cầm

Thủ quỹ: Cụ Lê Mộng Đào

Kiểm lý ngân sách: Cụ Phạm Văn Phúc

Ủy viên Hoàng pháp: Thượng tọa Thích Trí Quang

Ủy viên Nghi lễ: Thượng tọa Thích Tố Liên

Ủy viên Giáo dục: Thượng tọa Thích Thiện Hòa

Ủy viên Thanh niên: Ông Võ Đình Cường

Ủy viên Mỹ thuật: Ông Nguyễn Hữu Ba

Ủy viên Tài chính: Ông Lê Toại

Ủy viên Tổ chức: Ông Nguyễn Đóa

Ủy viên Cứu tế Xã hội: Ông Phạm Văn Vi

Ủy viên Dự khuyết: Ông Tôn Thất Tùng/ Ông Nguyễn Hữu Huỳnh/ Ông Đỗ Đình Oánh

Kể từ năm 1951, Hòa thượng là vị lãnh đạo tinh thần tối cao của Phật giáo Việt Nam, có nhiệm vụ chăm lo đời sống tinh thần, giới luật và kỷ cương của Hội, bảo lưu dòng sinh mệnh Phật giáo Việt Nam trong phạm vi cả nước.

Đến năm 1952, do Hòa thượng Tố Liên, Hòa thượng Trí Hải chủ xướng để phát huy tinh thần Tăng-già thành một tổ chức Giáo hội như thời Phật còn tại thế, nhất là phù hợp với trào lưu tư tưởng và phát triển của thế giới, nhu cầu của thời đại. Do đó, Đại hội Tăng-già toàn quốc được thành hình, gồm Tăng Ni ba miền Nam, Trung, Bắc tập hợp về chùa Quán Sứ - Hà Nội, thảo luận bản Quy chế Giáo hội Tăng-già Việt Nam. Sau khi đã thống nhất, Đại hội tiến hành vào ngày 07/9/1952, thành lập Giáo hội Tăng-già toàn quốc Việt Nam. Đại hội suy tôn Hòa thượng Tuệ Tạng lên ngôi vị Thượng thủ Giáo hội Tăng-già Toàn quốc Việt Nam, lãnh đạo tối cao Giáo hội Phật giáo Việt Nam, làm sống dậy tinh thần Tăng thống của Phật giáo Việt Nam thời cận đại. Đồng thời, một Hội đồng Trị sự hình thành, gồm:

Trị sự trưởng: Hòa thượng Thích Trí Hải

Trị sự phó: Thượng tọa Thích Tâm Châu

Tổng Thư ký: Thượng tọa Thích Tố Liên

Phó Thư ký: Thượng tọa Thích Hải Ninh

Thủ quỹ: Thượng tọa Thích Viên Tu

Giám luật kiêm Nghi lễ : Thượng tọa Thích Đôn Hậu

Trưởng ban Giáo thụ: Thượng tọa Thích Thiện Hòa

Trưởng ban Hoàng pháp: Thượng tọa Thích Thiện Siêu

Trưởng ban Tăng tịch: Thượng tọa Thích Thanh Tông

Dự khuyết: Thượng tọa Thích Vĩnh Tường/ Thượng tọa Thích Mật Hiển/ Thượng tọa Thích Mật Nguyên



Vào thời điểm này, tại Việt Nam có hai tổ chức Phật giáo hoạt động song hành, nhưng hỗ tương và tác động lẫn nhau trong các công tác Phật sự của hai giới, là Tổng hội Phật giáo Việt Nam và Giáo hội Tăng-già Toàn quốc Việt Nam.

Năm 1954, sau khi đất nước bị chia cắt, Phật giáo Việt Nam sinh hoạt thành hai mảng, nhưng lúc nào cũng mong muốn tái hiệp nhất như thuở ban đầu của Phật giáo Việt Nam.

Năm 1958, tại miền Bắc, Hội nghị thành lập Hội Thống nhất Phật giáo Việt Nam, gồm các thành viên của Tổng hội Phật giáo Việt Nam, Giáo hội Tăng-già Toàn quốc Việt Nam, Giáo hội Phật giáo Bắc Kỳ, Hội Phật giáo Việt Nam tại Bắc Kỳ thành một tổ chức duy nhất, với Ban Trị sự Trung ương như sau:

Hội trưởng: Hòa thượng Thích Trí Độ

Phó Hội trưởng: Hòa thượng Thích Đức Nhuận/ Hòa thượng Thích Tâm An/ Cư sĩ Tâm Minh - Lê Đình Thám

Ủy viên Thường trực: Hòa thượng Thích Thế Long/ Hòa thượng Kim Cương Tử (Thanh Cung)/ Hòa thượng Thích Thuận Đức/ Thượng tọa Thích Tâm Thông/ Thượng tọa Thích Thanh Tứ.

Tại miền Nam, sau cuộc đảo chánh ngày 01/11/1963, chế độ gia đình trị Ngô Đình Diệm cáo chung, Phật giáo miền Nam thoát cơn Pháp nạn. Ủy ban Liên phái Bảo vệ Phật giáo tiến hành tổ chức Đại hội thống nhất Phật giáo, thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất diễn ra tại chùa Xá Lợi - Sài Gòn từ ngày 30 - 31/12/1963 đến ngày 01/01/1964 gồm các Giáo hội, tập đoàn Phật giáo

trong UBLPBVPG, gồm Tổng hội Phật giáo Trung phần, Giáo hội Tăng-già Trung Việt, Giáo hội Tăng-già Nam Việt, Giáo hội Tăng-già Bắc Việt tại miền Nam, Giáo hội Tăng-già Nguyên thủy Việt Nam, Giáo hội Thiền Tịnh Đạo tràng, Giáo phái Tăng sĩ Theravada, Hội Phật học Nam Việt, Hội Phật học Trung phần, Hội Phật giáo Nguyên thủy, Hội Phật tử Nguyên thủy Sơn Thái Nguyên, Hội Phật tử Bắc Việt tại miền Nam.

Đại hội suy cử hai Viện: Viện Tăng thống và Viện Hóa đạo.

- Viện Tăng thống:

Tăng thống: HT.Tịnh Khiết

Phó Tăng thống: HT.Tối Thắng

Trưởng lão VTT: HT.Lâm Em/ HT.Thanh Thái/ HT.Hải Tràng/ HT.Phúc Hộ

Chánh Thư ký: TT.Trí Quang

Phó Thư ký: TT.Giới Nghiêm/TT.Thạch Gông/TT.Đức Tuệ

- Viện Hóa đạo:

Viện trưởng: TT.Tâm Châu

Phó Viện trưởng: TT.Thiện Hoa/ TT.Pháp Tri/ Cư sĩ Mai

Thọ Truyền

Tổng vụ Tăng sự: TT.Trí Tịnh

Tổng vụ Pháp sự: TT.Quảng Liên

(Văn hóa, Giáo dục, Nghi lễ, Xã hội)

Tổng vụ Hoằng pháp: TT.Trí Thủ

Tổng vụ Cư sĩ: TT.Tâm Giác

ĐT.TC Kiến thiết: TT.Pháp Tri (kiêm)

Tổng vụ Thanh niên: TT.Thiện Minh

Tổng Thư ký: TT.Huyền Quang

Tổng Thủ bản: TT.Từ Nhơn.

Sau ngày 30/4/1975, khi nước nhà thống nhất, Bắc Nam sum họp một nhà, Phật giáo Việt Nam lại có duyên thống nhất sau gần 30 năm bị phân tán.

Tại thủ đô Hà Nội, chùa Quán Sứ lại một lần nữa chứng kiến một lịch sử trọng đại về công cuộc thống nhất Phật giáo Việt Nam diễn ra từ ngày 04 - 07/11/1981, thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Đại hội quy tụ chín Tổ chức, Hệ phái Phật giáo Việt Nam trong cả nước, đại diện cho hơn 45 triệu Tăng Ni, Phật tử Việt Nam, gồm: Hội Thống nhất Phật giáo Việt Nam (do Hòa thượng Thích Đức Nhuận làm Quyền Hội trưởng), Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất (do Hòa thượng Thích Trí Thủ làm Viện trưởng); Giáo hội Phật giáo Cổ truyền Việt Nam (do Hòa thượng Thích Bửu Ý làm Viện trưởng), Giáo hội Tăng-già Khất sĩ Việt Nam (do Hòa thượng Thích Giác Nhu làm Tổng Thư ký Ban Trị sự Trung ương), Ban Liên lạc Phật giáo Yêu nước TP.Hồ Chí Minh (do Hòa thượng Thích Minh Nguyệt làm Chủ tịch), Giáo hội Thiên Thai Giáo Quán Tông (do Hòa thượng Thích Đạt Hảo làm Trị sự trưởng), Giáo hội Tăng-già Nguyên thủy Việt Nam (do Hòa thượng Thích Giới Nghiêm làm Tăng thống), Hội Sư sãi Yêu nước miền Tây Nam Bộ (do Hòa thượng Châu Mum làm Hội trưởng), Hội Phật học Nam Việt (do Cư sĩ Tăng Quang làm Phó Hội trưởng kiêm Tổng Thư ký).

Giáo hội Phật giáo Việt Nam, có hai Hội đồng: Hội đồng Chứng minh, Hội đồng Trị sự.

Hội đồng Chứng minh do Hòa thượng Thích Đức Nhuận làm Pháp chủ, tương đương với ngôi vị Thượng thủ, Tăng thống của Phật giáo Việt Nam ngày trước, do Tổ Tuệ Tạng đảm nhiệm. Các nhiệm kỳ sau do Hòa thượng Thích Tâm Tịch, Hòa thượng Thích Phổ Tuệ làm Pháp chủ.

Hội đồng Trị sự gồm:

Chủ tịch: Hòa thượng Thích Trí Thủ

Phó Chủ tịch Thường trực: Hòa thượng Thích Thế Long/ Hòa thượng Thích Trí Tịnh

Phó Chủ tịch: Hòa thượng Thích Thanh Chân/ Hòa thượng Châu Mum/ Hòa thượng Thích Giới Nghiêm/ Hòa thượng Thích Giác Nhu/ Hòa thượng Thích Bửu Ý/ Hòa thượng Thích Thiện Hào

Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký

kiêm Viện trưởng Viện Nghiên cứu PHVN

kiêm Trưởng ban Phật giáo Quốc tế: Hòa thượng Thích Minh Châu

Phó Tổng Thư ký: Thượng tọa Thích Thanh Tú/ Thượng tọa Thích Từ Hạnh

Trưởng ban Tăng sự: Hòa thượng Thích Trí Tịnh

Trưởng ban Giáo dục Tăng Ni: Hòa thượng Thích Thiện Siêu

Trưởng ban Hoằng pháp: Hòa thượng Thích Trí Quảng

Trưởng ban Nghi lễ: Hòa thượng Kim Cương Tử

Trưởng ban Văn hóa: Cư sĩ Võ Đình Cường

Trưởng ban Hướng dẫn Nam nữ Cư sĩ Phật tử: TT.Thích Thanh Hiền

Ủy viên Tài chính: Thượng tọa Thích Thanh Chỉnh/ Cư sĩ Tăng Quang

Ủy viên Thủ quỹ: Thượng tọa Thích Thuận Đức/ Cư sĩ Nguyễn Thị Thanh Quyên

Ủy viên Kiểm soát: Ni sư Thích nữ Huỳnh Liên/ Cư sĩ Tống Hồ Cầm

Hơn 35 năm thống nhất Phật giáo Việt Nam, Giáo hội Phật giáo Việt Nam ngày nay cũng như Phật giáo trong những thập niên 1940, 1950 đã trải dài trên đất nước Việt Nam từ ải Nam Quan (Lạng Sơn) đến mũi Cà Mau (An Xuyên); Phật giáo Việt Nam ngày nay là một thể thống nhất của Phật giáo Việt Nam từ 2.000 năm lịch sử truyền thừa trong lòng dân tộc Việt Nam, đất nước Việt Nam thân yêu.

Dư âm Thượng thủ Giáo hội Tăng-già Toàn Quốc Việt Nam, Tăng thống Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, Pháp chủ GHPGVN là ngôi vị lãnh đạo tối cao về mặt tinh thần Phật giáo, duy trì kỷ cương Giáo hội, chứng minh hộ trì các Phật sự trọng đại của Giáo hội, của Phật giáo Việt Nam, Tăng Ni và Phật tử Việt Nam.

Phật giáo Việt Nam ngày nay đã phát triển một cách toàn diện từ hình thức đến nội dung, từ Trung ương đến địa phương, từ trong nước lan ra, ảnh hưởng đến thế giới trong thời kỳ hội nhập và phát triển của đất nước, xã hội và cộng đồng quốc tế một cách ổn định, bền vững trong hiện tại và mai sau. ■

Luận lý Nhân minh trong kinh *Tăng chi bộ*

THÍCH TRUNG ĐỊNH

Nhân minh là bộ môn luận lý khoa học trong Phật giáo. Môn học này ở phương Tây thường gọi là logic học hay là Luận lý học. Nhân (*hetu*), là nguyên nhân, lý do, phương tiện, nguồn gốc; là sự kiện đích thực để biện giải cho luận chứng người lập. Nhân chỉ cho ngôn luận của người lập, có khả năng làm phát sinh trí sáng suốt của người nghe, bao hàm trí và nghĩa của người nghe. Minh (*vidya*), là sự hiểu rõ, hay sự tỏ ngộ, sự thấu triệt những nghi vấn, những nghệ thuật về luận lý trên cơ sở nhận thức luận và thực tại kinh nghiệm. Minh cũng là sự thấu giải, thấu suốt tường tận những lý do, hay nguyên nhân đã lập. Nó chỉ cho cái trí sáng suốt của người nghe được phát sinh xuyên qua ngôn luận của người lập; bao hàm cả ngôn và nghĩa của người nghe, cho nên gọi là Nhân minh.¹

Nhân minh luận có từ thời Đức Phật, nhưng đến thời ngài Trần-na (*Dignāga*) và Pháp Xứng (*Dharmakīrti*) là những bậc thầy nổi tiếng và bác lãm về Nhân minh. Đặc biệt ngài Pháp Xứng (*Dharmakīrti*) đã biên soạn bảy tác phẩm về luận lý học, làm nền tảng cho sự hoàn thiện luận lý học Phật giáo. Thời kỳ của *Dharmakīrti* được xem như là một thời kỳ tỏa sáng nhất trong lịch sử Luận lý học Phật giáo, đánh dấu bước ngoặt phát triển mạnh nhất của Nhân minh luận Phật giáo.

Môn Nhân minh học Phật giáo dạy chúng ta tư duy đúng đắn để có nhận thức đúng đắn, là chìa khóa của mọi thành công ở đời. Ngoài ra Nhân minh còn dạy chúng ta diễn đạt tư duy đúng đắn đó bằng lời lẽ có sức thuyết phục, sao cho khi những người khác nghe chúng ta nói, đọc bài chúng ta viết... sẽ tán thành quan điểm của chúng ta, để sống và thực hành theo quan điểm đó. Nhân minh vốn dĩ là môn luận lý rất quan trọng trong việc xiển dương tinh hoa và bí tạng giáo điển của Như Lai; nhằm mục đích duy nhất đó là thể nhập chánh lý, tức lý tánh chơn chánh của các pháp, tránh sự hiểu biết sai lầm, lệch lạc.

Nhân minh là một trong Ngũ minh: Nội minh, Thanh minh, Nhân minh, Công xảo minh, Y phương minh. Nội minh là hiểu rõ về tâm tánh, thân mạng và hiểu rõ về giáo nghĩa của tôn giáo mà mình đang theo. Thanh minh là biết rõ về học thuật của ngôn ngữ, danh tự, cú pháp. Nhân minh là biết rõ về phương thức luận lý xuyên qua tri thức luận và thực tại luận trên cơ sở kinh nghiệm thực tiễn. Công xảo minh là nghiên cứu về khoa học, công nghệ, kỹ thuật. Y phương minh là biết về y học, tìm hiểu rõ nguyên nhân của bệnh, phương thức bào chế thuốc và

cách chữa trị bệnh. Tôn giả Akou Lamo Rinpoche trong cuốn *Đức Phật Kim Cương Trì III* nói rằng: “Mọi thứ trong vũ trụ có thể được phân loại thành năm khía cạnh của sáng và tối. Phát triển mọi thứ tốt trong vũ trụ và mang lại lợi ích cho chúng sinh được coi như ‘sáng’. Những thứ gây rối ren và là xấu ác được coi là ‘tối’. Đây là ý nghĩa thực sự của Ngũ minh mà Đức Phật đã nói!”²

Khi nói về luận lý thì Nhân minh luận Phật giáo là một trong những bộ môn luận lý rõ ràng, sắc bén, không sơ hở, làm cho đối tượng phải bị thuyết phục. Luận lý trong nhân minh bao gồm: Tôn, Nhân, Dụ. Tôn có nghĩa là Tôn chỉ, chủ trương hay luận đề có ý nghĩa đúng được tin tưởng và được

tôn sùng do luận chủ lập ra. Đối lại với *Tôn sở lập* gọi là *Nhân năng lập*; vì Nhân này có khả năng thành lập được cái nghĩa của Tôn kia. Trong ba chi, Nhân là then chốt tổng quát. Không có Nhân thì Tôn đứng trước không thành, và không có Nhân thì Dụ theo sau cũng không thành. Dụ là ví dụ. Dụ dùng để làm rõ nghĩa cho *Tôn sở lập* và *Nhân năng lập*; nó minh họa nghĩa cho Tôn và Nhân có mặt hay không có mặt. Dụ có Đồng dụ và Dị dụ. Mục đích của dụ giúp cho người nghe dễ hiểu, và dễ nhận ra được *phẩm* hoặc *nghĩa* khó hiểu trong Tôn và Nhân. Đây được gọi là Tam chi tác pháp. Ví dụ: Tôn: Âm thanh là vô thường; Nhân: Vì tánh nó do tạo tác mà có; Đồng dụ: Như cái bình; Dị dụ: Như hư không. Như vậy, Tam chi tác pháp tức là vận dụng những ngôn luận đúng mà có khả năng thành lập được Tôn Nhân Dụ để khai thị cho người nghe, khiến họ tin, hiểu, và công nhận.³





Ngài Trần Na

Thông thường luận lý được tìm thấy trong các bộ luận, hay trong các kinh điển Đại thừa. Tuy nhiên, khi tìm hiểu về Kinh tạng *Nikāya*, mặc dù kinh văn này thường được cho là lặp đi lặp lại, dài dòng, nhưng nhiều nội dung được tìm thấy mang tính luận lý sâu sắc. Cho nên đọc kinh *Nikāya* cần phải kiên trì và có phương pháp. Một khi chúng ta bắt đầu thấu hiểu nghĩa lý từ trong tạng kinh này thì mới thấy được sức hút kỳ diệu, thù thắng của nó. Chúng ta hãy xem những lý luận Phật học mô tả trong kinh và lý luận logic biện chứng của nó như thế nào.

Từ kinh điển Phật giáo, rõ ràng là việc sử dụng một phương pháp trí tuệ và logic đã được biết đến từ lâu. Hai nội dung về logic, *hetu* (điều kiện) và *naya* (phương pháp), là vô cùng quan trọng trong trí tuệ của kinh điển Phật giáo, nhất là trong kinh tạng *Nikāya*. Chẳng hạn trong một đoạn văn của *Trường bộ kinh* mô tả một số vấn đề được cho là “không phải trong phạm vi của ngôn ngữ, khái niệm ‘*takka*’”.⁴

Trong đoạn kinh của *Tăng chi bộ*, Đức Phật được xem là đã xem xét truyền thống, lý luận và không ưa bất kỳ tiêu chuẩn nào cho việc đánh giá một học thuyết tôn giáo.⁵

Các phương pháp giảng dạy đã làm cho Đức Phật trở nên nổi tiếng là một nhà biện luận đã vượt qua những nhà hùng biện đương thời. Trong các cuộc

tranh luận, Đức Phật thường áp dụng phương pháp luận lý phân tích, nhằm làm sáng tỏ vấn đề và thuyết phục đối phương. Đây là phương pháp khoa học thực nghiệm, sử dụng luận lý để chứng minh và khẳng định một vấn đề. Đạo Phật được bảo tồn trong *Pāli Canon* là sản phẩm của trí tuệ, bắt nguồn từ những lời dạy của Ngài dành cho các đệ tử, cũng như những cuộc thảo luận của Phật với những người Bà-la-môn, những vị ẩn sĩ. Phương pháp hợp lý hóa được sử dụng trong tất cả các cuộc hội thoại của Đức Phật rõ ràng là phân tích. Chính Đức Phật đã tuyên bố Ngài là một nhà phân tích chứ không phải là một nhà tín ngưỡng thuần túy bình thường.⁶

Trong một đoạn văn của *Trung bộ kinh*, Đức Phật tự tuyên bố rằng Ngài là một ‘*Nhà phân tích*’, chứ không phải là một nhà lãnh đạo tôn giáo chỉ dạy những giáo điều (*Vibhajjavaddo ... aham ... ndham ... ekamsavaddo*).

Tăng chi bộ kinh (*Anguttara nikāya*), là bộ kinh thứ tư của năm bộ kinh quan trọng tạo thành *Kinh tạng Pāli* của truyền thống Nguyên thủy. Những bộ sưu tập các văn bản của Nguyên thủy Phật giáo được đề cao như Phật pháp tạng (*Buddhavacana*) hay ‘Lời dạy của Đức Phật’. Bản kinh được sắp xếp theo một trình tự kỹ thuật mang tính sư phạm thường được sử dụng bởi Đức Phật; cụ thể là việc sử dụng một chương trình theo thứ tự pháp số tăng dần (*Tăng chi*) của lời

Phật dạy. Kinh *Tăng chi bộ* là một bộ kinh được sắp xếp theo pháp số, từ một pháp đến mười một pháp, phân thành 11 chương (*nipātas*). Mỗi chương lại chia thành nhiều phẩm (*vaggas*). Chương Một Pháp (*Ekaka Nipāta*) gồm các kinh để cập đến một pháp. Chương Hai Pháp (*Duka Nipāta*) gồm các kinh có liên quan đến hai pháp... và tuần tự như thế đến Chương Mười Một Pháp (*Ekādasaka Nipāta*) gồm các kinh có để cập đến 11 pháp. Tổng cộng số kinh được ghi nhận là 2,308 bài kinh. Nhưng con số này không thống nhất vì số kinh phân biệt không được rõ ràng, và có học giả tính theo số đoạn, tổng cộng là 7.557.⁷

Một phát hiện rất tinh tường về phương thức luận lý liên quan đến Nhân minh trong Phật giáo. Đoạn trích dẫn dưới đây từ kinh *Tăng chi bộ* để cập đến cách đàm luận hợp đạo lý, đúng như chánh lý, hay không hợp với đạo lý, không đúng như chánh lý.

“Nếu người nào khi được hỏi một câu, không trả lời một cách dứt khoát một câu hỏi cần phải trả lời dứt khoát; không trả lời một cách phân tích một câu hỏi cần phải trả lời một cách phân tích; không trả lời một câu hỏi ngược lại một câu hỏi cần phải trả lời với một câu hỏi ngược lại; không có gạt qua một bên một câu hỏi cần phải gạt qua một bên; một người như vậy không có khả năng để thảo luận.

Nếu người nào trả lời một cách dứt khoát một câu hỏi cần phải trả lời dứt khoát, trả lời phân tích một câu hỏi cần phải trả lời một cách phân tích; trả lời một câu hỏi ngược lại một câu hỏi cần phải trả lời với một câu hỏi ngược lại; gạt qua một bên một câu hỏi cần phải gạt qua một bên; một người như vậy, có khả năng để thảo luận.

Nếu một người khi được hỏi một câu hỏi không xác nhận là đúng hay là không đúng, không xác nhận là một giả thuyết, không xác nhận là một quan điểm của một bậc trí, không xác nhận là sở hành thường làm mà người ấy vẫn trả lời; người như vậy không có khả năng thảo luận. Ngược lại là người có khả năng thảo luận.

Nếu một người khi được hỏi một câu hỏi, tránh câu hỏi ấy với một câu hỏi khác, hướng câu chuyện ra ngoài, bày tỏ sự phẫn nộ, sân hận, bất mãn; người như vậy không có khả năng thảo luận. Ngược lại là người có khả năng thảo luận.

Nếu một người khi được hỏi một câu hỏi, lại mắng chửi, đánh đập, nhạo báng, chụp lấy chỗ sơ hở; người như vậy không có khả năng thảo luận. Ngược lại là người có khả năng thảo luận.”⁸

Đoạn kinh trên đây chỉ ra cho chúng ta thấy phương thức luận lý, từ đó biết được người có khả năng hay không có khả năng luận lý hợp với đạo lý, đúng như chánh lý hay không. Bên cạnh đó, chúng ta có thể tìm thấy bốn phương thức trả lời được đề cập đến trong các kinh luận, đó là:

1) *Nhất hướng ký* (nhất định giải đáp): trả lời một cách dứt khoát.

2) *Phân biệt ký* (đáp bằng cách giải nghĩa): trả lời bằng cách phân tích rõ ràng.

3) *Phản vấn ký* (đáp bằng cách trả lời hỏi vặn): trả lời bằng cách hỏi ngược lại người hỏi.

4) *Xả trí ký* (đáp bằng cách dùng trí xử lý tùy tình huống và tùy đối tượng): trả lời bằng cách im lặng, hoặc gạt qua một bên những vấn đề trừu tượng vô ích.⁹

Triết học về luận lý là triết học của thánh thiện và giải thoát. Khoa học của luận lý là khoa học của những khoa học. Đây được gọi là khoa học tranh luận. Nếu tranh luận để đi đến một sự thỏa thuận về một chủ đích nhất định nào đó, thì gọi là sự tranh luận có khoa học, hợp luận lý. Tranh luận có khoa học phải khế cơ và khế lý, nhu nhuyễn trong tương tác, cương nghị trong quyết định. Đức Thế Tôn là bậc Thầy của những bậc thầy trong việc tranh luận. Ngài đã chỉ bày cho chúng ta thế nào là phương thức tranh luận nhu nhuyễn trong tương tác và cương nghị trong quyết định.¹⁰

Mục đích tranh luận trong Phật giáo không phải hơn thua hay thể hiện sở học cao thấp, mà để đi đến sự hiểu biết tường tận về hiện tượng sự vật, thấu tình đạt lý để tỏ ngộ chơn tâm.

Trong đoạn trích dẫn từ kinh *Tăng chi bộ* nêu trên, Đức Phật chỉ rõ cho chúng ta biết hạng người nào đáng để tranh luận, hạng người nào không đáng tranh luận. Biết được như vậy thì sẽ dẫn sự tranh luận đi đến sự hiểu biết, trí tuệ; bằng không thì chỉ là sự tranh luận vô bổ. Những đoạn kinh như vậy xuất hiện khá nhiều trong Kinh tạng *Nikāya*, đặc biệt là trong *Tăng chi bộ kinh*. Có thể đây là nhân căn để về sau các nhà luận lý Phật học phát triển để trở thành một bộ môn luận lý học Phật giáo, góp phần trong việc phá tà, hiển chánh, xiển dương giáo nghĩa Phật-đà. Trong đó Nhân minh luận Phật giáo vốn nổi tiếng trong giới học thuật cũng như luận lý khoa học từ xưa đến nay. ■

Ghi chú:

1. Xem, Thích Kiên Định, *Khảo sát Lịch sử tư tưởng Nhân minh luận Phật giáo*, Nxb Thuận Hóa, 2009, tr.184.

2. Ngũ Minh, <http://tuyenphap.com/ngu-minh-186>.

3. Opcit, tr.184.

4. Digha Nikaya (Nal. Ed.), I, p.16; also pp.20, 22, 27. Prof. Rhys Davids translates takka as ‘logic’, see Dialogues of the Buddha (Tr. of the Digha Nikaya, S.B.B. Series), I, 2

5. Anguttara Nikaya (NAL. Ed.), I, 176

6. Seel.B.Horner, *The Collection of the MiddleLength Sayings*, Vol.II, p.386.

7. Russell Webb (ed), *An Analysis of the Pāli Canon*, Buddhist Publication Society Kandy • Sri Lanka, third BPS edition 2008, p.18.

8. Thích Minh Châu (dịch), *Kinh Tăng chi bộ*, ĐTKVN, 1988, tr.223.

9. Xem, Thích Thiện Siêu, *Lối vào Nhân minh học*, Nxb Tôn Giáo, Hà Nội, 2001, tr.18.

10. Sđd, tr.255.



Mê ở ta-bà, sức nhớ quê hương là Cực lạc

NHUY NGUYỄN

Gải quyết sự khổ trong đời này (nhẹ lòng trước mọi chướng ngại) và an lạc, giải thoát khỏi luân hồi ở đời sau, ngoài Phật pháp ra không gì có thể thay thế.

Giả như không có niệmlực gia trì của chư Phật, Bồ-tát và chư Thánh, thêm vào một phần là nhờ ý niệm từ chính lớp người hiểu, hành và sống theo Chánh pháp, sự sống ở các hành tinh sẽ chóng tàn hoại. Tiếc là ý niệm siêu thiện từ việc trì niệm hồng danh quá ít so với tạp âm, tà âm tràn ngập hư không. Thử tính trong một xóm làng, thành phố hay quốc gia, tỉ lệ người phát sóng siêu thiện bao phần trăm so với chiều ngược lại? Hậu quả của ý niệm thiện hay bất thiện không những ảnh hưởng các mối quan hệ xã hội, mà theo tiến sĩ vật lý lượng tử của Đại học Harvard John Hagelin (Giám đốc Liên hiệp Toàn cầu Khoa học gia vì Hòa bình Quốc tế, người đã phát triển thành công lý thuyết “Trường đại thống nhất dựa trên siêu dây”, một lý thuyết về vật lý hạt ở trạng thái năng lượng cao), ý niệm là dạng dao động

sóng phát ra sẽ biến đổi từ trường, có thể ảnh hưởng cả một thành phố. Còn chân tướng sự thật thì sao, theo lời dạy của các chân sư cũng như trong kinh điển, mỗi ý niệm đều nhỏ nhiệm là “nhỏ một sợi lông chần động toàn thân”, nên một ý niệm của riêng mình có thể chần động tận hư không khắp pháp giới. Năng lực của tâm quá lớn, thật ngoài sức tưởng tượng, thậm chí còn hơn cả bom nguyên tử như một thiền sư từng ví. Tâm chính là pháp giới; toàn cả vũ trụ chính là tâm mình. Cũng là ví dụ của các bậc cổ đức giác ngộ: trong mộng thấy có ta và thế giới; do đâu mà có, không phải là tâm của ta biến ra sao. Thế giới trong mộng là do tâm ta trong mộng biến hiện, thế giới ngoài đời cũng do tâm vọng của chúng sanh trong mười pháp giới biến hiện. Còn thế giới Cực lạc là do chân tâm của Phật và Thánh chúng tạo nên. Cho nên trở về Cực lạc mới thật là trở về quê hương của chân tâm tự tánh.

Phật độ khắp mười phương, nhưng chớ hiểu nhầm hai chữ “tha lực”; rằng Phật sẽ đưa tay “bốc” chúng sanh từ

ta-bà đặt lên Cực lạc. Phật làm vậy đã không còn ai cùng khổ trên quả địa cầu nữa. Nhân quả luân hồi là quy luật vận hành của vũ trụ chứ không phải do Phật bày ra. Ta-bà bế khổ, đầu đầu cũng khổ, chỉ cần “chán” trần ai, ngày đêm thiết nguyện sanh Cực lạc, Phật sẽ đến lúc ta lâm chung (hay lâm nạn). Điều đáng trách là ta bịt mắt trước cảnh vi diệu mô tả trong “ngũ kinh, nhất luận” nên thấy cõi ác trước này tươi đẹp quá chừng; niệm Phật ngày đêm song chưa hề có tâm thế về với Phật, cứ hẹn rày hẹn mai, hẹn đến lúc thân xác tàn hoại vẫn bám chặt lấy “ngôi nhà” tử đại, bám ngũ dục lục trần, tài danh lợi dưỡng. Thương xót chúng sanh, Phật mở con đường thoát cảnh lầm than. Phật chỉ ra tâm Phật trong mỗi chúng sanh, và do vậy bất kể ai cũng có cơ hội lên nước Phật. Trời lẫn từ vô thi, thậm chí có người kiếp trước có tu, kiếp này vẫn phàm phu không hề tin Phật, đều là sự thể hiển nhiên. Chớ tưởng ta đời này theo Phật sẽ an ổn dong buồm cập bờ giác. Trong tàng thức mỗi sinh mạng chứa quá nhiều chủng tử xấu. Nghiệp lực trong một người thôi, kinh viết nếu có hình tướng sẽ đầy cả hư không. Dẫu tu tập tinh tấn, lúc mạng chung lỡ nhân xấu trỗi lên sẽ rơi vào tam đồ vạ nạn không ra được, cũng là sự thường.

Vẫn biết ai rồi cũng chết, nhưng sự thật có muôn vàn cái chết thảm thương. Có một Phật tử tu tập khá chuyên cần, ngày sắp mất đạo tràng đến hộ niệm, đứa con tự xưng “từ trên trời rơi xuống” ngăn cấm triệt để, bà uất nghẹn trợn mắt mà chết. Chúng kiến cảnh một người nằm liệt giường bao nhiêu năm trời đến thối thối, con cháu mỗi lần bước vào lau rửa liền ói mửa, sẽ thấm thía sự chết không đơn giản. Chưa nói chứng đắc cao xa, chỉ cần có một cái chết nhẹ nhàng, một cái chết an lành trong chánh niệm và có đạo hữu trợ niệm tiễn đưa đã khó lắm. Tổ Ấn Quang từng khuyên người hãy dán chữ *tử* trên trán là vậy. Bậc giác giả khuyên người đời mỗi đêm lên giường nên lắng tâm niệm Phật. Nếu chuyên chú lâu ngày, ta sẽ thấy được trạng thái rất gần giấc ngủ; xem như sắp trôi vào cõi chết. Ấy là lúc ta nằm được *cận tử nghiệp*. Chúng đắc lên thẳng Cực lạc là khó; dùng *thường nghiệp* (ngày nối đêm xuyên qua mọi công việc) và bám *cận tử nghiệp* để lên nước Phật sẽ nhiều hy vọng hơn.

Hành giả nào suốt đời do dùng tâm phàm niệm Phật, và do không huân tập “Phật tiếp dẫn”, phút lâm chung miệng niệm tâm loạn động, sống chưa tương ưng với từ ái bao dung thì đâu có ai xuất hiện. Phật sẽ đến tiếp dẫn nếu tâm người đó tương ứng với thiết nguyện, cung kính và tràn đầy bao dung cõi trần ô trược. Phật bên ngoài chính là do tâm (Phật) trong ta cảm ứng. Ngược lại, một người không hề sợ ma, lúc nào cũng chỉ biết niệm Phật, thì dẫu có bước giữa nghĩa địa cũng không thể gặp ma. Nói theo ý của Hòa thượng Tuyên Hóa, tâm Phật chính là từ tâm ma quỷ tu thành. Tâm ma quỷ, hiểu ở mức thô tức tâm quá nhiều vọng tưởng đảo điên, luôn toan tính lợi mình hại người và vạ vật. Mỗi ý niệm phát xuất, dẫu là vi tế nó đều tồn tại như một dạng vật chất.

Dầu thoáng nghĩ xấu về người, thì ý nghĩ đó đã xuyên vào đối tượng mình nghĩ và còn “sát thương” vô số trên đường bay của nó đến tận cùng pháp giới. Ta có thể ngăn được chân tay song cực khó để ngăn ý niệm xấu ác. Đa phần nghiệp lực là do ý niệm tạo thành. Ý niệm chống chéo lên nhau tại kiếp này và từ nhiều kiếp trước. Tại sao bỗng thấy ghét một người trong lúc họ không can hệ đến ta? Có thể do ta có vướng mắc thù oán với họ từ thuở xa xôi nào trước lúc cha mẹ sinh thành hoặc đời này do ta hay “ngó lỗi người”. Ý niệm giận ghét nhau sẽ tạo nên một loại từ trường, nếu có máy chụp lại sẽ cho màu sắc tối xám; nhiều thiền sư chứng thiền nhãn đã nhìn thấy loại màu sắc này. Thí nghiệm nước kết tinh cũng đã chứng minh, tuy chỉ phản ánh “sắc”. Kinh điển cho biết ý niệm tích lũy đều phát sanh loại từ trường có đầy đủ “sắc thanh hương vị xúc”. Truyền thống Thực dưỡng Ohsawa khuyên người hay cáu giận không nên nấu ăn và cũng không nên bưng soạn đồ ăn cho người khác, vì ý niệm vô hình (hữu hình đối với người có thiên nhãn) đã phóng vào làm biến đổi đồ ăn, người dùng dễ đau bụng hay nặng hơn có thể ngộ độc...

Mỗi một hình ảnh lọt vào mắt sẽ được lưu giữ dẫu bao lâu vẫn trỗi dậy quấy phá tâm như một loại vi-rút hạng nặng. Câu Phật hiệu khởi lên, là phương pháp tối ưu thanh lọc phiền não. Hiện tượng bỏ vợ theo bồ bởi ta không chịu xóa cái ấn tượng mạnh mẽ ban đầu; không bỏ được thói phàm ăn bởi ghi khắc quá sâu đậm về những món ngon... Lúc tâm chưa kịp lưu một khuôn mặt đẹp, một món ăn ngon, một bài hát hay, câu hồng danh đã thực hiện chúc năng hóa giải. Niệm Phật mà không nghe rõ từng chữ, những hình ảnh sẽ mạnh hơn và tắt nhiên vọng tưởng làm chủ. Tha thiết niệm hồng danh bằng cả máu huyết, đến một lúc nó sẽ rút năng lượng bất cứ loại vọng tưởng nào.

Người chỉ dùng miệng niệm Phật mà không dùng tâm; xưng là đệ tử Phật trong lúc hành vi trái hẳn lời Phật dạy, luôn chực nhảy khỏi khuôn khổ *ngũ giới, thập thiện* khác gì với tay vào hư không đánh đu vọng tưởng. Người học Phật đều biết nhân quả, vẫn ít người ngờ đến mức độ tàn phá thân tâm từ vọng tưởng. Tưởng hành vi xấu (nhất là hành vi giữa bàn dân thiên hạ) mới đưa lại hậu quả; tưởng nghĩ xấu chút sẽ chẳng hại ai, đâu ngờ đó mới chính là tế bào “ung thư”. Tôi đã và đang phóng vô vẩn ý niệm xấu, như một dạng “giáo mác” có mức độ “hủy diệt” khủng khiếp. Hành vi này nếu tiếp tục nhân lên, lúc có những ý nghĩ/hành động/hình ảnh tương tự trước mắt, nó như mối được châm lửa hủy hoại công đức. Điều này giải thích tại sao có những vụ ly hôn hay vụ án lớn đơn thuần xuất phát từ những chuyện nhỏ nhặt. Bởi quá khứ họ phát xuất ý niệm xấu đến nhau, không tập dùng Phật hiệu hòa giải; những ý niệm đó nén lâu ngày thành khối u nằm im lìm trong tâm (tưởng yên bình), chực chờ cơ hội đánh gục những đôi chân hướng về cõi giác.

Nếu tâm lúc nào cũng với ý niệm thiện, hay trong trường hợp chương ngại trái chiều nào ta cũng khởi tâm niệm Phật, nhẹ nhàng thanh thoát cho nó trôi đi như rác rến trên dòng sông, tâm ấy tịnh sáng và sẽ “cho ra” một thân thể khỏe mạnh, đủ thời gian giúp ta có được tấm vé lên Cực lạc. Tại ngôi chùa Thiên Giang ở phố cổ Bao Vinh, trong đạo tràng ít nhất có ba trường hợp bệnh viện kết luận là “K”; tin Phật, đêm nào họ cũng niệm Phật đã đẩy lùi ung thư, có người hai năm vẫn bình thường, có người hai mươi năm rồi vẫn như chưa có sự cố nào xảy ra trong đời, thực tế phải gọi là lành bệnh hiểm. Trở về với thí nghiệm nước nhờ âm thanh thiện tác động đã chuyển từ nhơ bẩn qua trong sạch, sẽ thấy niệm Phật có thể chữa lành bệnh nan y. Điều quan trọng ở đây là người bệnh có niệm thuần thành hay chỉ niệm với tâm ích kỷ và mục đích duy nhất cốt lành bệnh để tiếp tục sống những tháng ngày lảm mè. Liên đới việc hộ niệm lúc lâm chung, nếu mười người hộ niệm mà tâm vẫn vương đầu đầu bất quá chỉ hơn chút xíu máy niệm Phật với vai trò nhắc nhở khổ chủ tỉnh giấc. Lúc hộ niệm phải nhất tâm như ngồi giữa đạo tràng dự khóa công phu mới đem lại lợi ích lớn cho người được hộ niệm và chính bản thân mình; dĩ nhiên việc có vãng sanh hay không là *chuyện lớn*, không thể qua sự tướng bình thường mà bàn cho được.

Vọng tưởng luôn mạnh mẽ bởi nó được sản sinh vô số mỗi ngày và được nuôi dưỡng bằng sự buông thả của hành giả. Lúc ta nằm trên giường tiếng là thư giãn, song trong đầu có những cuộn phim chiếu qua tâm thức một cách sống động; tâm rong ruổi cũng như đứa trẻ với đồng đồ chơi thả cái này chụp cái kia. Thay vì để tâm tham dự bữa tiệc vọng tưởng cho đến khi mệt là trôi vào giấc ngủ lúc nào không hay, ta buộc tâm duy nhất vào câu “A-di-đà Phật” kết thành từng chuỗi miên mật; ban

ngày cũng với phương pháp

này đối đãi vạn sự vạn vật,

lâu ngày sẽ nhận được

sự thanh thản thư

thái, tỉnh táo

trước biến cố.

Một ả hàng cá

chửi (dẫu họ

sai chẳng nữa)

mà ta sân lại

thì trong lúc

đó ta không

bằng họ. Chớ

bận tâm nhiều

đến những lời

khen, quyết

niệm Phật

mỗi khi ai đó

trái ý thích

của mình,

cho đến lúc

tự cảm thấy họ chính là thấy, là thiện tri thức, cảm thấy thương yêu họ, chừng đó ta thực đang trong tiến trình liễu thoát.

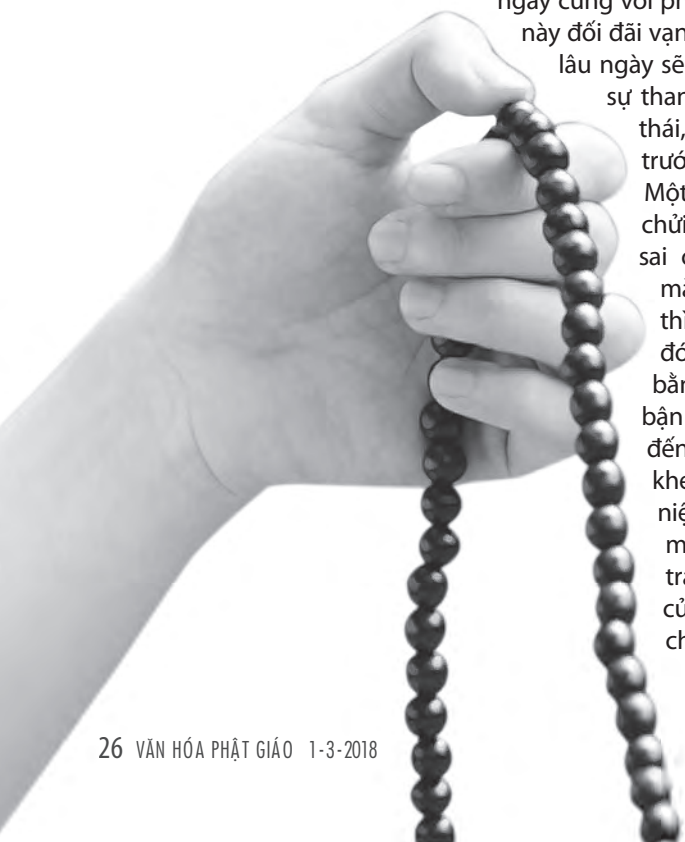
* * *

Một bậc chân tu từng ví: tập tánh xấu của chúng ta cũng như rất nhiều chương trình được cài đặt sẵn trong máy vi tính; hễ khởi động máy, những chương trình ấy cùng đồng loạt “nổi loạn”. Trong quá khứ, có thể có những sợi dây liên hệ bắt hảo với ai đó, nếu tình trạng này được lặp lại nhiều lần, tâm ta sẽ lưu vào ký ức thành một loại “ác dữ liệu”; khi gặp lại người đó, dữ liệu này tự động nhảy ra ngoài tầm kiểm soát, và như vậy mỗi lần gặp dữ liệu càng thêm đậm nét. Ta lại cho tình trạng này là thật, cũng gần giống như hiện tượng tự kỷ ám thị hay “nhìn dây thừng tưởng làm con rắn” mà sợ toát mồ hôi. Có khi đương sự đã thay đổi hẳn, nhưng ta vẫn nhìn người đó với hình ảnh cũ, đó chỉ là cái bóng cũ do chính ta phóng hiện. Nhiều loại bệnh tật cũng từ đó phát sinh, nếu biết thì chỉ ít ngày đã có thể hóa giải, còn không hiện tượng này sẽ lặp lại cho đến không cùng, lại càng có cơ hội “oán trời trách người”, tội nghiệp sẽ càng thêm nặng, phước thọ tổn giảm nghiêm trọng.

Diễn giải của Bồ tát Di-lặc còn vi tế hơn: hàng tỉ ý niệm phát xuất trong một giây. Tu thiền định để có thể vượt tam giới phải dứt sạch ý niệm đoạn hoặc chúng chân; tính theo tiêu chuẩn này trên trái đất được bao người đủ căn cơ? Với pháp môn Tịnh độ, điều quan trọng trước hết là có đầy đủ niềm tin về Cực lạc quốc; tin rồi có thiết nguyện vãng sanh; quảng đại phát nguyện rồi mức độ hành trì niệm Phật chuyên nhất không? Người tu có chịu buông ta-bà vào bất cứ lúc nào để về với Phật như lòng mong muốn của một người tù được trả tự do, như đứa con xa quê bao nhiêu năm mong một lần trở về? Lưu lạc trong vô số kiếp trần ai khổ não. Ai mà chẳng có cội nguồn. Ai không ước trở về nguồn cội. Cái khó là ta cứ nghĩ nguồn cội ở đây, sống trên đất mà chết cũng trên mặt đất này.

Quê hương của chúng ta - là Cực lạc.

Con người ai cũng từng rơi vào trạng thái “sực nhớ”. Lúc ta cố lục lại trí nhớ lại không tìm ra điều muốn nhớ, nhưng một lúc nào đó lại “sực nhớ”. Thực tế đó thường là những lúc ta thả lỏng thân tâm. Trí không căng thẳng, tâm bớt vọng động ấy là lúc quyền năng tối thượng phát huy tác dụng. Những người nhập thiền tự dung nhớ lại những chuyện xa xưa hồi nhỏ; bậc chứng quả Thánh thì nhớ hàng trăm kiếp trước của mình và của mọi người, đều nằm vào “lý thật tướng” này. Sở dĩ quyền năng tối thượng không phát huy tác dụng bởi tâm chứa quá nhiều rác, từ đó dồn tất cả công việc vào trí nhớ. Có thể nêu thí dụ: ngày mai hoặc ngày kia ta phải làm việc ấy, cứ sợ quên, thế là ép trí nhớ vận dụng công năng liên tục. Rốt cuộc vẫn quên. Vẫn có trường hợp ta sực nhớ, song cuộc hẹn đã qua hoặc chưa đến, tức nhớ việc. Ngược lại, luôn biết



xóa mọi thông tin để làm sạch tâm; đến lúc cần làm việc ấy việc kia vào thời điểm đó, chỉ cần phát thông tin rồi “không thêm nhớ nữa”, đúng thời điểm quyền năng tối thượng sẽ nhắc ta một cách hoàn hảo! Lý này chính là nương vào cái không mà trụ. Cũng như ngài Huệ Năng khi nghe đến “ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm” (nên sinh tâm mình vào nơi không có chỗ trụ) liền hoát ngộ. Thời hiện đại có bác sĩ Hew Len đã “phát hiện” và chứng nhập diệu lý thâm sâu trong kinh Phật này, và chính ông chữa lành rất nhiều bệnh nhân chỉ với việc xóa thông tin căn bệnh của đối tượng khỏi tâm mình.

Không luyến tiếc thân mạng, song người tu phải gìn giữ thân mạng quý giá để có đủ thời gian hành trì trước lúc quả đạo kịp chín. Biết gìn giữ thọ mạng của muôn loài chúng sanh là giữ thọ mạng cho chính mình. Gìn giữ thân mạng theo Chánh pháp khác với những người ngày nào cũng với ý nghĩ khám chữa bệnh, ngày nào cũng chọn lọc đồ ăn thức uống cầu kỳ. Lời Phật dạy chưa dễ tin thì nay khoa học cũng minh tường: người ăn chay luôn ít bệnh tật và mình mạnh hơn người ăn mặn. Ở đây không nên nhầm lẫn: người lao động trí óc đơn thuần hay người tu tập cần ít năng lượng lại ăn với chế độ của lực sĩ. Một tài liệu của Pháp được công bố cho hay, bệnh ung thư cũng có thể chữa mà không cần thuốc. Chất bổ dưỡng như thịt bò, các loại cá thịt, sữa, đường... là thức ăn chính của con ung thư; chỉ cần người bệnh khước từ những thứ đó, ăn thuần rau củ, tiết thực, con ung thư không có thức ăn sẽ ra sao. Hay theo thực đơn Ohsawa. Gạo lứt nấu trong nồi gang, kiên trì ăn với muối mè sẽ lành bệnh. Bây giờ khoa học hiện đại phát hiện: đường là một thảm họa của nhân loại, phá hoại não trạng và bại hoại thân thể. Loại chất độc này cũng như mì tinh đánh lừa vị giác, người tu những tưởng dần dần cũng nên giảm dùng ở mức tối đa, tiến tới loại khỏi danh sách thực đơn. Bệnh xuất phát từ công việc đặc thù, từ sự tùy tiện trong ăn uống, bệnh cũng xuất phát từ tâm đen tối mê mờ. Và đặc biệt quan trọng là ý niệm lo sợ cái chết theo kiểu “tôi giàu có, tôi phải hưởng thụ, tôi không thể chết khi còn quá nhiều tiền của”. Mỗi ý niệm sợ chết phóng ra, con vi-rút trong họ có nhiên liệu sống mãnh liệt hơn. Chỉ điều này thôi cũng cho thấy Phật là một đại danh y. Nếu là đạo hữu cùng hiểu đạo lý thì chẳng sao (bởi khi ta khai bệnh, họ sẽ biết xóa ngay thông tin đó); với người không học Phật, họ sẽ khắc chạm căn bệnh của ta vào não trạng, ngày nào cũng phát ý niệm: “gay rồi, bệnh ấy nguy rồi, khó lành, khó qua khỏi rồi”. Ta lo sợ, bệnh càng nặng đã đành; hễ “khối u” trong ta nhiều “*fan hâm mộ*” nó càng có lý do sinh tồn.

Mức độ xóa thông tin thuần thực, quyền năng tối thượng làm việc cực kỳ hiệu quả. Sự vui sự buồn vừa ập đến liền như tảng băng ném vào lửa. Tâm trở lại bình lặng. Trong bất cứ chúng sinh nào cũng đều có chủng tử Phật, vĩnh viễn không tàn lụi dầu trôi qua lục đạo vô lượng kiếp. Karl Marx đã đúng một phần trong câu mang tầm triết lý nhân sinh: “Bản chất con người là tổng

hòa các mối quan hệ xã hội”. Nhưng có hai điểm hạn chế: thứ nhất Marx chỉ bàn đến con người; quan trọng hơn, tổng hòa các mối quan hệ xã hội chỉ tạo nên *tập tánh* chứ không phải *bản tánh*. Bản chất của chúng sanh muôn loài là *tự tánh*-Phật. Giống như một bãi đất trống, sau một thời gian hội các nhân duyên như nước, gió, không khí, hạt giống, sẽ tạo nên rừng cây rậm rạp đủ loài, nhưng dưới lớp đất thành thang kia vẫn chứa hạt giống Bồ-đề. Người tu là người biết phát quang cây tạp để hạt giống đó nảy mầm tỏa bóng. Rừng cây kia dầu đổi được cả khối vàng song không bao giờ là bản chất; hạt giống Bồ-đề mới chính là xạ hương, là tinh hoa của con người. Ai những kiếp trước thiếu duyên với Phật pháp kiếp này phải dụng Trí để nhận diện chân giả, bước về miền sáng. Tín là chìa khóa mở ngôi nhà Phật pháp. Nhiều người cầm chìa khóa lại chấp nó là ngôi nhà, cứ thế trang hoàng đánh bóng, mong người đời nhìn vào ngưỡng mộ trầm trồ ngợi ca. Điều này chẳng khác mình trú trong thân tứ đại lại ngỡ thân chính là... nhà. Đến lúc nhà cháy lao ra mới tròn mắt trước cảnh giới tối tăm!

Chư Phật không thể xóa nghiệp như ông chủ hào phóng xóa nợ cho kẻ bần cùng. Phật A-di-đà chỉ mở lượng hồng ân cho phép mỗi người gói ghém *nghiệp cũ*, tinh tấn dụng tâm trì niệm hồng danh Ngài, phát đại nguyện lên Cực lạc thế giới. Mang nghiệp cũ, thử lấy ra một món độc là *sân*. Lúc ta nóng giận, câu niệm Phật phải ngay lập tức dừng mãnh hàng phục được khiến tâm lắng xuống không sai sử chân tay miệng tạo tác. Ở tham, si, mạn cũng vậy. Còn ta bị các thứ độc đó nổi lên sai khiến như trâu bị xổ mũi, câu niệm Phật vẫn nhớ niệm song thật yếu ớt, thì việc vãng sanh khó rồi! Nếu chúng ta không dụng tâm mà chỉ dùng miệng niệm Phật, dẫn đến bạc tóc đường về Tịnh độ vẫn là “quá khó quá khó”. Trở lại ví dụ ma. Ai đêm nằm một mình bỗng sợ ma, cứ thế ý niệm sợ ma mới chống lên ý niệm cũ, lúc mở mắt sẽ rùng mình trước con ma ngay trước mặt. Dẫu sợ ma, người đó cứ bám vào câu Phật hiệu, lần theo từng chữ “A-di-đà Phật”, niệm chữ nào nghe rõ chữ đó, niệm chuỗi nào rành mạch chuỗi đó, cảnh giới xấu trở về không. Từ đây mới thấu yếu chỉ của niệm Phật chính là *nghe rõ câu mình niệm và gắng kết chuỗi thành phiên*. Giữa đạo tràng hàng trăm người, ta vẫn điềm nhiên nghe lấy câu hồng danh mình niệm nối nhau bất tận; còn không dễ chừng rơi vào tình trạng lên giọng cho đúng tông và khi đó ta trở thành một “con hát” của dàn hợp xướng trong lúc vọng niệm lời tâm khắp hồng trần. Biết lắng tâm và lắng nhĩ căn lúc niệm Phật thì dầu ta giữa chợ vẫn có thể điềm nhiên an lạc.

Ta-bà cõi tạm, như cái thang ai mục ta đang đứng cheo leo và sẽ gãy đổ bất cứ lúc nào. Để có cơ gọi tên sự chứng ngộ phải bắt đầu từ việc niệm Phật hóa giải mọi ý niệm xấu ác khởi sinh. Dụng tâm niệm Phật để “sức nhớ” những kiếp trước ta từng với tay gần chạm vào Đức Phật, và bây giờ chum nho nơi vườn Cực lạc đã không còn xanh nữa. ■

Thăng hoa thiện lành

TRẦN QUÊ HƯƠNG

Ai ơi giữa cuộc đời này
Nhân nhân quả quả vẫn xoay chính mình
Từ trong vô lượng kiếp sinh
Ta sống buông thả tánh tình tệ hư
Mắt, tai, mũi, lưỡi... chấp nư
Thấy, nghe, ngửi, nếm... ngực tù đam mê!
Vui buồn, thương ghét hà hê...
Ngày qua tháng lại ủ ê đường trần
Tử sinh, sinh tử phù vân
Chấp ngã hằng hữu vạn phần khổ đau
Sống chết luân hồi qua mau
Tưởng rằng ta được... ngờ đâu chẳng gì!
Có không, ảo giác sâu bi...
Chông chất khổ lụy mê si cuồng cuồng
May thay trong cõi vô thường
Được gặp Chánh pháp soi đường thức tâm
Tự mình thấy rõ sai lầm
Tự mình dừng lại nói làm mê tân
Tự mình sám hối tự thân
Thay đổi quan niệm tinh thần sống tu
"Ngày đêm tinh tấn công phu"
Tự mình soi rọi mây mù ngày xưa
Quyết tu tự quyết bỏ chùa
Tâm tánh chấp thủ nói bừa làm ngang
Nay nhờ giáo pháp Phật ban
Biết tin nhân quả soi đường mà đi
Khi mê tham chấp sân si
Nay tỉnh chiếu diệu lưu ly hạnh hiền
Khi mê tham chấp đảo điên
Nay tỉnh tỏ rạng pháp duyên từ hòa
Khi mê tội lỗi hằng sa
Nay tỉnh tu tập thăng hoa thiện lành
Nam-mô Phật pháp thiên sanh
Đại từ bi, đại hóa thành phúc ân.



Nếu ta gặp Phật

YUVAL NOAH HARARI
NGUYỄN VĂN NHẬT dịch

Lời tòa soạn: Bài viết dưới đây được trích dịch từ tác phẩm *Homo Deus: A Brief History of Tomorrow* của Yuval Noah Harari, có những nhận định tinh tế nhưng cũng có chỗ nhạy cảm. Chúng tôi xin đăng để độc giả có thể rộng đường nhận xét và củng cố niềm tin tôn giáo của mình.

Việc khẳng định tôn giáo là công cụ nhằm gìn giữ trật tự xã hội và nhằm tổ chức sự hợp tác của con người ở quy mô lớn có thể làm phật lòng những người vốn cho rằng trước hết và trên hết tôn giáo thể hiện một con đường tâm linh. Tuy nhiên, nếu như khoảng cách giữa tôn giáo và khoa học thực ra hẹp hơn những điều ta vẫn nghĩ, thì cũng vậy, thực ra khoảng cách giữa tôn giáo và tâm linh lại rộng lớn hơn nhiều. Tôn giáo là một sự thỏa thuận, trong khi tâm linh là cả một hành trình.

Tôn giáo cung cấp một sự mô tả trọn vẹn về thế giới và chào mời với chúng ta một bản hợp đồng được xác định thật chi tiết với những mục tiêu định trước.

"Thượng đế thường tôn. Ngài bảo cho chúng ta phải hành xử theo những đường lối nhất định. Nếu chúng ta

tuân lệnh ngài, chúng ta sẽ được chấp nhận vào thiên đường. Nếu chúng ta không tuân lệnh ngài, ngài sẽ thiêu đốt chúng ta trong hỏa ngục".

Tính cách hết sức rõ ràng của thỏa thuận này cho phép xã hội định rõ những tiêu chuẩn và giá trị chung có tác dụng điều chỉnh hành vi của loài người.

Những hành trình tâm linh hoàn toàn không có gì giống như vậy. Mọi con đường tâm linh đều đưa con người vào những lối mòn huyền bí hướng tới những phương trời chưa từng được biết. Sự truy vấn thường bắt đầu với những câu hỏi lớn, chẳng hạn: Tôi là ai? Ý nghĩa của cuộc đời là gì? Điều gì là tốt đẹp? Trong khi phần lớn con người đều chấp nhận những câu trả lời có sẵn được cung cấp bởi những thẩm quyền đương đại, những người truy tầm tâm linh thường không dễ



dàng hài lòng như vậy. Họ quyết tâm theo đuổi câu hỏi lớn lao của mình cho dù sự truy tìm đó dẫn họ tới đâu, và không chỉ tìm đến những chỗ mọi người đã biết rõ hoặc mong muốn được thăm viếng. Thế nên, đối với phần lớn những người đi học, việc nghiên cứu học thuật chỉ là một thỏa thuận chứ không hẳn là một hành trình tâm linh, vì thực ra việc nghiên cứu ấy đưa chúng ta tới những mục tiêu định trước, được chấp thuận bởi các bậc trưởng thượng, chính phủ và các nhà ngân hàng.

"Tôi sẽ học tập chăm chỉ trong vòng ba năm, trúng cách trong các kỳ thi, nhận bằng cử nhân và được bảo đảm về một công việc có lương cao".

Việc nghiên cứu học thuật có thể được chuyển hóa thành một hành trình tâm linh nếu như những câu hỏi lớn mà ta gặp trên đường làm chệch hướng và đưa ta đến những chân trời không hề mong đợi, kể cả trước đó ta chẳng bao giờ có chút nhận thức nào về nơi chân trời đó. Chẳng hạn, một sinh viên có thể khởi đầu việc học của mình trong ngành kinh tế với ý định bảo đảm được một chỗ làm tốt ở thị trường chứng khoán Hoa Kỳ Wall Street. Thế nhưng, nếu trong quá trình học hỏi đó, người sinh viên ấy biết được một điều gì khiến anh ta hay cô ta kết thúc quá trình nghiên cứu của mình ở một tu viện Ấn Độ giáo hay tích cực tham gia vào việc cứu giúp những bệnh nhân nhiễm HIV ở Zimbabwe, bấy giờ ta có thể gọi đó là một hành trình tâm linh.

Tại sao lại dán cho cuộc du hành như vậy cái nhãn "có tính cách tâm linh"?

Đây là di sản từ quan điểm nhị nguyên cổ xưa vốn vẫn tin vào sự hiện hữu của hai vị thần, một thiện thần và một ác thần. Theo quan điểm nhị nguyên này, vị thiện thần tạo ra những linh hồn bất tử và tinh khiết hưởng thụ cuộc sống trong một thế giới tinh thần. Thế nhưng, lại có vị ác thần - đôi khi được gọi là quỷ Satan - sáng tạo một thế giới khác, thế giới vật chất. Satan không biết cách làm cho vật sáng tạo của mình tồn tại vĩnh cửu, cho nên, trong thế giới vật chất mọi vật đều mục nát và bị phân hủy. Để thoả sự sống vào tạo vật bất toàn của mình, Satan tìm cách cám dỗ các linh hồn từ thế giới tinh thần và nhốt chúng trong những thân xác vật chất. Đó chính là thân phận của loài người - một linh hồn trong sạch bị giam hãm trong một thân thể vật chất xấu xa. Vì những nhà tù của linh hồn - nghĩa là các thân xác - thối rữa và dần dần đi tới cái chết, Satan không ngừng quyến rũ linh hồn bằng những sự khoái cảm của thân xác, trên hết là những khoái cảm mang lại bởi thực phẩm, tình dục và quyền lực. Khi một thân xác tàn hoại và linh hồn có cơ hội thoát về được với thế giới tinh thần, sự khao khát đối với những niềm khoái cảm vật chất của nó lôi kéo nó trở vào trong một thân xác mới. Đó là cách khiến linh hồn luân hồi từ thân xác này đến thân xác khác, phung phí thời gian của nó trong việc theo đuổi thực phẩm, tình dục và quyền lực.

Thuyết nhị nguyên về tôn giáo hướng dẫn con người phá vỡ những gông cùm vật chất rồi thực hiện một hành trình trở lại với thế giới tinh thần, vốn là nơi xa lạ đối với tất cả chúng ta, nhưng đó mới thật là nhà của ta. Trong quá trình truy vấn này, chúng ta phải từ bỏ mọi quyền rũ và thoả thuận có tính cách vật chất. Vì di sản nhị nguyên này, mọi cuộc hành trình theo đó chúng ta nghi ngờ những quy ước và các thoả thuận của thế giới thể tục để dẫn bước hướng về một chân trời vô định đều được gọi là “cuộc hành trình tâm linh”.

Những cuộc hành trình như vậy có những khác biệt căn bản đối với tôn giáo, bởi vì tôn giáo tìm kiếm việc cố kết các trật tự xã hội trong khi hoạt động tâm linh tìm kiếm việc thoát ra khỏi trật tự ấy. Chẳng có gì để nghi ngờ rằng đòi hỏi quan trọng nhất ở những kẻ tìm kiếm về tâm linh là sự thách thức những niềm tin và những quy ước của các tôn giáo đang thống trị. Trong Thiên tông của Phật giáo, người ta từng nói rằng, “Nếu gặp Phật, tôi sẽ giết Phật”. Điều này có nghĩa là trong lúc lang thang trên con đường tâm linh và ta tình cờ gặp những luật lệ cố định cùng những ý niệm khô cứng của một nền Phật giáo đã bị định chế hóa, ta phải tự giải phóng ta khỏi những điều đó.

Đối với tôn giáo, tâm linh chính là một sự đe dọa đầy nguy hiểm. Nói chung tôn giáo luôn cố gắng kiểm soát những truy vấn tâm linh nơi các tín đồ của họ, và nhiều tôn giáo từng bị thách thức không phải bởi những kẻ thể tục chỉ quan tâm đến thực phẩm, tình dục, và quyền lực; mà bởi những kẻ truy tìm chân lý vốn đòi hỏi nhiều hơn những điều tầm thường nhằm chán. Cho nên, cuộc nổi dậy của những người theo giáo phái Tin Lành chống lại quyền lực của Giáo hội Thiên Chúa giáo không hề được khơi dậy bởi những kẻ vô thần ham mê dục lạc mà bởi một vị tu sĩ khổ hạnh đầy lòng thành tín, ngài Martin Luther. Luther đòi hỏi những câu trả lời cho những câu hỏi thiết yếu về cuộc sống và từ chối sự yên nghỉ trên những nghi lễ, nghi thức và những thoả thuận mà Giáo hội Thiên Chúa giáo mang lại.

Trong thời của Luther, Giáo hội Thiên Chúa giáo hứa hẹn với các tín đồ của mình những điều kiện đầy hấp dẫn. Nếu ai đó phạm tội và sợ rằng sẽ phải bị đầy đọa đời đời trong luyện ngục, tất cả những gì người đó phải làm chỉ là hãy mua một sự ân xá.

Vào đầu thế kỷ thứ XVI, Giáo hội Thiên Chúa giáo La Mã sử dụng những kẻ bán rong chuyên nghiệp chuyên phát hành quyền được cứu chuộc, lang thang khắp các thị trấn và làng mạc ở châu Âu để bán những chứng chỉ xá tội của giáo hội theo những mức giá cố định. Nếu muốn có một chiếu khăn để vào thiên đàng ư? Cứ bỏ ra mười đồng tiền vàng! Muốn gặp linh hồn của ông nội và bà nội đã quá cố ngay tại giáo đường ư? Chẳng có gì khó; hãy xùy ra ba chục đồng tiền vàng. Người ta cho rằng kẻ bán rong chuyên nghiệp những

quyền được cứu chuộc nổi tiếng nhất thời bấy giờ, một thầy tu thuộc dòng Dominic có tên là Johannes Tetzel, đã phát biểu rằng ngay khi những đồng tiền vàng chạm nhau kêu lèng xèng trong cái rương tiền thì các linh hồn lập tức rời luyện ngục để có mặt ở cổng thiên đàng.

Càng suy nghĩ về những điều đó, Luther càng ngờ vực những thoả thuận ấy, và tất nhiên, ông ngờ vực cả cái Giáo hội đã đưa ra những thoả thuận như vậy. Người ta không thể nào mua quyền được cứu chuộc cho mình. Vị Giáo hoàng không thể nào có quyền lực để tha tội cho bất kỳ ai và lại càng không có quyền mở cửa thiên đàng. Theo truyền thống Tin Lành, ngày 31 tháng 10 năm 1517, Luther đi bộ tới Nhà thờ Các Thánh ở Wittenberg, mang theo một tập hồ sơ dầy cộp, một cái búa và những cây đinh. Tập hồ sơ liệt kê 95 luận đề chống lại những tập tục của nhà chung lúc bấy giờ, có cả việc bán những chứng chỉ ân xá. Luther niêm tập hồ sơ ấy ở cổng nhà thờ, làm dấy lên cuộc *Cải cách của những người Thệ Phẫn*, kêu gọi tất cả những ai quan tâm đến việc cứu chuộc của Thượng đế nổi lên chống lại quyền lực của Giáo hoàng và tìm kiếm một con đường khác để đến được thiên đàng.

Từ cái nhìn lịch sử, các cuộc hành trình tâm linh luôn mang tính cách bi thảm, vì đó là con đường cô độc chỉ thích hợp cho những cá nhân chứ không phù hợp với các xã hội hoặc các cộng đồng. Tuy nhiên sự hợp tác giữa con người với con người cần đến những câu trả lời xác định chứ không phải là những câu hỏi; và những người từng bậm môi trợn mắt chống lại những cấu trúc tôn giáo có tính cách lỗi bịch, cuối cùng lại đặt ra những cấu trúc mới thay vào những điều đã bị chống đối. Điều đó đã từng xảy ra cho những nền tôn giáo nhị nguyên, nơi mà những hành trình tâm linh cuối cùng trở thành những thiết chế tôn giáo. Điều đó cũng đã xảy ra với Martin Luther, người đã thách thức những luật lệ, định chế, nghi thức của Giáo hội Thiên Chúa giáo La Mã để thấy rằng chính mình cũng viết nên những luật lệ mới, thiết lập những định chế mới và sáng tạo những nghi thức mới. Điều đó cũng đã xảy ra ngay cả đối với Chúa Jesus và Đức Phật Thích-ca. Trong những cuộc truy vấn không khoan nhượng của mình, các ngài đã lật đổ những luật lệ, nghi thức và cấu trúc của các tôn giáo truyền thống của người Do Thái cổ và người Ấn Độ cổ. Nhưng dần dần, nhân danh các ngài hơn bất kỳ cá nhân nào khác trong lịch sử, nhiều luật lệ, nhiều nghi thức và nhiều cấu trúc tôn giáo mới đã được tạo ra. ■

Nguyên tác: *If You Meet the Buddha*, Chương 5, Phần III, *Homo Deus: A Brief History of Tomorrow* (Giống người được Phong thánh: Lược sử Tương lai), Yuval Noah Harari.

Tác giả: Yuval Noah Harari, sử gia người Do Thái và là giáo sư thực thụ thuộc khoa Sử, Đại học Hebrew ở Jerusalem.

Từ ba câu hỏi cho một thầy thuốc...

ĐỖ HỒNG NGỌC

Ngay Thầy thuốc Việt Nam 27.2, tôi nhận được khá nhiều câu hỏi từ bạn bè, từ nhà báo... và xin chọn 3 câu hỏi “khó” này của Đinh Hoa, báo *Thế Giới Tiếp Thị* để bày tỏ chút suy nghĩ của riêng mình.

1. Là một người làm chuyên môn về khoa học (có vẻ khô khan) nhưng những tác phẩm của ông lại cho thấy ông là một nghệ sĩ khoáng đạt, trẻ trung và rất nhạy cảm. Vậy thực ra ông “ưa” con người nào của mình?

Tôi “làm thơ” trước khi “làm bác sĩ”... Bác sĩ là một cái “nghề”, còn thơ là một cái “nghệ”. Thời trung học, tôi đã có những bài thơ đăng báo. Nó tự nhiên mà đến. Nó gần như không học. Nó gần như không “làm”. Khi đậu Tú tài II xong (1962) thì tôi thi vào trường Y để học “làm bác sĩ”. Vùng tôi nghèo, thiếu thầy thiếu thuốc, tôi nghĩ làm bác sĩ thì có thể giúp ích được cho mình và cho nhiều người hơn. Nhưng vì đam mê văn chương, tôi ghi danh học thêm bên Văn khoa, và sau đó còn học thêm bên Xã hội học. Thời đó, chỉ có y khoa, sư phạm và kỹ thuật Phú Thọ mới phải thi đầu vào, còn các ngành khác chỉ cần ghi danh học. Nên học thiệt là “sướng”!

Chính ông Nguyễn Hiến Lê cũng đã khuyên tôi nên học bác sĩ. Ông nói, làm bác sĩ giúp ích được cụ thể cho người, rồi chừng mười năm hành nghề, có dịp tiếp xúc với bao cảnh đời, bao con người, nếu có tâm hồn nghệ thuật thì sẽ có thể viết văn... Nhiều nhà văn xuất thân là bác sĩ như Somerset Maugham, Tchekov, Cronin...

Y khoa là một khoa học nhưng cũng là một nghệ thuật. Nó gắn liền với thân và tâm của con người. Mà cái gì đã liên quan đến con người thì luôn là một “nghệ thuật” chứ phải không? Cho nên ngày nào Y khoa trở thành hoàn toàn máy móc thì nguy cho con người lắm! Khi mối quan hệ “thầy thuốc-bệnh nhân” máy móc hóa hay thương mại hóa thì có nhiều vấn đề đặt ra.

2. Nghề bác sĩ ở Việt Nam có bị coi là thiệt thòi không khi thu nhập và áp lực công việc chưa tương xứng?

Tôi là một thầy thuốc già, cho phép hay nhắc chuyện xưa để “ôn cố tri tân” nhé. Thời tôi học y phải 7 năm. Thi đầu vào không dễ, đậu chừng hơn 10%. Tôi còn nhớ

ngoài những môn Lý, Hóa, Sinh, Sinh ngữ... thường lệ, còn có thêm 20 câu hỏi tổng quát về văn hóa... như âm nhạc, hội họa, sử, địa, về Biển Thuộc, Hoa Đà, Hải Thượng Lãn Ông, Hippocrate và những câu về đời sống xã hội như “giá gạo trên thị trường bao nhiêu một ký?”, “giá than trên thị trường bao nhiêu một ký?”... Rõ ràng là một cách thăm dò không chỉ kiến thức tổng quát của người thầy thuốc tương lai mà thăm dò cả sự hiểu biết về tình hình đời sống thực tế chung quanh...

Ra trường phải trình luận án để được cấp bằng Tiến sĩ

Y khoa quốc gia (Doctorat en Medecine, Diplôme d'Etat) và phải ghi danh vào Y sĩ đoàn (Chữ Y sĩ ở đây để chỉ người làm nghề y chứ không phải một cấp bậc trung cấp trong ngành Y như sau 75). Y sĩ đoàn (nghệ đoàn nghề nghiệp của bác sĩ) sẽ quản lý, giám sát nghề nghiệp cho bác sĩ, đảm bảo hành nghề đúng nghĩa vụ và lời thề Hippocrate khi tốt nghiệp, xử phạt khi có sai phạm, bênh vực khi bị oan khuất, hành hung... Nhờ hệ thống này, nghề Y được tôn trọng

vì họ luôn xử lý công bằng, tránh những ảnh hưởng tác động từ bên ngoài, đỡ gánh nặng cho quản lý nhà nước, hành chánh. Tiếc thay, sau này không còn nữa nên nhiều vụ kiện tụng xảy ra, nhiều vụ bạo lực hành hung bác sĩ đáng tiếc!

Về đời sống bác sĩ, thì lương hưởng khi ra trường với chỉ số 720 (học 7 năm) được khoảng 12 ngàn đồng (giá vàng thị trường là 9 ngàn) nên họ chỉ phải lo tập trung cho nghề nghiệp, sao cho giỏi, cho có đạo đức tốt, thăng tiến trong nghề nghiệp. Dĩ nhiên cũng có những vụ không hay... nhưng đều được xử lý thỏa đáng bởi Y sĩ đoàn.

Ngày nay, bác sĩ học 6 năm, cũng “trầy vi tróc vảy” nhưng ra trường được coi như ngang cấp “cử nhân” 4 năm, hệ số lương 2.34... gì đó nên nơi nào, người nào cũng phải lo “cải thiện đời sống”... Dĩ nhiên bác sĩ thời nay nhờ tiến bộ khoa học kỹ thuật, khoa học y học nên tài năng còn hơn chúng tôi ngày xưa nhiều. Sự vô lý ở chỗ một cử nhân 4 năm, học thêm 2 năm thì đã là “thạc sĩ” còn bác sĩ 6 năm thì coi như cử nhân!

Rõ ràng với nghề y ở Việt Nam ngày nay “thu nhập và áp lực công việc chưa tương xứng”, nhưng đáng ngại hơn là ngày càng nhiều vụ vi phạm đạo đức, càng nhiều vụ hành hung thầy thuốc không được giải quyết rốt ráo.





Có cái gì đó bất thường ở đây trong mối tương quan thầy thuốc- bệnh nhân vốn đậm ắm từ ngày xưa xưa.

Mối tương quan thầy thuốc-bệnh nhân này cũng đã thay đổi theo thời gian. Thời xa xưa, thầy thuốc là phù thủy là quan Đốc là Đại phu, mối quan hệ là bất bình đẳng, cha chú, gọi dạ bảo vâng. Rồi khi ngành y bị thương mại hóa, bệnh nhân trở thành “khách hàng”, người “tiêu thụ”(consumer) còn thầy thuốc thành người cung cấp dịch vụ (health care provider) thì “khách hàng là Thượng đế”, nên phải chiều chuộng bệnh nhân, cung cấp càng nhiều dịch vụ càng tốt để làm... kinh tế! Mới đây, ở Mỹ đã có một phim báo động: Một nền Y học vì đồng tiền (Money-driven Medicine). Cả hai mối tương quan đó đều không tốt, không phải. Ngày nay khuynh hướng là cần có sự hợp tác, đồng thuận hai chiều và cần tôn trọng tính tự chủ của hai bên (autonomy). Vì thế vai trò truyền thông giữa thầy thuốc bệnh nhân trở nên rất quyết định, nên đã có khái niệm “truyền thông trị liệu” (therapeutic communication). Người thầy thuốc hôm nay cần có nền tảng văn hóa rộng. Học về truyền thông, về khoa học hành vi (tâm lý, xã hội, nhân chủng...), về giáo dục sức khỏe, nâng cao sức khỏe, quan tâm tới chất lượng cuộc sống chứ không chỉ biết chữa bệnh tật. Mô hình bệnh tật nay cũng đã thay đổi. “Ba cao một thấp” chẳng hạn là những bệnh dịch không lây, do lối sống, do môi trường, do dinh dưỡng, thuốc men... Bệnh nhân ngày càng trở nên “thầy thuốc” cho chính mình, không bị lệ thuộc vào thầy vào thuốc như xưa. Thế nhưng cũng có những nguy cơ như dựa vào thông tin internet, online..

bệnh nhân tự chẩn đoán, tự điều trị dẫn đến những đáng tiếc khác.

3. Một cuộc sống hạnh phúc, một cá nhân hạnh phúc, theo quan điểm của ông là gì?

Có thứ hạnh phúc bền bỉ, lâu dài và có thứ hạnh phúc mong manh, chốc lát. Một người trúng số độc đắc sẽ rất hạnh phúc, một người đoạt vương miện hoa hậu sẽ rất hạnh phúc... Nhưng đó thường là hạnh phúc trong chốc lát, vì chẳng bao lâu nó bay biến... Hạnh phúc lâu dài thì đó chính là sự an lạc trong thân tâm. Có thể tóm trong mấy chữ là Từ bi hỷ xả. Có tâm Từ thì tâm hồn luôn rộng mở, biết yêu mình, yêu người, yêu thiên nhiên, biết bảo vệ môi trường sống, môi trường văn hóa tốt đẹp; có tâm Bi hẳn thì biết sẻ chia, đùm bọc, giúp đỡ... Có tâm Hỷ thì xóa bỏ được lòng ghen ghét, ganh tỵ, hận thù và có tâm Xả thì biết đủ, kham nhẫn tri túc... Thứ hạnh phúc đó có thể sẻ chia, lan tỏa.

Hiện nay trong thời đại đầy bất trắc, lo âu, một số quốc gia đã đi tìm một thứ hạnh phúc bền bỉ lâu dài cho quốc dân qua khái niệm GNH (Gross National Happiness= Tổng Hạnh Phúc Quốc Gia) thay vì GNP (Gross National Product =Tổng sản phẩm quốc nội) là chỉ dựa trên tăng trưởng kinh tế đơn thuần. Người ta nhận ra nhiều quốc gia có tăng trưởng kinh tế cao mà người dân không có được hạnh phúc. Tổng hạnh phúc quốc gia (GNH) dựa trên 4 yếu tố chính: bảo vệ môi trường thiên nhiên, môi trường văn hóa, sức khỏe và tuổi thọ, chánh quyền vì dân...

Tóm lại, hạnh phúc cá nhân quện trong hạnh phúc tổng thể. Mối tương quan giữa Chánh báo và Y báo vậy! ■



Hippocrates

nói về nghề y

NGUYỄN HỮU ĐỨC

Hippocrates, ông tổ ngành y phương Tây sống vào những năm 460 trước Công nguyên, đã phát biểu về nghề y như sau: *"Life is short, and Art long; the crisis fleeting; experience perilous, and decision difficult. The physician must not only be prepared to do what is right himself, but also to make the patient, the attendants, and externals cooperate".*

Tạm dịch:

"Cuộc đời thì ngắn ngủi, mà nghề thì rộng thênh thang; cơn bệnh pháp phù với tai biến không lường trước được; kinh nghiệm lại không đủ nhiều, và quyết định xử trí thì thật khó khăn. Người thầy thuốc không phải chỉ chuẩn bị để tự mình làm những gì là đúng, mà còn làm cho bệnh nhân, đồng nghiệp nhân viên và các yếu tố xung quanh hợp tác hài hòa".

Ồi, phát biểu của Hippocrates sao mà thấu cảm tấm lòng các thầy thuốc quá thế! Ông đã mô tả thật sâu sắc các khó khăn của nghề y. Quá khó khăn, bởi vì tất cả mọi người luôn luôn kỳ vọng vào cái tâm và cái tầm của người thầy thuốc. Trong mọi thời đại, trong mọi đất nước, hình ảnh người thầy thuốc luôn là người cứu độ hiện diện trong trái tim nhân loại. Cuộc sống thường xuyên rình rập bởi những ốm đau, bệnh tật, tai nạn làm cho con người cảm thấy cô đơn, mềm yếu và luôn mong có người thầy thuốc làm điểm tựa khi gặp phải hoạn nạn. Chính vì thế mà người thầy thuốc phải soi rọi lại mình xem đã làm gì tốt và cả những gì chưa tốt, và theo Hippocrates, vẫn luôn có cái làm chưa tốt.

Đối phó với những khó khăn, và đặc biệt để hạn chế mức thấp nhất những điều làm chưa tốt, Hippocrates đã phát biểu câu được ghi bằng tiếng La-tinh "*Primum non nocere*". Người ta không tìm thấy câu nói này trong lời thề Hippocrates nhưng đọc kỹ lời thề, ta thấy có nội dung toát lên ý mà câu nói nhắm đến. Đoạn 4 trong lời thề có nội dung: "*Tôi sẽ làm theo khả năng và phán đoán của tôi áp dụng phương pháp điều trị mà tôi cho là có lợi cho người bệnh, tránh những gì có hại và nguy hiểm cho họ*", được ghi nhận là cụ thể hóa một chuẩn mực y đức của lời thề Hippocrates, đó là "*Trước hết, đừng gây hại*" mà *Primum non nocere* chuyển tải. Để "*Trước hết, đừng gây hại*" người thầy thuốc phải làm gì?

Để làm điều lợi tránh điều hại cho người bệnh, người thầy thuốc bắt buộc phải toàn tâm toàn ý trong công việc chuyên môn, tu dưỡng, rèn luyện liên tục kiến thức và kỹ năng của mình. Rõ ràng, những sai sót trong y khoa dẫn đến tai biến làm tổn hại sức khỏe, thậm chí tính mạng của người bệnh trong thời gian qua ở nước ta đa phần là do trình độ yếu kém về chuyên môn của người thầy thuốc. Phải cập nhật thông tin kiến thức y dược mới cũng như sẵn sàng chân thành trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm và thông tin, hỗ trợ chuyên môn với các đồng nghiệp.

Đối với người bệnh, người thầy thuốc cần xem người bệnh cũng chính là *một thành viên tích cực trong đội ngũ chăm sóc sức khỏe*. Họ cần được người thầy thuốc thông tin đầy đủ, dễ hiểu về việc chăm sóc sức khỏe của họ. Người bệnh cần được đối xử như "một cá nhân được tôn trọng" và người thầy thuốc có nhiệm vụ làm hài lòng họ bằng tình cảm chân thành. Nếu người thầy thuốc có mối quan hệ tốt với bệnh nhân, cung cách khám chữa bệnh đúng mực, nói năng nhẹ nhàng, thân tình, giải thích rõ ràng cặn kẽ, sẽ giúp việc điều trị bằng thuốc hoặc bằng phương thức trị liệu nào đó đạt kết quả nhanh và tốt hơn. Người thầy thuốc luôn ghi nhớ "*Trước hết, không làm hại bằng lời nói của mình*" vì lời nói của người thầy thuốc với người bệnh cũng giống như thuốc là con dao hai lưỡi. Cách nói nào đó của người thầy thuốc giống như tác dụng điều trị của thuốc có thể làm cho người bệnh hài lòng và bệnh thuyên giảm đi rõ rệt. Nhưng cách nói nào khác lại giống như tác dụng phụ có hại của thuốc làm cho người

bệnh lo âu và bệnh nặng lên, làm khổ người bệnh và khổ cho cả người thầy thuốc vì vẫn phải chữa khỏi bệnh.

Đừng tưởng "*Trước hết, không gây hại*" là việc đơn giản, dễ dàng. Có một chuyện vui nên kể để thấy "*Trước hết, không gây hại*" không dễ. Một bác sĩ khuyên người bệnh: "*Không nên ăn mặn vì ăn mặn làm tăng huyết áp là bệnh đã có sẵn và đang chữa trị*". Bệnh nhân mừng rơn vì mình là người ăn chay từ trước đến nay, cứ tiếp tục thì khỏi lo huyết áp tăng bất thường. Thời gian sau, huyết áp người bệnh vẫn bất ổn. Bác sĩ hỏi về chế độ ăn thì bệnh nhân bảo bác sĩ đừng lo vì tui ăn chay mà! Khổ nỗi, bệnh nhân ăn chay nhưng vẫn thoải mái nêm rất nhiều muối và nước tương. Đáng lẽ bác sĩ nói như vậy thì hay biết mấy: "*Không nên ăn mặn tức phải ăn thật ít mắm, thật ít muối, nếu ăn chay phải thật ít nước tương vì ăn mặn như thế làm tăng huyết áp là bệnh đã có sẵn và đang chữa trị*". Rõ ràng là bác sĩ rất muốn không gây hại cho bệnh nhân nhưng không khéo tư vấn để bệnh kéo dài là đúng gây hại rồi. Biết là việc khó nhưng người thầy thuốc chúng ta vẫn luôn tâm niệm và làm theo "*Trước hết, không gây hại*" mà Hippocrates đã khuyên bảo.

Tựa đề của cuốn sách viết về thiền tập của nữ tác giả Sylvia Boorstein đã thu hút nhiều người đọc. Mới đọc tựa không thôi: "*Don't just do something, sit there*" (Đừng làm điều gì cả, chỉ ngồi yên đó), một số người bị sốc.

Một người đã đặt câu hỏi với nữ tác giả: "*Tôi bao giờ cũng nghĩ rằng, nếu ta muốn có một sự đổi thay nào đó cho chính mình hoặc cho xã hội, thì ta phải tích cực làm điều gì đó. Còn bà lại cho rằng 'Đừng làm điều gì cả, chỉ ngồi yên đó! Như vậy nghĩa là sao?'*"

Bà Sylvia Boorstein đã trả lời: "*Tôi hoàn toàn đồng ý với bạn, mỗi chúng ta đều có bốn phạm hạnh động khi ta thấy có điều gì đó phải làm. Tôi chỉ muốn nói, ta cũng cần có sự tĩnh lặng để thấy thật rõ điều mình thật sự phải làm. Việc đó cũng có giá trị rất lớn*".

Đối với những nhà chuyên môn y dược, làm việc trước người bệnh rất cần những khoảng "ngồi yên" kể trên. Trước người bệnh, thầy thuốc làm đủ mọi chuyện cho việc khám chữa bệnh nhưng vẫn "ngồi yên" với ý nghĩa "*Trước hết, đừng gây hại*". "Ngồi yên" đây là không làm những gì gọi là "sai sót y khoa" dẫn đến tai biến làm tổn hại sức khỏe, thậm chí tính mạng của người bệnh. Muốn như vậy, rõ ràng người thầy thuốc bắt buộc phải toàn tâm toàn ý trong công việc chuyên môn, tu dưỡng, rèn luyện liên tục các kiến thức kỹ năng, luôn cập nhật thông tin y dược mới cũng như sẵn sàng chân thành chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ chuyên môn với các đồng nghiệp. "Ngồi yên" ở đây là trước người bệnh chỉ nghĩ đến lợi ích của người bệnh, không để bị lôi cuốn theo các ý tưởng tham, sân, si chi phối hành động của mình. "Ngồi yên" ở đây là "làm như không làm" hiểu theo nghĩa "làm nhưng không nhằm thỏa mãn cái tôi được đặt làm trung tâm cuộc sống". ■

Một nông dân cứu hoa màu nhờ âm nhạc

MATHILDE GOLLA
CAO HUY HÓA dịch

Bị lây nhiễm bởi một bệnh không chữa khỏi được, những trái bí non của một nông dân vùng Bouches-du-Rhône (Pháp) được cứu sống bởi những giai điệu nhạc phát ra mỗi chiều tối. Kỹ thuật này cho phép tránh thuốc trừ sâu, và đã áp dụng hiệu quả trên nhiều loại canh tác khác.

Một vài giai điệu nhạc được chọn lọc tỉ mỉ quả thật đã làm ức chế virus, nấm và kích thích cây tăng trưởng. Gilles Josuan, nông dân vùng Bouches-du-Rhône đã chứng thực việc này.

Người nông dân này đã trồng độc canh bí non (courgette). Đã mười năm qua, những cây thuộc họ bầu bí đã nhiễm một loại virus gọi là virus de la Mosaïque. “Không có một

phương pháp nào chiến đấu chống lại tai họa này”, ông đã thử nhiều cách nhưng vô hiệu. Không lẽ phải chịu thua, nhổ hết cây? Ông bèn vào trang mạng của Xí nghiệp Genodics, vì mạng này hứa hẹn chăm sóc cây với những protein của âm nhạc. “Tôi bèn thử một phen, có gì mất đâu?”. Ông đang canh tác với 40 hecta trong nhà kính và 50 hecta đất ngoài trời. “Ngay từ khi bắt đầu phát nhạc trong những nhà kính, tôi đã thấy sự khác biệt. Nhưng cái khó khăn nhất là phát nhạc trong nhà kính trong điều kiện độ ẩm cao. Để khắc phục khó khăn đó, Xí nghiệp Genodics sáng chế thiết bị tiếp liệu với những tấm pin mặt trời và thích ứng với điều kiện của những ống tuy-nen. “Sau vài lần điều chỉnh ban đầu, chúng tôi đã cứu được những giàn bí non. Hiện nay, virus vẫn tồn tại nhưng bị ức chế bởi âm nhạc



trong khi trái cây không có dấu vết nào. Tôi lại có sản phẩm bán ra thị trường”, người nông dân phấn khởi.

Để đạt được kết quả ngoạn mục đó, người nông dân phải áp dụng từng li từng tí hướng dẫn kỹ thuật mà mạng xã hội lập ra. Ông nông dân phải phát nhạc trong tất cả những buổi tối từ năm đến bảy phút với loại nhạc thích ứng, “nhưng đừng ham để nhạc nhiều, kéo cây bị mệt”, ông cho biết như thế, ông đã thu hoạch 600 đến 700 tấn rau quả mỗi năm. Hiệu suất canh tác khiến nhiều người đổ kỵ. “Những nhà nông lảng giềng hỏi tôi nhiều câu hỏi về phương pháp sản xuất và cũng nghĩ sẽ làm như vậy”, tuy nhiên phải tìm ra giai điệu nhạc phù hợp với mỗi thứ canh tác.

Trên thực tế, Xí nghiệp Genodics giải thích cần phải tìm những giai điệu nhạc thích ứng với từng bệnh lý. “Liên quan vấn đề của Gilles Josuan, ngay từ đầu, chúng tôi đã hợp nhất chỉ một loại virus, trong khi lại có hai. Sau khám phá này, chúng tôi đã chọn giai điệu thích nghi, có thể ức chế hai loại virus, cây bị mệt đấy, nhưng vô hại với con người”; một người sáng lập Genodics, Pedro Ferrandiz đã dùng những nhịp rung động âm nhạc để chống lại những bệnh của một số cây (nấm, virus, vi khuẩn...), như vậy hạn chế dùng thuốc trừ sâu.

Một loại âm nhạc gọi là *protéodie* (có lẽ là từ ghép của *protéine* và *mélodie* - lời người dịch) là công lao ban đầu của những kết quả đáng ngạc nhiên này. “Nói một cách đơn giản, trong quá trình tổng hợp những protein, những axit amin sản sinh ra những nốt nhạc, cứ mỗi protein thì phát ra một giai điệu đặc biệt”, đó là giải thích của kỹ sư hàng đầu của Genodics. “Cần phải biết được những protein dính dáng đến bệnh mà người ta muốn đánh, rồi cô lập chúng và tìm giai điệu khác của protein để kích thích hay ức chế sự tổng hợp của nó”, một chuyên gia đã áp dụng những lý thuyết của Joël Sternheimer, nhà vật lý học và là người mê âm nhạc.

130 nông dân đã dùng giải pháp này

Vai trò của Genodics là nhận diện rồi giải mã sự phân chia protein. Với những kỹ thuật của Genodics, trang mạng đã giúp hơn 130 nhà nông chiến đấu chống lại những bệnh đe dọa sản xuất của họ. Như vậy, một người làm nghề trồng cây vùng Saint-Félicien-d'Avall, trong dãy Pyrénées-Orientales, có thể chiến đấu chống lại con virus (gọi là virus de la sharka), bằng cách phát thanh hai khúc nhạc *séquences* hàng ngày. Những khúc nhạc *séquences* với tính năng điều trị cho phép giảm thiểu số cây đào bị chết. Phương pháp này cũng chăm sóc cây cà chua bị hư hại bởi nấm mạng nhện – một loại nấm là tác nhân của bệnh mốc xám –, hay những cây táo tây nhiễm bệnh đốm đen.

Những khách hàng chính của Genodics là những người trồng nho. Những giai điệu nhạc điều trị được



dùng để chống lại bệnh mốc sương, bệnh này đã làm chết hàng loạt những cây nho, đặc biệt là ở Pháp. Cách thức đều như nhau: phát thanh loại nhạc du dương sao cho từng gốc cây nho có thể nghe những nốt nhạc. Kết quả thấy rõ. “Việc này tiến hành có hệ thống và tỉ lệ thành công từ 25% đến 95%. Chẳng hạn, trên những giống nho vùng Cabernet, kết quả thật là ngoạn mục, còn những giống nho vùng Alsace, kết quả có ít hơn. Trung bình, tỉ lệ thành công là 70%”, Pedro Ferrandiz phấn khởi.

Những kết quả thực nghiệm tốt như vậy đã làm cho cộng đồng khoa học quan tâm. Genodics đã kết nối cộng tác với Đại học Cergy, trong vùng thủ đô Paris, hầu có thể tiến hành những nghiên cứu và để hiểu hơn chức năng khoa học của giải pháp nêu trên. Mặt khác, Viện Quốc gia nghiên cứu nông học Pháp (Institut National de la Recherche Agronomique, viết tắt: INRA) nhìn nhận rằng “cây là nhạy cảm với âm thanh và chúng tác động trở lại bằng tiếng động nào đó, như tiếng gió hay tiếng kêu răng rắc của một cây bên cạnh bị khô và gây nên phản ứng. Tuy nhiên, ngày nay chúng ta chưa chứng thực một cách khoa học những liên hệ đó”, Bruno Moullia, Giám đốc nghiên cứu của Viện nhấn mạnh. Liên quan đến lý thuyết của Genodics, “tôi không thể nói rằng việc đó bị bỏ qua, nhưng chúng tôi không thể chứng minh một cách khoa học hiệu quả của điều trị đó”, bộ phận lý thuyết hữu cơ trong nghiên cứu nông học cho biết như vậy. Để biết điều đó, Viện cần phải hướng dẫn những thực nghiệm, mà chính những kết quả của Genodics đã là bằng chứng tuyệt vời. ■

Nguồn: Mathilde Golla, Un paysan sauve ses cultures d'un virus dévastateur... grâce à la musique!, *Le Figaro.fr*, 13/11/2017.



Smartphone và tôi

NGUYỄN TƯỜNG BÁCH

Trong thời đại này, xuôi ngược trên mọi nẻo đường Đông-Tây, ta bắt gặp một hình ảnh mới mẻ. Mọi nơi, mọi lúc, nhất là trong xe lửa, xe bus, tàu điện ngầm... người ta chú mục nhìn vào cái màn hình nhỏ xíu của chiếc điện thoại smartphone. Trước đây người ta cũng đọc sách đọc báo trên xe để tận dụng thì giờ, nhưng sách báo của ngày nọ chỉ là phương tiện tạm thời, không thể so sánh với màn hình của smartphone ngày nay. Điều gì đã xảy ra trong thế kỷ XXI này?

Chúng ta đang ở giai đoạn đầu của một biến chuyển quan trọng trong tâm lý con người, đó là khái niệm "xã hội" hay "thực tại" đang mang những nội dung hoàn toàn mới, đặt nền tảng trên khối lượng thông tin khổng lồ do internet mang lại. Đặc tính nổi bật nhất của những thực tại này là tính chất "ảo" của chúng, chúng chỉ tồn tại trong tâm ý con người. Thế nhưng chúng đang dần dần hiện hữu như thực và đã có nhiều học giả báo động. Điều này làm ta nhớ đến quan niệm của Phật giáo về thực tại bình thường, trong đó, thực

tại này đã được xem là "ảo" rồi. Nay, trong thời đại mới, thực tại ảo đang chiếm lĩnh sinh hoạt con người. Tình trạng này có thể được ta gọi là "ảo chồng lên ảo" và thực ra không hề làm các nhà Phật học bối rối. Nhưng hãy nói lại từ đầu.

Cá thể và xã hội

Mỗi con người khi sinh ra đều có xã hội xung quanh và càng ngày càng mở rộng không gian xã hội của mình. Đứa trẻ khi còn trong gia đình thì xã hội của nó là cha mẹ, anh chị em và các thành viên khác. Đến tuổi đi học, không gian xã hội được mở rộng thành thầy cô, bè bạn và tất cả những người sống xung quanh nhà trường. Tương tự như thế trong tuổi đi làm, thời kỳ thành lập gia đình, xã hội con người liên tục được mở rộng bằng những số người liên hệ. Khi hoạt động giao tiếp được mở rộng, thông qua du lịch, giao tế, nghề nghiệp... không gian xã hội con người được nhân lên nhiều lần, tinh tế phức tạp hơn, chứa nhiều sắc thái khác nhau hơn. Toàn bộ xã hội của một người có khi được gọi bằng thuật ngữ của đạo Phật là "y báo" của cá

thể đó. Trong một số định nghĩa nhất định thì không gian đó cũng được gọi là “thực tại” của người đó.

Từ xưa tới nay, xã hội (như định nghĩa ở trên) được xây dựng bằng sự tiếp xúc trực tiếp giữa người với người. Các mối tiếp xúc đó chủ yếu thông qua ba tánh: tánh thấy, tánh nghe và tánh xúc chạm để hình thành. Thông qua ba giác quan quan trọng đó, con người thu nhận thông tin bên ngoài, rồi dựa vào suy tư lý luận để tạo nên một thế giới nội tại riêng. Cái riêng đó tạo nên tính cách đặc trưng của mỗi người mà cái tổng hoà của nó có thể tạm gọi là cái Tôi. Cái Tôi đó lại tác động ngược lại vào xã hội bằng tính cách riêng và năng lượng riêng. Qua đó, xã hội và cái Tôi là một sự tương tác qua lại, liên tục chuyển biến, phần lớn nằm trong bình diện vô thức. “Y báo” và “chánh báo” vì thế là một tác động qua lại không bao giờ dừng nghỉ. Tâm “chấp ngã” sẽ xảy ra trong trường hợp này, khi cá thể tin có một cái Tôi trường tồn, độc lập với mọi biến chuyển của xã hội bên ngoài. Tâm “chấp ngã” không hề biết rằng cái mà ta gọi là Tôi chẳng qua nói về một tổng hợp của năm uẩn: Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, mà năm uẩn đó hình thành tùy theo tác động từ bên ngoài theo luật Duyên khởi.

Cái Tôi và công cụ

Khác với thú vật, con người là loài biết chế tạo và sử dụng công cụ. Trừ một vài loài khi biết sử dụng cành cây để hái trái thì hầu như thú vật không có loài nào biết sử dụng công cụ. Ngược lại, con người biết sử dụng công cụ từ rất sớm trong lịch sử phát triển của mình. Ở đây ta hiểu “công cụ” là vật thể ngoài thân nhưng được sử dụng để tăng cường và mở rộng phạm vi hoạt động của thân. Trong thời xa xưa, ta có thể xem cần câu bắt cá, lồng bẫy thú rừng, giáo mác cung tên... là phương tiện gia tăng khả năng hoạt động của thân. Vì khả năng của thân người vô cùng hạn chế, thua xa sinh vật, xưa nay con người mơ ước bay được như chim, lặn sâu như cá, vạn dặm cách xa vẫn nghe nhìn được, những điều mà truyền thần thoại của thế kỷ XX vẫn còn ghi lại.

Ngày nay ai cũng biết, nhờ công cụ mà con người “thấy” được những vật thể vô cùng xa, cách đến hàng triệu năm ánh sáng, và vô cùng bé như nguyên tử. Người tiêu thụ bình thường có thể dùng thiết bị kỳ diệu di chuyển bay lặn khắp nơi, nghe nhìn cách xa vạn dặm. Ta có thể nói, trọng tâm của nền khoa học kỹ thuật của loài người chính là tiến trình chế tạo và sử dụng công cụ, nâng tầm và mở rộng khả năng của thân người trong ba tánh: tánh nghe, tánh thấy và tánh xúc chạm. Một khi ba khả năng đó được mở rộng một cách kỳ diệu thì trí năng suy luận của con người cũng được nâng lên tầm cao mới, đó là cái biết được mở rộng trong mọi hướng.

Do công cụ là “cánh tay nối dài” của mình, con người yêu thích nó như vật bất ly thân. Từ chiếc xe đạp của

trẻ, cái cày của nông dân, ống nghe của bác sĩ... cho đến các thiết bị tinh tế trong phòng thí nghiệm của các nhà khoa học, tất cả đều nâng cao khả năng của thân người, đều gia tăng năng lực thêm cho tâm trí. Công cụ thiết yếu như thế cho thân và tâm của con người nên nó là một phần của cái Tôi khi xuất hiện trong xã hội.

Từ thực tại giả đến xã hội ảo

Thực tại giả (simulation) được hình thành trong khoảng giữa thế kỷ XX. Mục đích của nhà thiết kế thực tại giả là tập dượt phản ứng trước trạng huống hiểm nguy bằng những mô hình động. Khoảng từ những năm 70 thì thực tại giả trở thành một môn học hẳn hoi, được thiết kế ngày càng tinh tế. Thực tại giả được biết đến nhiều nhất trong việc huấn luyện phi công trong máy bay chiến đấu hay dân sự, hay trong các mô hình tình huống nhằm đối phó các hiểm họa trong các nhà máy phức tạp.

Loại thực tại giả này được thiết kế trên ba tánh, gồm tánh thấy, tánh nghe và tánh xúc chạm của con người. Thao tác viên được đặt vào trong một khung cảnh đóng kín với ánh sáng, hình ảnh, âm thanh của tình huống thực. Thông qua ghế ngồi, dụng cụ thao tác tay chân, độ rung lắc của thiết bị, con người được đặt vào một khung cảnh giả tạo, được lập nên bằng cái thấy, cái nghe và sự xúc chạm của chương trình vận hành. Viên phi công sẽ thấy mình như đang lái máy bay thực và đang sử dụng khí giới chiến đấu chống lại kẻ địch. Thực tại giả này ngày càng tinh tế và dẫn dắt con người đến chỗ thực sự quên mình là ai và sống thực trong một tình huống khác. Ngày nay, loại thực tại giả này được ứng dụng rộng rãi trong nhiều trò chơi tiêu khiển, đáp ứng cho những ai muốn tìm cảm giác mới trong các trò chơi như lái xe, đua ngựa, phi thuyền, tàu lặn...

Loại thực tại vừa kể tuy hấp dẫn giới thanh niên muốn tìm cảm giác lạ nhưng không làm cho người ta mê thích cho lắm. Sau khoảng mười phút, những ai tham dự trò chơi đều cảm thấy một sự lặp lại nhàm chán vì thiết bị chương trình điều khiển dù quy mô tới đâu cũng chỉ có giới hạn. Ta tạm gọi thực tại giả này là thực tại “cơ khí”, vì tuy chúng có đối đáp với con người nhưng tất cả đều nằm trong vòng tiên liệu của người lập trình.

Từ khoảng 20 năm nay, trên thế giới hình thành một loại thực tại giả khác, đó là các “mạng xã hội”. Trong bài này ta hãy gọi các mạng xã hội này cũng là một thực tại giả, hay gọi nó là “thực tại điện tử”. Đặc trưng của loại thực tại này là chúng chỉ là một khung không gian ảo, bao gồm hàng triệu hàng tỉ người tham gia, nội dung của chúng không do ai tiên liệu cả, chúng bao gồm hàng triệu giao tiếp qua lại, không có quy định gì cả.

Trên cơ sở internet với khối lượng thông tin khổng lồ, truyền trong một thời gian cực ngắn, mạng xã hội được thành lập và cho thấy một điều rất mới mẻ xảy

ra trong xã hội con người. Nếu trong xã hội quy ước, người ta giao thiệp với nhau bằng tiếp xúc trực tiếp thì trong xã hội ảo người ta kết thành một cộng đồng trong một không gian tưởng tượng. Nếu trong xã hội quy ước, người ta dùng ba tánh, tánh thấy, tánh nghe, và tánh xúc chạm làm cơ sở để trở thành bạn bè đối tác, thì trên mạng xã hội, người ta dùng “thông tin” để xây dựng quan hệ. Thông tin vượt qua ngưỡng của thấy nghe và xúc chạm để đi thẳng vào Ý. Trong mạng xã hội, con người sử dụng “ý căn” của mình một cách nhanh chóng, giản đơn và đồng thời với hàng ngàn hàng vạn người khác.

Đó là lý do tại sao ngày nay nhiều người, nhất là giới thanh niên, bị mạng xã hội thu hút không sao cưỡng nổi. Chỉ với một phát biểu trên mạng, trong nháy mắt đã có hàng chục lời phản hồi, làm sao người thanh niên không khỏi dán mắt vào màn hình và chờ đợi có ai sẽ nói gì về chính mình. Thông tin trên mạng vốn do tự mình nêu lên về chính cá nhân mình và quan niệm

riêng của mình, chúng mang đầy tính chất của tự ngã. Vì thế, đối đáp qua lại trên mạng càng thêm hấp dẫn, ngoài khả năng rộng khắp và nhanh nhạy, chúng còn có khả năng vuốt ve và tăng cường cái Tôi, vốn là điểm yếu của con người bình thường.

Smartphone và Tôi

Cũng lý do đó mà ta hãy nhìn lại tính chất của smartphone. Nó không phải chỉ là cái đặt lên bàn để khoe khoang như nhiều người nói đến. Tầm quan trọng của nó trong thời đại ngày nay là nó chính là “công cụ” để vào mạng xã hội, để vào đó nói về cái Tôi và cái của Tôi. Nó chính là chiếc cầu bắc cho Tôi từ một thế giới đầy buồn phiền và cô độc đi vào một không gian ảo diệu, trong đó có hàng ngàn người đang sẵn sàng nghe Tôi tâm sự và nói về mình. Liệu những người kia có “sẵn sàng” thực không thì không ai biết, vì đây chỉ là không gian ảo, họ ở bên kia bờ đại dương. Hay họ là nam mà giả thành nữ, hay họ là già mà khoe mình trẻ, hay họ nghèo rớt mồng tơi mà khoe mình triệu phú. Tất cả đều là thông tin, mà thông tin thì không ai kiểm chứng.

Smartphone là cái Tôi thứ hai của thế hệ ngày nay. Rất nhiều nhà xã hội và chuyên gia giáo dục lên tiếng báo động về tình trạng có nhiều người lâm vào cảnh nghiện thiết bị nhỏ bé này. Nhiều nhà nghiên cứu về tương lai loài người, nhiều triết gia phân vân về khả năng con người sẽ sa vào các thực tại giả, các xã hội ảo và không còn biết đâu là “thực”. Họ lo ngại, một khi con người được cho vào “chơi” trong một thế giới như thế giới loài bướm chẳng hạn, liệu khi trở về có còn bình thường không? Phải chăng lúc đó người ta sẽ phân vân không rõ mình đã hoá ra bướm hay bướm hoá ra mình như ngày xưa Trang Chu đã nghĩ ngợi thâm sâu.

Nhưng tại sao người Phật tử không hề lúng túng? Những điều đi vào tâm trí, dù thông qua nghe nhìn hay xúc chạm, dù qua thông tin đến với “ý căn”, tất cả đều diễn lại trong đầu con người và mỗi cá thể có một mối quan hệ với những điều đó. Mối quan hệ đó làm nên thế giới, dù đó là nhãn thức, nhĩ thức hay ý thức. Tất cả chúng vốn đều là huyễn, tức là chúng đều do tâm trí của chúng ta phóng chiếu ra ngoài mà thành thế giới. Thế gian thật đã là huyễn cảnh, mà không gian mạng cũng là huyễn cảnh nốt, là cảnh giới “huyễn của huyễn”. Nhưng “huyễn” không có nghĩa là không có tác động; chúng làm nên đời sống, có vui có buồn, có thành công thất bại, có phiền não, có an lạc.

Mạng xã hội là một biến chuyển vô cùng to lớn trong đời sống của loài người, nó sẽ còn biến thiên vô tận và bất ngờ. Trong tương lai, có lẽ chúng ta sẽ có thể còn sống trong nhiều thực tại khác nhau, và vẫn sẽ cho là “có thực”. Nếu hiểu rõ chữ “huyễn” của Phật, con người hy vọng sẽ sống tự tại hơn. ■



Đất phương Nam ngày cũ

Làng Nam Bộ trong lòng Huế

Nguồn: www.wikimapia.org

TRẦN BẢO ĐỊNH

1 Mùi bùn non từ cửa sông theo gió chướng cuối năm lộng về khiến tôi ngây ngất mùi nhớ! Cái mùi nhớ đôi lúc băng khuâng và cũng lắm khi rịt chặt tâm hồn kẻ hậu sinh với tiền nhân thuở trước. Tôi quay lại Huế. Chiều nghiêng Cổ đô! Từng sợi nắng đan xen se chỉ như tấm bình phong che giấu seo kinh thành, nơi từng trải qua bao dâu bể. Tôi lần khăn tựa lan can cầu Phú Thứ, nhìn ba con sông Như Ý, Lợi Nông, Đại Giang hợp cùng rồi chia xa... Mỗi sông đi về mỗi hướng; và mỗi hướng đó tưởng đối nghịch nhưng lại thuận dòng mang phù sa bồi đất, giữ nước vững bền.

Người kinh kỳ muốn tới Phú Đa phải qua cầu Phú Thứ, đi tiếp ngót nghét hơn cây số sẽ gặp thôn Nam Châu. Có thể nói đây là vùng đất ngụ cư duy nhất của người Nam Bộ ở xứ Huế¹. Nơi chốn đó, ngoại thường nhắc nhở con cháu rằng có một phần máu thịt của dòng họ ngoại đã nhiều đời thấm sâu lòng đất khách, nhưng lại là quê mình!

Huế những ngày Chạp cuối năm, những ngày cút Bải Dâu, huệ Nguyệt Biểu, mai Dương Xuân, thực được Phú Thượng... thăm kín ẩn tàng hào hức tạo dáng, khoe nhan sắc Huế yêu... Huế rất yêu! Rồi, ai yêu rất Huế? Hỏi ngoại, ngoại trầm ngâm cả buổi chiều quê!

Huế! Một tiếng vút không gian hay một tiếng gõ thời gian? Sông Hương, núi Ngự... Sông núi nếu phải là biểu tượng quê hương thì những ai nặng tình non nước làm sao tránh khỏi bùi ngùi khi nghĩ tới nơi mình đang sống đã bén rễ thành gốc.

Sông núi có hồn thiêng! Hồn thiêng sông núi khắc vào tâm khảm của mỗi người con Việt một thứ tình yêu bất diệt, đó là tình yêu đất nước! Ngoại nói: *"Núi dù lớn nhưng nếu xa sông trở lại một mình, thì núi thiếu hồn; và nếu có thiêng thì cũng chỉ là thiêng với đất. Sông dù dài ngắn hay rộng hẹp thì sông vẫn có hồn, và cái hồn đó chính là long mạch của đất"*. Rồi, ngoại cắt nghĩa: *"Sông thuộc Âm, núi thuộc Dương, và Thủy dưỡng Mộc nên là nơi chốn sinh ra mọi sự sống"*. Nương theo lời ngoại, tôi thắm nghiệm: *"Vậy thì nữ là sông còn nam là núi?"*.

Trong các triều đại Việt, hiếm có - nếu không muốn nói chẳng có - sự kiện bề tôi kết thông gia cả trai lẫn gái với cùng một vị vua, như trường hợp ngài Đức Quốc công Phạm Đăng Hưng kết thông gia với vua Minh Mạng². Có thể nói rằng Đức Quốc công nắm trong tay cả Âm lẫn Dương, tức hội đủ "Sông-Núi" để tất nhiên có được đất Nam Châu, nơi chốn đi về.

Đêm Nam Châu xốn xang không vì xa nguồn Nam Bộ vốn là đất cũ Phù Nam, mà xốn xang vì bươi mớ tro

tàn quá khứ Thuận Hóa (Phú Xuân) một thời từng là Kinh đô, đi từ “Nhà” tới “Triều”, đi từ sáng tới tối... đây rầy tiếng cười, ngập tràn tiếng khóc!

2 Ngoại ngời tự lự trên thêm lạnh tàn đông, tôi khê khằng: “*Ngoại cũng họ Phạm, vậy họ Phạm của ngoại có dính dáng gì tới họ Phạm của Đức Quốc công?*”

Gió phá Tam Giang thổi qua miền đất bạch sa, ngoại chạnh lòng: “*Phạm Đăng gốc Gò Công, Phạm Hữu gốc Bến Lức (Long An)*” ... *Ngoại họ Phạm, nhưng là Phạm Kế gốc Tân An (Long An)*”.

Ngoại bồi hồi kể tiếp: “*Tuy Phạm Kế nhà mình không cùng huyết thống Phạm Đăng, nhưng nếu nói không dính dáng gì với nhau thì không đúng. Chẳng những cả hai họ đồng triều, mà trong thời loạn lúc lâm nguy, đã “chung lưng đấu cật” phò chúa. Ông nội của ngoại là Phạm Kế Tiết, về hưu được sắc phong Hàn lâm viện Thị độc, Phụng Thành đại phu. Dù vậy, ông không cam tâm hưởng nhàn khi đầu đó những người đồng hương Gia Định, hay nói rộng ra là người miền Nam, vẫn còn sống rải rác nơi xứ Thần kinh chưa hội tụ chung cùng. Ông tiếp tay Nam Châu hội quán, trực tiếp khẩn hoang lập ấp, và khai hoang vỡ đất*”.

Lời ngoại nói, tôi rung cảm. Tôi hiểu rằng: “*Đất sanh quê, Người sanh nhà*”. Hai tiếng “*Quê-Nhà*” hợp thành “*dây tơ rể má*” thắt lòng bao người con xa xứ!

Mưa Huế, nắng Thừa Thiên!

Mưa nắng đó, là mưa nắng Thuận Hóa. Trong mưa có nước mắt, trong nắng có mồ hôi của lưu dân bốn đợt⁴ nhập cư mở cõi. Và bốn đợt nhập cư đó đã có lần gián đoạn trên trăm năm, kể từ sau 1672, khi Trịnh - Nguyễn lấy sông Gianh làm giới tuyến tạm thời chia cắt đất nước. Vận nước gắn liền thân phận dân đen như vậy thì đành vậy! Mãi tới lúc thời xoay thế chuyển, vua Quang Trung-Nguyễn Huệ đánh tan quân Trịnh, nối đôi bờ Nam-Bắc sông Gianh (1786), dân tiếp tục nhập cư và đợt này, chẳng những dân từ phía Bắc đổ vô vùng Thuận Hóa, còn có cả dân Nam-Bình-Ngãi-Phú vốn là thân nhân chiến binh của đoàn quân Nguyễn Huệ.

Năm 1802, Nguyễn Ánh lên ngôi hoàng đế, những công thần và tướng sĩ đem gia đình từ đất Gia Định ra Phú Xuân định cư lập nghiệp. Thuận Hóa đùm tụm lưu dân bằng tấm chơn tình ủ men Huế! Dân ngụ cư với dân cư cùng “*đồng cam cộng khổ*”, chung cuộc thăng trầm. Và rồi, thế sự thuận nghịch, đổi dời; họ đều ở trong con thuyền trôi theo dòng lịch sử... Huế tất cả!

Một lần, ngoại nhắc lời Hoàng Thái hậu Từ Dụ dạy: “*Người miền Nam ra Kinh đô phục vụ triều đình, định cư miền Trung. Vì vậy, gọi là Nam Trung*” (?).

Tôi thoáng nghĩ khác; hay là “*Người miền Nam (Gia Định) trung với vua!*”.

Không rầy, ngoại chậm rãi nói: Ba cửa sông Ô Lâu, sông Bồ, sông Hương hình thành Tam Giang. Nghe đâu vua Minh Mạng đổi Hạc Hải, có nghĩa biển cạn

thành Tam Giang “*Nước sông sâu, gió bất trắc, thuyền bè dễ gặp nạn*”. Và phá, bởi một bộ phận nước bị ngăn hoặc bị chặn lại do dây đá, có khi là rặng san hô vòng. Nam Trung là một địa danh; và địa danh đó nếu hàm ý là người miền Nam trung với vua cũng không sai, nhưng chưa hẳn đúng. Nam Trung vốn xưa là Nam Châu, có nghĩa: “*Người miền Nam lập thôn nơi bãi đất*”, và vì được bao bọc bởi sông Đại Giang, phá Tam Giang nên người đời thường gọi “*xứ cát*”.

Hình như tia mắt ngoại chống lên tia nắng chiều bát ngát mặt nước phấp nháy nhỏ sóng.

“*Người miền Nam trung với vua, điều đó thì không cần tranh cãi; nhưng người miền Nam yêu vua không bằng yêu đất nước. Vua có thể mất, nước thì không*”.

Rồi ngoại nói chắc cứng: “*Nước trên vua, vua mần sao trên nước? Người ta giữ nước chớ bao thuở giữ vua, nếu vua chỉ là thứ hôn quân vô đạo!*”.

“*Đó có phải là tánh cách trượng nghĩa của người Nam Kỳ không, ngoại?*”.

Không trả lời câu hỏi của thằng cháu hay hỏi, ngoại nói thơ điệu Lục Vân Tiên:

“*Mai sau chi sá ai còn mất*

Vạn đại giang sơn, vạn đại vui!”⁵

(Nguyễn Khắc Dương)

3 Mười năm, ngoại đã là sương khói nơi sóng nước phá Tam Giang.

Với tôi, Nam Châu là quê nhà!

Với tôi, những câu chuyện “*Làng Nam Bộ trong lòng xứ Huế*” mà lúc sanh thời, ngoại chầm chậm kể suốt bao chiều trôi lênh đênh trên dòng thời gian phôi phai ký ức. Tôi nhớ ngoại nói: “*Chín họ tộc còn gọi ‘Cửu tộc’, bản quán người miền Nam tụ về làng Nam Trung...*”.

“*Chắc là ngoại đã quên?*”, tôi ước mồi.

Ngoại cười như là tín hiệu “*rành cái tánh tình nghịch của thằng cháu*”. Ngoại kể vanh vách: “*Chín họ tộc: Phạm Đăng, Phạm Hữu, Phạm Kế, Đình, Lê, Trần, Phan, Đoàn, Đặng Ngọc*”. “*Đất lành chim đậu*”, sau này có thêm các họ Nguyễn Trọng, Nguyễn Trung, Hoàng Trọng...”.

Rồi, đột ngột ngoại nói nhanh: “*Người miền Nam ra Huế phục vụ triều đình ắt tìm đồng hương chung sống, nếu không muốn sống lẻ loi*”.

Tôi ngẫm nghĩ: “*Ngôi làng quan, mọc lên giữa lòng thứ dân. Vì sao có thể yên ổn và thân thiện? Hạng quý tộc, vì sao có thể trong ấm ngoài êm trước cảnh lâm than và sự đói lạnh của dân lành?*” Tôi im lặng. Tự đáy lòng, tôi khao khát có một Thái Tông hoàng đế đi du thuyền dạo chơi phá Tam Giang, chợt thấy lũ sóng yêu hại thuyền dân chúng, ngài nổi giận bèn sai quan binh đem đại pháo ra bắn, “*trúng được hai ngọn sóng máu phun ra đỏ dòng nước, còn một sóng chạy ra biển cả trốn mất...*”.

Ngoại như đọc được tâm trí tôi: “*Cần chi tới thiên tử như Thái Tông hoàng đế, hà cháu? Người miền Nam có tiếng trượng nghĩa khinh tài, tính cách bộc trực, khí*



Cầu Phú Thứ - Làng Nam Trung.

Nguồn: khacthienhue.blogspot.com

phách, hào sảng; bản chất hồn hậu, thương người... Cứ coi truyện *Lục Vân Tiên* của cụ Đồ Chiểu thì sẽ rõ. Và, với họ thì *"Đừng ham hốt bạc ghe chài - Cột buồm cao bao lúa nặng, tấm đòn dài khó đi"*⁷.

Cuộc sống giúp tôi nhận ra *"Làng quan"* ngày đó được dân che chở lúc biển động, sóng to; được dân tin yêu những khi trái gió, trở trời... Vì như ngoại thường nói: *"Hồi nầy, mần quan không đồng nghĩa mần giàu; kẻ có quyền chưa chắc đã có lực... Tất cả buộc ràng bởi kỷ cương phép nước; bởi lòng tự trọng và biết hổ ngươi của quan lẫn dân"*.

"Vậy họ mần quan để làm gì, hà ngoại?"

"Để phò vua, cứu nước, giúp dân..."

Có lẽ biết mình nói theo quán tính của thời còn là *"khuê nữ đài các"* con quan; một lát sau, ngoại nhỏ nhẹ: *"Phải có danh gì với núi sông. Họ mần quan để thi thố tài năng, thỏa chí kẻ sĩ, và nhứt là làm rạng danh dòng tộc, quê nhà. Tất nhiên, cũng có những kẻ chẳng ra gì"*.

Trời khất mình Đại Giang.

Dường như ngoại nói khẽ: *"May mà làng Nam Trung không có những kẻ như thế đó!"*.

4 Người làng Nam Trung sống chan hòa tình làng nghĩa xóm, tối lửa tắt đèn có nhau. Bằng tấm chơn tình người miền Nam, họ đã mở toang cánh cửa *"tính cách Huế"*! Đồng thời, họ khắc cốt ghi tâm công đức những bậc tiền hiền: Phạm Đăng Hưng, Phạm Kế Tiết, Phan Thanh Giản, Trần Đạo Tế, Trần Trạm, Đặng Ngọc Oánh, Phạm Hữu Văn, Nguyễn Trọng Tịnh... đã góp sức lập làng nhưng không *"chôn nhau cắt rún"* ở làng. Đó là chưa kể những *"công dân danh dự"* của làng như Trương Vĩnh Ký, Luật sư Diệp Văn Kỳ, Hiệp tá Hồ Phú Viên... đóng vai trò không nhỏ trong công cuộc phát triển làng Nam Trung⁸.

Chiều cuối năm, tôi đứng nhìn những cánh chim trời bay về cố xứ. Hồn đất nước hòa quyện tình người, hương vị nồng nàn yêu thương sông núi. Tiếc cho những ai vì *"miếng đỉnh chung"* hay vì lợi ích trước mắt của cá nhân, bè nhóm... hoặc vì mục đích khác khiến tâm u tối, đành đoạn cắt núi lấp sông tàn phá *"long mạch giang sơn gấm vóc"*. Hỏi *"long mạch"* đó ở đâu, ngoại tôi nói: *"Ở lòng người!"*

Huế dễ dành làng Nam Bộ trong lòng Huế bằng tiếng ru của người mẹ, bất kể lúc nắng lúc mưa!

Nam Châu hay làng Nam Trung thân thương! Mảnh đất hoá thân của Đất phương Nam ngày cũ! ■

Chú thích:

1. Năm 1904, vua Thành Thái cấp đất và cho lập thôn Nam Châu (Nam Trung) thuộc làng Phú Đa, tổng Sư Lỗ, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên, giúp các dòng họ gốc Nam Bộ có nơi thờ cúng, tế tự. Trước 1975, vẫn là thôn Nam Trung (xã Phú Đa, quận Phú Thứ (tỉnh Thừa Thiên). Sau 1975, lấy lại tên thôn buổi đầu là Nam Châu, thị trấn Phú Đa, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên - Huế.

2. Vua Minh Mạng gả Công chúa Nguyễn Phước Vĩnh Trinh (con gái thứ 18) cho Phạm Đăng Thuật là con trai của Phạm Đăng Hưng; vua cũng cho Thái tử Miên Tông kết hôn với Phạm Thị Hằng là con gái của Phạm Đăng Hưng. Khi Thái tử Miên Tông lên ngôi lấy hiệu Thiệu Trị thì bà Phạm Thị Hằng được phong làm Chính thất Quý phi, sanh ra Hoàng tử Hồng Nhậm, sau này là vua Tự Đức. Do đó, bà Phạm Thị Hằng được phong làm Hoàng thái hậu Từ Dụ.

3. Bối cảnh tỉnh Thanh Hoá là Phạm Hữu Văn (1882-1946), đậu tiến sĩ khoa Quý Sửu (1913), lưu danh tại văn bia Tiến sĩ ở Văn Thánh, Huế; lúc về hưu được thăng hàm Thượng thư; vốn là người gốc Bến Lức (Long An). Con trai của Phạm Hữu Văn có bác sĩ Phạm Biểu Tâm (1913-1999), sanh tại làng Nam Trung, tỉnh Thừa Thiên-Huế.

4. Nhập cư đợt thứ nhất, thời Trần - Hồ (1307-1428). Nhập cư đợt thứ 2, thời Lê - Mạc (1428-1558). Nhập cư đợt 3, thời Trịnh - Nguyễn (1558-1786). Nhập cư đợt 4, thời Tây Sơn - Triều Nguyễn (1786-1945).

5. Thơ Nguyễn Khắc Dương.

6. Cửu tộc gồm các họ Phạm Hữu, họ Phan, họ Trần, họ Nguyễn Trọng, họ Nguyễn Trung, họ Đoàn, họ Lê, họ Đặng Ngọc, họ Đinh; về sau có thêm họ Hoàng Trọng (*"Về nguồn"*, Đinh Khắc Thiện).

7. Ca dao.

8. Theo Đinh Khắc Thiện, Nam Trung có lớp hậu duệ tộc họ làm nên tên tuổi làng, như họ Phạm Đăng có họa sĩ Phạm Đăng Trí nổi tiếng xứ Huế; họ Phan Thanh có nhà thơ Phan Thanh Phước, nhà giáo Phan Thanh Hy; họ Đoàn có nhà nghiên cứu tướng Đoàn Nẫm, Đoàn Nông; họ Đặng Ngọc có chủ rạp hát bội Ba Tuần ở Huế, Đặng Ngọc Hùng (Năm Hùng) khai sanh ngành kịch nói; họ Đinh có Đinh Văn Sum chủ nhà in ở Gia Hội, họa sĩ Đinh Cường nổi tiếng tranh trừu tượng...

Chị tôi

HOÀNG TÁ THÍCH

Chị tôi, Hoàng Thị Kim Cúc, là nhân vật trong bài thơ “*Đầy thôn Vỹ Dạ*” nổi tiếng của Hàn Mặc Tử, là huynh trưởng cấp nữ cao nhất trong Gia đình Phật tử từ những năm bốn mươi cho đến khi qua đời vào năm 1989, là người chị cả mà rất nhiều đàn em Phật tử xem như ruột thịt... Bạn có thể vào Google gõ cái tên Hoàng Thị Kim Cúc thì có thể biết thêm về người phụ nữ này.

Điều tôi muốn nói về chị ở đây không phải là những gì nói trên đây mà là những chuyện về tình cảm của một người em đối với một người chị ruột mà tôi yêu mến. Tuy là chị ruột, nhưng chúng tôi cách nhau những hai mươi lăm tuổi, vì chị và tôi là hai chị em khác mẹ.

Ngày theo gia đình tản cư lên một vùng núi non cách Huế khoảng gần ba, bốn chục cây số vào năm 1945, tôi vừa mới lên bảy. Buổi sáng, tôi thường theo chị ra suối lấy nước. Có một hôm gặp một đám lính lê-dương, chỉ huy bởi một viên sĩ quan Pháp đi bố ráp ở phía bờ bên kia. Thấy chị tôi ăn mặc theo lối tỉnh thành, hẳn đang ngồi trên lưng một anh lính sắp lộn

xuống nước, nhìn chăm chăm vào chị và bảo người lính gọi chị qua nói chuyện. Con suối chỉ rộng chừng mười thước và rất nông, nước chỉ ngang đầu gối. Chị Cúc nói lớn bằng tiếng Pháp là ông ta muốn nói gì thì qua đây mà nói. Vừa nghe nói xong, viên sĩ quan vội vàng nhảy khỏi lưng người lính và cử thể lộn sang đến trước mặt chị nói những lời xin lỗi một cách nghiêm chỉnh rồi dẫn đám lính đi ngay. Chắc hẳn là viên sĩ quan kia không ngờ là chị nói được tiếng Pháp nên có ý nể nang. Giữa nơi núi rừng hoang vắng, gặp những người lính trông có vẻ hung dữ, nhưng chị Cúc tôi chẳng hề tỏ ra sợ sệt chút nào. Đây là lần đầu tiên tôi thấy chị bình tĩnh và có vẻ oai nghi như vậy.

Sau hai năm ở miền núi, không chỉ thân phụ chúng tôi mà cả hai người em ruột của ông đều qua đời vì sự khắc nghiệt của môi trường, và vì tình hình ở thành phố cũng đã yên ổn nên gia đình chúng tôi trở về nhà ở thành phố. Một năm sau, khi đã tái ổn định, chị Cúc đưa tôi gia nhập Gia đình Phật tử Hướng Thiện vừa mới được thành lập ở Huế do anh Phan Cảnh Tuân phụ trách. Lúc đó, tôi được mười tuổi, đi đâu chị cũng dẫn tôi theo, nhất là đi chùa. Chị ăn chay trường và những lúc đi với chị, tôi cũng ăn chay theo chị, có khi cả hàng tháng. Khuôn mặt chị lúc nào cũng nghiêm trang, ít cười nhưng nói năng lúc nào cũng chậm rãi, nhẹ nhàng. Có một lần tôi đi đò ngang qua sông Hương với chị. Trên con đò không mấy lớn, chỉ có hai chị em tôi với ba thanh niên người Pháp có vẻ đang say rượu. Thấy chị cũng còn trẻ, và trên con đò nhỏ chỉ có hai chị em tôi, chúng đùa giỡn, la lối ầm ỹ và lắc chiếc đò nghiêng qua nghiêng lại rất nguy hiểm làm tôi sợ đến thất thần, vì tôi vốn không biết bơi và tôi biết ngay cả chị Cúc cũng không. Vậy mà khi nhìn qua chị, tôi thấy chị vẫn ngồi yên mắt hơi nhắm lại, miệng lẩm bẩm như đang nói thầm một mình, không tỏ vẻ sợ sệt chút nào. Mấy tên người Pháp có lẽ cũng ngạc nhiên vì thái độ của chị nên một lúc sau thì chúng ngừng phá phách. Lúc đò cập bến, tôi hỏi chị có sợ không. Chị trả lời cũng rất sợ hãi, nhưng lúc đó chị niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm để tự trấn an. Và chị giải thích cho tôi về lực vô úy của danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm. Hồi đó chỉ mới hơn mười tuổi, nên tôi chỉ nghe và cũng không hiểu nhiều. Tuy nhiên, từ đó, lúc nào có chuyện gì sợ hãi, tôi cũng bắt chước chị niệm danh hiệu của Ngài như một phản ứng tự nhiên.

Chị Cúc là giáo sư chính về môn Nữ công gia chánh ở trường Đồng Khánh, nhưng ngoài những buổi dạy, chị





Nguồn: dulichdanang.vn

dành tất cả thời gian còn lại cho hoạt động Gia đình Phật tử. Tâm huyết của chị là phát triển tình thương ngày một lan rộng khắp nơi mà căn bản là Gia đình Phật tử. Chị tổ chức các trại hè sinh hoạt cho các đơn vị Gia đình Phật tử khắp các tỉnh thành. Tôi còn nhớ một số huynh trưởng như các anh Tuấn, anh Cường, anh Dũng, anh Sanh, anh Quyền, anh Từ... lúc nào cũng sát cánh bên chị và xem chị như một người chị cả. Ngoài đời, chị sống hết lòng với phong trào Gia đình Phật tử, còn trong gia đình chúng tôi, tuy đứng hàng thứ năm trong thứ bậc anh chị em, nhưng chị cũng là linh hồn của mọi sinh hoạt nội bộ, như việc thờ tự, kỵ giỗ, hoặc giao tiếp với bà con, bằng hữu của gia đình. Chị có những đức tính rất đặc biệt, nhưng bên ngoài có phần hơi nghiêm khắc, và đó đúng là con người của chị, con người của nguyên tắc. Mỗi lần nấu món chay để cúng giỗ, chị bao giờ cũng dùng những vật liệu còn nguyên vẹn như một vĩ đậu hủ hay một mớ rau cải mới mua về, hoặc ngay cả một chai nước tương, cũng là một chai chưa mở nút. Đối với tôi là em trai duy nhất ở gần chị, chị cũng rất nghiêm khắc. Lúc còn nhỏ, tôi có hai người vừa bà con rất gần, phải nữ, vừa cùng hoạt động trong Gia đình Phật tử nên chúng tôi rất thân nhau. Vậy mà lúc lên đến trung học, chị cũng không cho phép tôi thường xuyên gần gũi với họ, như gặp nhau buổi tối, hoặc chở nhau đi chơi bằng xe đạp... Hồi đó tôi cũng không hiểu tại sao, nhưng sau này biết được nhiều chuyện, tôi mới thấy là tuy có hơi quá khắt khe, nhưng chị Cúc vẫn có lý. Đó cũng là một tính cách của chị.

Về chuyện tình của Hàn Mặc Tử, tuy không có gì xảy ra với chị, vì đó chỉ là một mối tình đơn phương, nhưng sau khi biết chuyện và nhất là sau khi Hàn Mặc Tử qua đời, báo chí nói về chuyện tình này với nhiều điều không chính xác, chị cũng viết một lá thư giải thích mọi chuyện với anh Cả của chúng tôi, mặc dù anh Cả không bao giờ hồi đến. Dù chỉ sau khi Hàn Mặc Tử qua đời chị mới biết rõ mối tình si này, nhưng chị cũng rất

xúc động và đã ghi nhận câu chuyện này như một kỷ niệm đẹp trong cuộc đời độc thân của chị.

Sau năm 1975, một số các anh huynh trưởng trong Gia đình Phật tử từng làm việc trong quân đội chế độ cũ đều phải đi học tập và phân tán nhiều nơi khắp nước. Chị Cúc dù lớn tuổi, cũng không quản nhọc nhằn gian khổ, đã đi đến hầu hết các trại học tập trên ba miền đất nước để thăm nuôi và chăm sóc tinh thần cho các anh ấy. Một số huynh trưởng sau khi được về với gia đình gặp rất nhiều khó khăn về kinh tế vào thời bao cấp đó, chị Cúc đã kêu gọi Phật tử khắp nơi giúp đỡ các anh có điều kiện sinh sống. Những người ở xa xôi có phương tiện vật chất đều tin tưởng vào một mình chị để thỉnh thoảng gửi quà về cho các anh, nhờ vậy mà đời sống vật chất các anh ấy được khá hơn.

Năm 1988, anh Lữ Hồ, một huynh trưởng của gia đình Phật tử Gia Thiện qua đời. Lúc từ nhà đám ở chùa Xá Lợi về, chị gặp tai nạn xe, bị thương ở đầu phải vào bệnh viện cấp cứu, rồi sau đó chị được đưa về Huế. Gần một năm sau thì chị qua đời do vết thương ở đầu bị nhiễm trùng. Đám tang của chị Cúc có thể nói là lớn nhất ở Huế hồi đó, vì Phật tử khắp nơi đều về tiễn đưa chị. Giá như không bị tai nạn, có lẽ chị còn sống rất thọ. Nhưng điều đó cũng không quan trọng bằng việc sau khi chị mất, một số huynh trưởng đi cải tạo về, đã lớn tuổi, già yếu, lại mang bệnh tật, lâu nay sống bằng sự giúp đỡ quan tâm của chị nay bỗng bị hụt hẫng. Không những chị quan tâm các anh đã đành, mà những người gửi tiền về giúp các anh, họ cũng chỉ biết qua chị Cúc. Khi chị mất, các mối liên hệ mất theo, không còn ai gửi tiền về nữa và họ cũng không biết là có những người sống nhờ vào lòng yêu thương và sự giúp đỡ của họ. Chị Cúc có lẽ cũng không nghĩ đến điều đó. Mong sao khi nhắm mắt, chị cũng không hay biết điều này, và ở một nơi nào đó bên kia thế giới, chị không còn âu lo thắc mắc đến đời sống những người em tinh thần của chị nữa. ■



Màu hoa thương nhớ

LÊ XUYỀN

Cứ mỗi độ màu nắng tháng Ba giao hòa, trong những sắc hoa hoang hoải, tim tôi bỗng rộn ràng nhớ về những chùm hoa đỏ rực, những bông hoa với cánh hoa xòe khum khum như chiếc chén đỏ lòng đỏ dạ, người ta vẫn gọi nó với cái tên mộc mạc, dân dã: hoa gạo!

Hoa gạo là tín hiệu của thời khắc giao mùa. Loài hoa ấy vốn dĩ chẳng ngọt nà, đài các; loài hoa mang trên mình vẻ đẹp giản dị, đời thường nhưng lại có sức hút đến kì lạ. Loài hoa của vùng thôn dã đã bao đời đi vào tâm thức người Việt. Loài hoa gắn với những kỉ niệm miên man chẳng thể nào quên với tuổi thơ, tuổi học trò, với cuộc sống của người dân quê.

Ba tôi là bộ đội, công tác xa nhà. Những ngày thơ ấu, tôi vẫn được mẹ dẫn ra gốc cây gạo đầu làng đứng đón ba. Đôi mắt tuổi thơ tôi há hức mỗi khi mẹ bảo chiều nay ba sẽ về phép thăm nhà. Tôi sẽ được ba mua quà, được ba ôm vào lòng cưng nựng, được ba chở trên chiếc xe đạp vòng quanh làng, được ba kể cho nghe những câu chuyện ly kỳ thay vì ba vẫn thường kể cho tôi nghe trong những lá thư gửi về.

Nhưng có những chiều, cũng dưới gốc cây gạo, mẹ không nói gì, chỉ đứng lặng nhìn xa xăm ra phía con đường xa ngái, đôi mắt mẹ thoáng buồn. Khi đó, tôi biết mẹ đang rất nhớ mong ba về. Bóng cây gạo đầu làng cứ xanh mướt rồi đỏ rực như chiếc dù hoa tuyệt đẹp. Mùa nổi mùa, mẹ tôi vẫn tảo tần thay ba gồng gánh, giữ lửa



cho gia đình và nuôi tôi khôn lớn. Chẳng khi nào thấy mẹ buông một tiếng trách than, phiền não.

Mẹ tôi bảo, từ rất lâu, cây gạo đã trở thành người bạn thân của cả làng tôi. Từ thời cổ, thời bà, thời mẹ và giờ đến tôi nữa, nó vẫn sừng sững hiên ngang như ngọn đèn chiếu sáng, như một vị thần hộ mệnh đem đến cho làng tôi cuộc sống yên vui, hạnh phúc. Chẳng ai đoán biết được cây gạo đầu làng đã bao nhiêu tuổi, chỉ biết vỏ cây đã xù xì, thân cây to tròn, thẳng đuột như cột đình làng. Nếu mùa hè, cây xòe những cánh tay khổng lồ xanh ngắt che mát cho mọi người thì mùa thu, cây càng khiến bầu trời và vầng trăng quê thêm đẹp hơn. Mùa đông, cây bắt đầu trút bỏ chiếc áo cũ kĩ, đợi khi sang xuân, tiết trời ấm áp, cây bắt đầu thấp lửa bằng những nhúm hoa đỏ cháy.

Thuở chân trần, quần đùi, áo cộc; thuở chân trâu cắt cỏ đồng làng, hầu như ngày nào tôi cũng đi ngang qua gốc cây gạo ít nhất một lần. Chẳng phải để hóng mát như các bà, các mẹ ngồi dưới gốc cây sau mỗi buổi làm đồng, cùng nhau bàn chuyện mùa màng, lúa thóc... Chúng tôi, những đứa trẻ ngô nghê thời ấy bị hút hồn bởi màu đỏ của hoa. Màu đỏ sáng ngợp cả một góc trời quê. Và tôi thích cái cảm giác đứng tần ngần, đắm chiều không chớp mắt nhìn vào những chùm hoa trông như

những đốm lửa đang cháy ấy mà tưởng tượng ra bao điều kì thú.

Mùa cây gạo trở hoa, hoa rụng xuống thành tấm thảm nhung đỏ thắm cả đường làng. Bọn trẻ chúng tôi đứa nào cũng trốn giấc ngủ trưa, rủ nhau về dưới gốc cây nhặt từng cánh hoa chơi trò con nít. Nào chơi đồ hàng, nào xếp hình trên nền đất, nào kết chuỗi vòng hoa đội lên đầu giả đóng vai chú rể cô dâu; rồi ngấm nghía, rồi tự mình trang điểm cho chính mình cũng bằng những cánh hoa dịu dàng ấy, cùng cười ngật nghèo dưới nắng tháng Ba mơ màng, tinh khôi, dịu ngọt. Tôi nhớ cả những lần roi mẹ đánh, nhớ cái im lặng của mẹ mỗi khi tôi về muộn bữa cơm trưa, cơm chiều vì ham chơi bên gốc gạo đầu làng...

Những ngày đi học về ngang qua cổng làng, tôi vẫn thường nhặt ít bông hoa gạo đem về nhà. Mẹ tò mò, tôi cười tí toét: Con đặt những cánh hoa bên cạnh cửa sổ để trang trí cho ngôi nhà của mình thêm đẹp hơn đó mẹ! Thế là mẹ lại xoa đầu tôi, nở nụ cười hiền lành, làm trái tim tôi trở nên ấm áp hơn.

Tôi từng khoe với chúng bạn, rằng mẹ tôi biết rất nhiều điều liên quan đến cây gạo. Nào chuyện từ thời xa lắc cổ kể cho ngoại, ngoại kể lại cho mẹ, giờ mẹ lại kể cho chúng tôi nghe.

Rồi thì mẹ bảo cây gạo gắn bó mật thiết với nhà nông, với cuộc sống thôn quê:

*"Bao giờ đơm đóm bay ra
Hoa gạo rụng xuống thì tra hạt vùng";*

*"Bao giờ cho đến tháng Ba
Hoa gạo rụng xuống bà già cắt chân",...*

Và mẹ còn biết cả câu chuyện huyền thoại về đôi nam nữ yêu nhau nữa. Chúng tôi cứ thế há hốc miệng khi nghe, vừa tò mò lại vừa thích thú. Nhưng khi mẹ kể đến "ma cây gạo", đứa nào cũng giật thót mình ôm chầm lấy đứa kia run bắn người. Có đứa còn hứa từ nay không chơi dưới gốc cây gạo giữa trưa nữa... Vậy mà chỉ vài ba bữa sau, chuyện ma quái lại biến tan, dưới gốc cây gạo giữa làng quê yên ả, chúng tôi lại cười rả rích.

Lớn lên, tôi đi học xa nhà, ba đã chuyển được công tác về gần, mẹ mở quán nước ngay dưới gốc cây gạo đầu làng để bán. Hôm bữa, mẹ gọi điện hỏi thăm tôi rồi mẹ tâm sự: *"Giờ đang mùa hoa gạo đỏ con. Cây gạo đầu làng mình vẫn sừng sững, hiên ngang, hoa nở rồi rụng đầy gốc, vậy mà chẳng thấy đứa trẻ nào nhặt chơi như tụi con thuở trước..."*

Tôi nghe mà bùi ngùi. Trong trái tim của một người con xa quê, mỗi khi tháng Ba tới, tôi lại nhớ đến cây gạo cổ thụ đầu làng. Nơi ấy mỗi ngày, mẹ vẫn đang ngồi bán nước, ngấm hoa nở và chờ tôi về. ■



Chơi bài chòi ngày Tết ở làng Thanh Thủy Chánh

NGUYỄN VĂN TOÀN

Vào một dịp Tết cách đây vài năm, tôi cùng với bạn bè du xuân với đích đến là cầu ngói Thanh Toàn, làng Thanh Thủy Chánh, xã Thủy Thanh, huyện Hương Thủy, Thừa Thiên - Huế. Nơi này đang có hội bài chòi.

Từ cầu ngói Thanh Toàn, nhìn sang phía bên kia con hói Thanh Thủy là một ngôi chợ quê. Đó chính là chợ của làng Thanh Thủy Chánh. Mồng hai Tết tuy còn thưa vắng các gian hàng nhưng vẫn có một vài người bán đồ vật để phục vụ nhu cầu của người dân và du khách, chủ yếu là hàng nước và hàng đồ chơi.

Tuy nhiên, trong những ngày Tết, ngôi chợ này ngày càng đông vui, nhộn nhịp hơn. Mọi người, bất kể là ai, từ các cụ già, thanh niên, trẻ em trong làng, những làng lân cận và kể cả du khách phương xa đều tập trung bên cạnh những cái chòi tranh nhỏ nhắn. Họ đến đây không phải để mua bán, trao đổi sản vật mà là để chơi bài chòi.

Gọi là bài chòi bởi người chơi ngồi trong các chòi bằng cỏ tranh và tre. Mỗi hội bài chòi gồm có 11 chòi, 5 chòi đặt hai bên, 1 chòi trung tâm ở giữa (ưu tiên dành cho các vị chức sắc địa phương chơi), còn phía trên là bàn điều khiển.

Muốn đánh bài chòi thì người chơi phải báo cho ban tổ chức biết để sắp xếp, còn người đến xem thì không cần xin phép mà cứ tự tiện đứng xem và cổ vũ. Nhưng người đánh bài có thể rủ bạn bè, người yêu, thân nhân lên ngồi trong chòi của mình.

Nhắc đến bài chòi không thể không nhắc đến người hô thai, hay còn gọi là Ban Hiệu (thường là 1 nam 1 nữ). Bắt đầu cuộc chơi, người hô thai bưng khay đến từng chòi thu tiền và phát bài. Mỗi người chơi được phát 5 quân bài. Phát bài xong, người hô thai đến trước rạp vái chào ban tổ chức rồi hô lớn: "Phát bài đã đủ, cho Hiệu tính tiền".

Người điều khiển cho cuộc chơi đáp lại bằng ba tiếng trống chầu. Hiệu cúi đầu: "Dạ!".

Sau đó, vào cuộc chơi, người hô thai xóc ống bài, rút ra một con trong 27 con bài và xướng tên con bài lên. Để gây thêm sự hồi hộp và bắt người chơi phải suy đoán, người hô thai hô lên một câu thai hoặc một câu ca dao có tên con bài. Các câu hát thường có nội dung ca ngợi quê hương, đất nước, ca ngợi tình phụ tử, tình phu thê... Chòi nào trúng tên con bài thì gõ mõ ba tiếng "cốc, cốc, cốc" để người hô thai mang con bài đến. Nếu là chòi trung tâm trúng thì đánh ba tiếng trống "tum tum tum!". Tuy nhiên,

điều thú vị là việc suy đoán con bài đúng không phải dễ dàng. Đôi khi người chơi tưởng là đúng nhưng thực tế lại sai vì người hô thai đã thay đổi câu rao một cách linh hoạt. Do đó, người hô thai là cội nguồn của sự hấp dẫn của nghệ thuật bài chòi.

Ban đầu trong ống có 27 thẻ bài nhưng bớt dần theo mỗi lần rút thẻ cho đến khi có một chòi nào trúng được ba lần, tức là bài đã tới thì mới chấm dứt ván bài. Lúc đó chòi nhỏ nếu thắng sẽ được xỏ một hồi mõ dài còn chòi trung ương thắng thì báo một hồi trống. Khi đó, người hô thai cầm lá cờ nhỏ, bưng khay rượu tới trao phần thưởng cho người trúng. Lá cờ đuôi nheo bằng giấy cũng được cắm lên chòi để đánh dấu một lần thắng.

Kết thúc một lượt chơi, ban tổ chức sắp xếp lại các con bài để sử dụng cho lần chơi mới. Cuộc chơi cứ thế tiếp tục cho đến khi vắng khách. Ban tổ chức, những người rao, phát bài, thu - chung tiền và cầm cờ phần lớn là những bậc cao niên, trưởng lão của làng.

Một bậc cao niên cho tôi biết: "Hội bài chòi làng Thanh Thủy Chánh đã diễn ra đều đặn từ hàng trăm năm nay, thường là vào 10 ngày Tết âm lịch. Mỗi hội bài chòi được chia thành chín cờ, mỗi cờ là một ván, khi kết thúc cờ được cắm cho một chòi thắng trong ván đó. Nét độc đáo nhất của hội bài chòi chính là những câu rao để đánh đố người chơi về các con bài.

Chẳng hạn, "Ra đi mạ có dận rồi; khi mô em khóc thì đưa qua bác bồng (bồng)!" - con Bồng; "Không ăn trâu, cũng chẳng đánh son; rứa mà cái chi cứ đỏ lỏi lỏi..." - con Mỏ...

Như vậy, qua cảm nhận của riêng tôi, điểm thú vị của hội bài chòi chợ quê cạnh cầu ngói Thanh Toàn là người chơi không phải đến để ăn thua vì số tiền cược rất nhỏ. Điều vui thứ nhất là các các em nhỏ được biết đến một thú chơi giải trí lành mạnh và thuần Việt. Điều vui thứ hai là các cụ già, kể cả người chơi lẫn người tổ chức trò chơi được sống lại thời đại mình với những câu rao đậm chất làng quê Việt Nam ngày xưa. Điều vui thứ ba là các bạn trẻ yêu nhau có thể ngồi chung một chòi để cùng giúp nhau giải mã các câu rao của người hô thai (nghĩa là người rao) khiến tình cảm càng được vun đắp, mặn nồng thêm.

Một tin mừng là vào ngày 7/12/2017, Nghệ thuật Bài chòi Trung Bộ của Việt Nam đã được công nhận là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại. ■

* Ảnh của tác giả.



Nguồn: dulichhue.com.vn

Con sông quê hương

VÕ VĂN LÂN

Con sông chảy qua làng tôi có tên Bạch Yến, cái tên nghe thơ mộng làm sao! Tại sao gọi Bạch Yến? Tôi muốn tượng hay là một đàn én trắng chợp chờn bay dọc dòng sông? Người dân quê không ai biết mà cũng chẳng ai quan tâm tìm hiểu làm gì! Có điều chắc có thể không mấy người biết nó nguyên là sông Tu Ca* bắt nguồn từ dãy Trường Sơn chảy qua đồng Chằm, hợp với nước Năm Khe chảy xuống gặp sông Hương Hồ tại ngã ba Lựu Bảo; thêm một đoạn nữa thì sông cạn khô nên gọi là sông Cù. Đời Gia Long cho khơi dòng để nối liền với sông Hữu Hộ Thành, sông Tu Ca được vua đổi thành sông Bạch Yến và khúc sông Cù được khai thông nên gọi sông Thông và chợ Cù bên sông được đổi tên là chợ Thông cho hợp... cũng vì lẽ đó.

Sông Bạch Yến len lỏi giữa vườn tược, nương khoai đám bắp... soi bóng rặng tre xanh. Và sông thì có bến. Đoạn sông chảy qua làng chưa tới ba bốn trăm mét mà có đến chục cái bến. Bến là ranh giới giữa hai xóm, là nơi sinh hoạt công cộng làng quê. Bến rộn rịp từ mờ sáng cho tới tối mịt, người lên kẻ xuống tắm rửa, giặt giũ, gánh nước. Làng bên sông nên sáng sủa ánh trăng những đôi thùng gánh nước của mấy chị mấy o. Văng vẳng tiếng chày giã gạo và giọng hò lơ lửng đáp. Bến là nơi hẹn hò trai gái rồi nên vợ thành chồng... Nên bến cũng ngậm ngùi bao mối tình chia tay để

thương để nhớ cho ai! Cho anh chàng nhạc sĩ nào đó đã mê hoặc bởi những ca từ tài hoa níu kéo mối tình đầu đời chia biệt:

Dòng sông nào đưa người tình đi biệt...

Bến đò ngang làng Hạ nơi giao thoa con người đủ mọi thành phần đối tượng. Đi từ Kim Long vào bến đò thì bên trái là nhà cụ Ân, ngôi nhà theo lối kiến trúc Pháp, giữa khu vườn rộng trồng nhiều cây ăn trái quý hiếm xoài, ổi xá lị, dứa, sa-bô-chi-ê. Rồi bến Làng, bến nhà thờ họ Lê, bến nhà thờ họ Võ... Bên phải bến đò trước là lùm cây đã bị lính Bảo an phá để xây pháo đài... Bên nì sông từ bến đò trở xuống là Kim Long hậu thôn. Khúc trên sông bồi thành biển trồng bắp, rau, màu xanh ngát. Xuống dần thì sông lở phải trồng bụi tre giữ đất. Có bến Hậu thôn với gốc sung phủ bóng che mát dòng sông. Trờ lên là biển trồng bắp, thuốc lá, rau, đậu... rồi đến bến nhà thờ họ Phạm, ngay con đường ra đồng chỉ trâu mẹp.

Rồi bến Chùa, bến Đá, bến Miếu... Bến Chùa, sáng sáng tôi ra rửa ráy đón mặt trời lên, chiều về ra bến tắm giặt ngấm mặt trời lặn sau dãy núi xa. Lung linh ánh nước soi dáng gầy gò tôi, ngày ngày lên xuống bến rửa ráy, giặt giũ, vo gạo, rửa mớ rau hay bó chè tươi nấu nước... Quanh năm bất luận nắng mưa mạ chỉ chiếc yếm trắng cổ tròn, hai sợi dây cột choàng sau ót. Vạt yếm là cái bọc to tướng che phủ hết phần trên chiếc



Nguồn: hodatour.com

quần đen, ống xắn cao quá gối.

Bên tê sông lở nên gọi bợt lở, con đường ven sông mà tôi ngày ngày đến lớp ở đình làng Vạn Xuân. Tới cái bến nước trong veo tôi nhảy ùm xuống tắm lấy cát đánh răng trắng bóc nên bữa nào khảm răng cũng được thầy cho điểm 10. Rồi quanh co theo đường mòn nhiều gò mả bụi bờ đủ thứ mâm xôi, ổi, chùm ruột... ăn chát chát chua chua để mà quên đi con đường vắng vẻ một mình đến trường. Nơi đây ắp kỉ niệm thời đi học có nhà vợ chồng dưỡng Hi o Mót lúc nào cũng vui vẻ tiếp đón, thăm hỏi ân cần, và bữa thì trái bắp nướng, bữa củ khoai củ sắn luộc...

Cũng từ cái bến sông mà trẻ con trong làng tôi vừa biết đi đã biết bơi. Nghe ai đó bày muốn mau biết bơi thì bắt chuồn chuồn kim cắn vào lỗ rún, đứa nòn bắt luôn hai con cắn đau điếng mà bơi cứ chìm ngìm... Rứa mà bọn trẻ làng tôi đều là những tay vô địch bơi lội! Đá banh, đánh cẳn, tắm sông là những thú vui đối với bọn trẻ nhà quê say mê đến cả bỏ học, quên việc nhà phải ăn đòn. Bất kể nắng mưa sáng trưa chiều chơi bừa là nhảy ùm xuống nước... bơi lội lặn ngụp đã đời. Thách nhau bơi qua bơi lại bên tê sông đào sắn, nhổ khoai, bẻ trộm bắp đem về nướng ăn! Dưới bờ tre ven sông ốc bươu, ốc hút, hến bọp bọp đủ loại đủ cỡ "bắt loạn" không làm chi cho hết. Ốc xúc lên để y vô chao qua chao lại cho sạch bùn rồi đổ vô nồi cho tí muối thêm nắm lá sả, lá chanh bắc lên bếp một chập chừng nửa tiếng là có món hải sản thơm phức mà mới nghe đã thèm rỏ nước miếng! Lấy cây kim băng hay cây gai bồ kết thò vô đít mà ngoáy lòi ra chút ruột xoắn đen đen... nếu không có ghim thì gõ đít ốc rồi hút. Rứa mà trai gái nhỏ lớn mê tí đến bỏ cả chống la con khóc!

Sáng chiều nào tôi cũng hai dạo với chiếc gàu mo

cau tát nước sông lên tưới vạt rau muống xanh tốt, dây mướp ngọt sây trái. Ven sông có người bỏ cành cây hay gai nẻ xuống sông làm bồi nhử cá vô ở. Sau một tuần mươi ngày vây lưới lại rồi vớt bồi lên bắt cá bắt tôm. Có nơi dựng đĩa sập bắt cá. Trưa hè nóng bức tôi chui vô đĩa ngổ hóng mát rình cá. Gió sông se se thổi mát rượi. Nước trong veo con cá dưng, cá diếc, cá thát lát quẫy đuôi, con cá tràu lơ đờ, con cá gáy dẫn đàn con... thấy chỗ mát từ từ chui vô. Tôi hồi hộp giựt mạnh sợi dây nối với tấm ván chắn cửa đĩa. Cửa đĩa sập... tôi hí hửng lấy vọt xúc cá; Nhưng xúc mãi chẳng thấy cá. Té ra con rái cá mà nghe nói gặp rái cá rui. Không biết thực hư ra sao nên cũng sợ, tôi vội chạy tuốt một mạch vô nhà kêu người ra giờ sập lên cho nó ra!

Sông Bạch Yến có tiếng nhiều tôm cá nên đoạn từ chợ Thông đến bến đò Ba bến chừng ba bốn cây số mà có mấy giàn vó dựng trên bờ, mấy giàn lưới đặt trên nốt di động trên sông. Sáng sớm mặt trời mọc lưới từ từ cất lên những con cá mắc vào lưới nhảy tưng tưng lấp lánh như dát bạc. Và nhiều ghe câu be tí teo thoăn thoắt xuôi ngược thả câu bắt cá, bủa tôm, chở rau quả đi chợ! Chú Biên anh Nghe chú Ngự... gần bó với dòng sông quanh năm mưa nắng cũng chỉ manh áo bà ba sờn vai và chiếc quần đùi bạc mầu... Đồi tay hai mái dầm lên xuống hai bên mạn ghe. Tiếng gõ chài lanh canh cùng với tiếng ve râm rân vào hạ. Những hình ảnh, âm thanh đặc trưng một vùng quê còn đọng mãi trong kí ức tôi!

Con sông thuở nhỏ thấy rộng mênh mông, đứng bên ni sông ngó qua bên tê xa tít mù. Và trông có vẻ hiền hòa với dòng nước lừ đừ như chẳng buồn trôi nhưng mùa mưa tới dòng sông rộng mênh mông không thấy bờ thấy bến. Nước đục ngầu cuộn cuộn

chảy xiết kéo theo rác rưởi, bèo, cây mục... Sông nước trở nên gập ghềnh việc làm ăn buôn bán, gây trở ngại việc đi lại. Ngay cả trong mùa nắng ráo trời yên sóng lặng mà đâu đó có người bị chết trôi! Nhiều người cho là bị ma rà ở đâu dưới âm ty, hà bá chỉ đó kéo người chết để thế mạng? Thật hư ra sao không ai biết chỉ thấy người chết trôi được vớt lên bụng phình to, mặt mày tái nhợt thấy mà rùng rợn. Bọn trẻ cũng sợ nhưng chỉ vài ba bữa rồi đầu lại vào đấy! Chúng nhảy ùm xuống sông bơi lội ngụp lặn đã đời... dù ma rà hay có bị la rầy đòn roi của người lớn cũng “mược kệ”. Sông nước có sức lôi cuốn...

Vừa chớm vào thu tiết trời đang yên ắng bỗng gió chướng về... Có người ra bờ sông ngó trời rồi nhìn lên thượng nguồn... lắc đầu thở dài. Mọi người tất tả lo chèn chống nhà cửa, cắt vôi đám lúa còn xanh, mẩy vồng khoai bụi sẵn còn non cũng nhỏ kéo thúai củ. Chưa kịp trở tay thì mưa đã tuôn xối xả, nước nguồn ào ào đổ về. Dòng sông mênh mông không thấy đâu bến bờ. Nước sông chảy xiết cuốn phăng đám bèo lục bình lau lách cây củi rừng về kéo băng băng ra biển. Nước mấp mé lên bờ, phủ mặt đường, chảy re re vô vườn; không mấy chốc nước ngập sân rồi tràn vô nhà. Nhiều người đổ ra bờ sông... kẻ dùng cu (câu) liềm người lấy rựa vớt củi rêu, người cắt vó đặt lừ. Lũ học trò sung sướng được nghỉ học tha hồ lội nước lụt, thả thuyền giấy bồng bênh trên sân ngập nước. Đứa mô đứa nấy mê mải chạy theo chiếc tàu thủy bằng vỏ chiếc hộp cá đựng cánh bướm giấy và cục xà bông đặt phía sau tan bọt đầy tàu chạy lòng vòng.

Lũ lụt gây hư hại nhà cửa mất mát hoa mầu và chết chóc khổ đau cho nhiều người, nhưng cũng có mặt tích cực của nó, năm nào không lụt đất đai thiếu phù sa bồi bổ nên mùa màng thất bát, mặt đất, cây cối khô cằn vì không được gội rửa!

Con sông Bạch Yến con đường vận chuyển nông sản: gạo thóc, đậu mè, trái cây, rau trái... từ quê về phố rồi hàng hóa vãi vóc, quần áo, giày dép, thuốc men, giấy vở... từ phố về quê đem lại cuộc sống ấm no bao người. Nước sông tưới mát cho nương vườn đâm hoa kết trái, ruộng đồng lúa thêm bông trĩu trái. Nhà tôi buôn bán tranh tre và có rạp tranh dựng ở bến đò. Ba tôi cùng mấy chú thợ tre chèo đò dọc sông Bạch Yến lên miệt Châm mua tre nứa, tranh kết thành bè rồi theo con nước khi lên khi xuống chèo chống, có khi lội xuống đẩy bè vượt khúc sông cạn. Bè về đến nơi như ca khúc khải hoàn vì trên nót bao giờ cũng có thơm mít, bắp... đặc sản vùng trung du. Nhà cửa hầu hết bằng tranh tre; nhà xây gạch lợp ngói cũng có nhưng không nhiều vài ba ngôi. Và thời đó làm gì có tôn nên tranh tre là vật liệu chính để làm nhà. Cỏ tranh được đánh thành tấm lợp chất lại trong rạp, rồi đò dọc theo sông Bạch Yến chở đi bán khắp nơi Kế Vạn, An Hoà, Bao Vinh, chợ Đông Ba, rồi xuôi về Sinh...

Đến năm 1960 chiếc cầu bê-tông bắc qua sông thay con đò ngang mở ra bước ngoặt đổi đời người dân quê. Một đập nước xẽ trước nhà thờ họ Dương chắn ngang đường lên chợ Thông; ba cỗ máy to đứng với ba bình than đỏ rực đặt bên đường. Máy nổ ầm ầm, nước ào ào tuôn lai láng đập theo mương chảy ra đồng ruộng! Ai nấy reo mừng phấn khởi. Bọn trẻ bơi lội thỏa thích mà không còn sợ ma rà; người lớn thoải mái tắm rửa giặt giũ xách nước. Tiếng máy đến ba bộ nhưng thường chỉ một hay hai bộ chạy còn lại đang tu sửa. Do đó mới có câu về “Đơ-la, Xít-mát, Rờ-nôn. Máy thời ba bộ ruộng khô hoai hoai!” mà bác Tuế nói “đĩa” cái tối tân mấy móc thời đó! Dù sao “dẫn thủy nhập điền” góp phần làm thay đổi bộ mặt làng quê, người dân quê bớt vất vả cực nhọc.

Trận lụt Quý Tỵ năm 1953 để lại ấn tượng khó phai mờ trong tâm trí người dân Huế. Suốt mấy ngày đêm mọi người sống trong phập phồng lo sợ. Trên biển nước mênh mông không bờ bến lâu lâu nhô lên mấy ngọn cây, trên nóc nhà nhiều cánh tay gơ kêu cứu. Nhưng vô vọng! Ai cứu? Thấy xót xa nhưng đành chịu bởi lo mình chưa xong thì cứu ai được! Rồi tất cả trôi theo dòng nước về đâu? Mưa gió rả rích suốt hai ngày đêm, nước dâng cao mãi cho đến sáng ngày thứ ba nước rút dần để lại cảnh tiêu điều. Nhà cửa cây cối đổ nát, súc vật trâu bò chết linh linh tấp vào bờ bụi. Nhiều người bị cuốn theo dòng nước. Có nhà không ai sống sót để chôn cất người chết đi tìm người mất tích! Con sông Bạch Yến ngậm ngùi chít khăn tang: Làng Bàng Lãng một ngôi làng ở thượng nguồn sông Hương bị xóa sổ.

Thời buổi văn minh đời sống vật chất được nâng lên nhưng cũng mất đi nhiều thú! Những mái tranh nghèo đã được thay bằng những mái ngói đỏ rực; con đường đất trơn trượt được trải nhựa hay bê-tông thẳng tưng xe cộ chạy bon bon thuận tiện. Nhưng dòng sông vắng bóng đò ghe, mặt nước bèo phủ kín, hai bên bờ lau lách um tùm. Bến sông điêu hiu không ai tắm giặt...?

Ngày xuân bên tách trà nóng, một mình ngồi ngắm những cánh mai vàng khai hoa nở nhụy. Bỗng đâu đó tiếng hát Thái Thanh vang lại:

“Quê hương tôi có con sông đào xinh xắn

Nước tuôn trên đồng ruộng vẫn.

Lúa thơm cho đủ hai mùa.

Dân trong làng trời khuya vẫn tiếng lúa đê mê...”

(Tình hoài hương - Phạm Duy)

Ồi, nhớ nao lòng con sông Bạch Yến quê hương. ■

Chú thích:

(*) Là một nhánh của sông Hương xuất phát từ Thạch Đà chảy qua Nham Biều, Lưu Bảo, Trúc Lâm qua An Ninh Thượng, Hạ rồi hợp lưu với sông Kê Vạn ở Ba Bến, nhập vào sông Hương ở cầu Bạch Hổ, nhánh kia xuôi về An Hòa, Bao Vinh trước khi đổ vào cửa biển Thuận An.

Chớm nụ tầm xuân

TRƯỜNG KHÁNH

Lung linh xuân đến muộn,
Tầm xuân nụ biếc thơm,
Gió xuân ru cánh mỏng,
Tình xuân không thiệt hơn.

Nụ xuân mơn mơn khoe,
Bướm xuân bay lập lòe,
Mừng tầm xuân trở lộc,
Nắng xuân rộn đường quê.

Lối xuân về cỏ biếc,
Tha thướt dáng yêu thương,
Vân vương tình xuân mới
Rải tình đến muôn phương.

Hương xuân ngào ngạt tỏa,
Sôi đá cũng chuyển mình,
Chồi non càng tươi mướt,
Nở nụ cười xinh xinh.

Hoa xuân lung linh nở,
Nghiêng cánh hương thơm lừng,
Khách xuân nhìn bờ ngõ,
Nghe tình xuân lắng lang.

Ngập ngừng xuân ghé bến,
Chim chiền chiện chuyển cành,
Hót từng sợi mỏng manh
Nụ tầm xuân thánh thiện.

Ngưỡng mộ

NGUYỄN CÔNG KHANH

Có những vĩ nhân âm thầm, ẩn mặt
Giúp dân tình vượt qua cảnh gieo neo
Những người ấy không màng chi danh tiếng
Lòng hoài mong chia sẻ cảnh đói nghèo
Tôi trân trọng và nghiêng mình ngưỡng mộ
Cuộc sống riêng đã hòa nhịp đập chung
Ôi cao cả, dạt dào, bao la quá!
Chẳng đoái riêng - Tình trạng trái mênh mông...
Gương sáng ấy mãi lưu truyền hậu thế
Động hương thơm mãi lan tỏa miền man
Và hạnh phúc, những gì tốt đẹp nhất
Đời sẽ ban cho những tấm lòng vàng.

Những chiều quê

ĐOÀN VĂN SÁNG

Quê hương những chiều chạng vạng
Hoàng hôn âm ỉ ngùn trời
Chòm mây bạc thâm mắc cạn
Trên màu tóc mẹ cha tôi

Đường về bản làng heo hút
Gió lay nghiêng nửa cánh rừng
Mẹ cha tria mầm hạnh phúc
Đằm chồi theo những vết chân

Đất đai lán mềm sỏi đá
Lúa ngô xanh quăn rẫy vườn
Nghĩa tình ủ rền trong dạ
Nhú mầm lớn chớm yêu thương

Nôn nao chờ nhau đến hẹn
Nhớ câu quan họ tìm về
Đợi gặp người xưa nghiền ngẫm
Rối lòng mất chạm mây quê

Những chiều những chiều như thế
Nắng mưa sương gió luân hồi
Chúng con - hạt mầm cha mẹ
Gieo vào quê kiểng ... sinh sôi!

Bài thơ xuân

TỊNH BÌNH

Vu vơ bướm nhỏ về trong nắng
Bối rối lòng ta một tiếng cười
Tiếng chim ban sớm xanh vòm lá
Gót ngọc em về thuở đôi mươi

Bâng khuâng gió cũ ngang trời lạ
Rạo rực hương xuân thơm đất trời
Tóc mây qua phố mùa biêng biếc
Má thắm môi hồng lúng liếng ơi!

Bài thơ xuân viết đành dang dở
Bỏ ngõ bên trời giọt nắng mai
Em về thăm lại mùa tơ nỡ
Lấp lánh nụ tình trong mắt ai...

Chiều xuân

NGÔ VĂN CƯ

Chiều xuân mưa như không mưa
Lay phay một làn sương nhẹ
Tiếng chim cũng vang rất khẽ
Nghịch cùng ngọn gió vẫn vơ

Chiều xuân ai khuất bóng mờ
Còn rơi làn hương ngày cũ
Ta nhật nọ cười tuổi trẻ
Gặp từng nỗi nhớ khôn nguôi.

Chiều xuân tôi gặp lại tôi
Cánh diều tuổi thơ mê mãi
Nụ cười hồn nhiên vụng dại
Mỗi tình thuở mới tròn trăng.

Chiều xuân lòng bỗng bâng khuâng
Đất trời dịu dàng đến thế
Dấu bao thăng trầm dấu bể
Vẫn yêu hết chặng đời này...

Luyến lưu Châu Phú

NGUYỄN TỪ

Ta xa người bao lâu rồi đấy nhỉ?
Mấy năm trường bao nhiêu sự đổi thay
Đến bao giờ ta mới trở về đây
Để thăm lại chốn thân thương xưa cũ

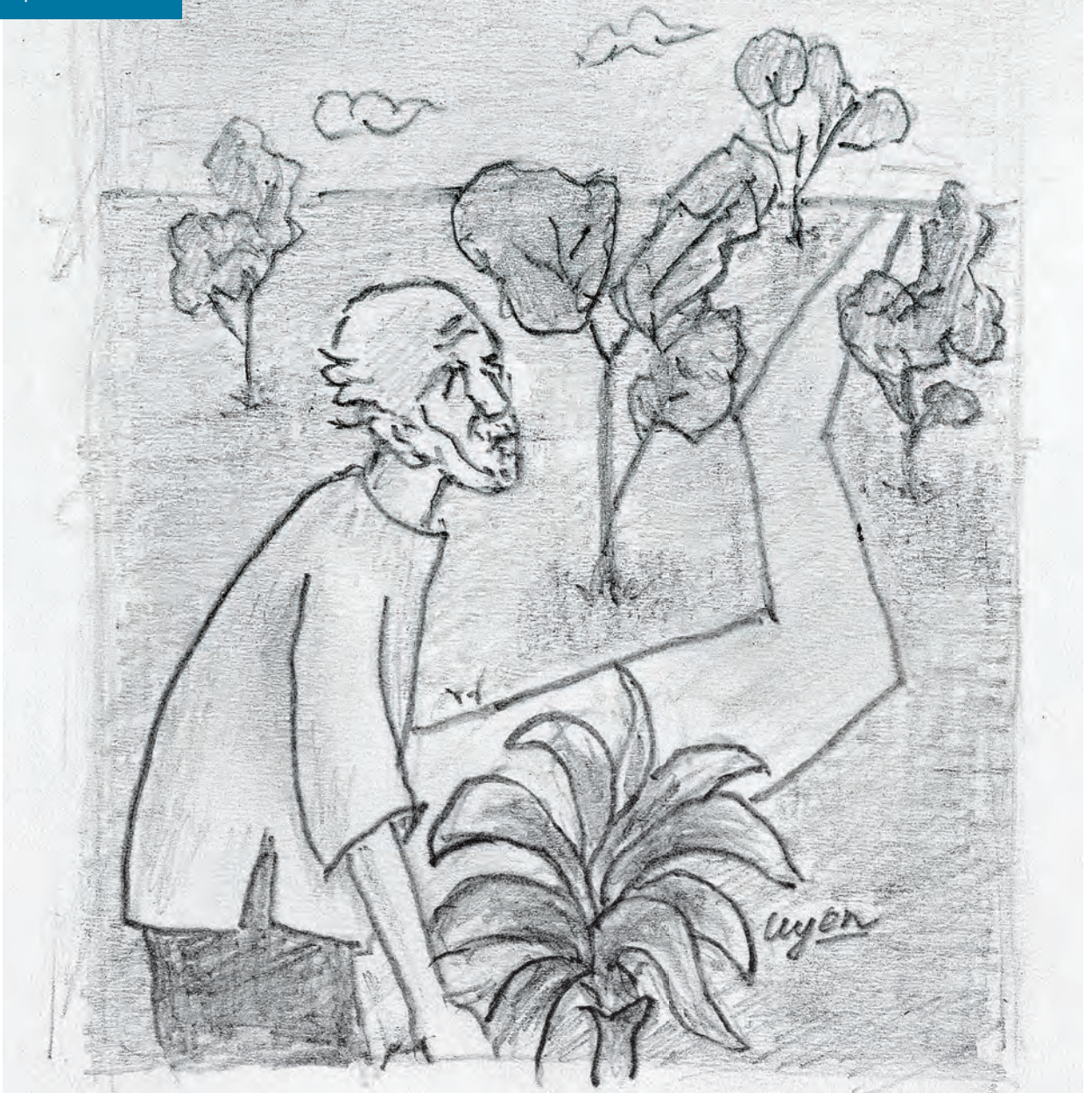
Bảo Hộ Thoại nói liền Thượng Đăng Lễ
Hòa nhịp lòng yêu dấu đến trăm năm
Ta thương lắm đường xưa ơi có biết?
Con đường duyên hoa mộng nở trong tâm

Trường nữ học với bao nhiêu kỷ niệm
Vui, buồn khi bỏ ngõ bước vào đời
Các bạn hồi, và thầy tôi năm cũ
Cô Tám thân yêu... tôi nhớ dạ rã rời!

Tiếng hát học trò vang khi hè đến
Xác phượng đỏ hồng nung nấu con tim
Sân trường cũ cùng tôi bao ngày mộng
Ôi! Bây giờ xa lắm... vắng... im!

Đây Nguyễn Huệ - Phan Văn Vàng xuôi ngược
Gót chân mềm dầm nhẹ dưới sương đêm
Ta thơ thần đêm buồn nghe lạnh lẽo
Ghi lại vài kỷ niệm mọn ấm êm

Những con đường xưa tôi đi rợp nắng
Bướm hoa nhiều, rực rỡ ánh dương mai
Còn không nhỉ bây giờ, hay hoang vắng?
Hay chỉ là con đường tím đổi thay?!



Những mùa vịt trên đồng

HOÀNG KHÁNH DUY

Hồi còn nhỏ, thằng Đức vẫn nghe ông ngoại thường nhiều lần nói một câu mà đến tận bây giờ nó vẫn nhớ; thỉnh thoảng nó tự nhắc rồi tự cười một mình, rằng “Không chịu đi học, mai mốt lớn lên đi chăn vịt nghen con”.

Nhiều lúc nghĩ lại nó nghiệm ra lời ngoại nói là hoàn toàn đúng. Nó chăn vịt thiệt. Nó bôn ba ngày này

tháng khác trên những cánh đồng; khi gần nhà; khi lại lùa vịt sang tận bên kia sông đồng xa tít tắp. Có lúc nó rủ ông ngoại: “Hay mình dọn nhà xuống ghe, đi lênh đênh chăn vịt giống ba cha con trong cái câu chuyện gì con nghe được trên đài quên mất rồi!... À, Cánh đồng bắt tận đó ngoại”.

Ngoại cười khì, gõ đầu nó rồi bảo: “Bây mà biết khi khô gì! Lênh đênh phiêu bạt khổ gần chết chứ sung sướng

nỗi gì. Cực chẳng đã người ta mới sống dưới ghe, mình có đất có nhà, trụ lại vẫn hơn bây ư!”.

Nghe ông ngoại nói vậy, nó nín bật, chốc chốc nó lại thở dài thườn thượt, mắt nhìn ra cánh đồng xa xăm trong màn đêm giăng mắc, bụng nghĩ không biết giờ này bọn vịt ngủ hết chưa?...

Ngoại nó thường hay ngồi một mình ngoài hàng ba nhìn về sông đêm khắc khoải; buồn lòng, ngoại lấy sức hát trọn câu hát *Tình anh bán chiếu* ngoại thuộc nằm lòng: *“Hò ơi... Ghe chiếu Cà Mau đã cắm sào trên vàm kinh Ngã Bảy. Cô gái năm xưa sao chẳng thấy ra... chào...”*.

Giọng ca của ngoại ngọt như mía lùi, khi ngân dài, khi dứt quãng, khi lại trầm khàn như chất chứa nỗi sầu đời. Nó vỗ đùi cái bép, buột miệng: *“Chèn ơi, chắc hồi còn trẻ ngoại ca hay lắm!”*.

Mà đầu riêng gì ngoại, người dân sông nước miền Tây quê nó ai cũng ca cải lương ngọt mật thể thôi. Nó cũng từng nghe cậu Út ca trong lúc chủ ngà ngà say, giọng cậu đặc sệt men rượu, có chỗ quên lời cậu tự bịa ra mà không hề tỏ vẻ lúng túng trước đông đảo hàng xóm láng giềng. Nó khen: *“Cậu Út hát hay thiệt nghen”*.

Ông cậu gật gù khoái chí. Đã lâu lắm nó không được nghe cậu hát, từ một chiều cậu nhậu với đám bạn mình mấy xầm trở ngoài quán rượu đầu xóm về say bí tỉ, biểu ngoại đưa giấy tờ ruộng đất để cậu cầm cố lấy tiền “làm ăn”. Dĩ nhiên ngoại không đồng ý, ngoại tặc lưỡi: *“Mạo hiểm quá! Đất vườn là gia tài, là chỗ dựa của gia đình mình. Lỡ có gì bất trắc bây với thằng Cò khổ cả đời, tao chết không nhắm mắt”*.

Thấy năn nỉ ngoại không được, cậu Út cầm khúc cây bằng ống chân xông vào đập cánh cửa tủ gỗ tìm giấy tờ nhà. Ngoại là làng. Cũng may ngoại biết tính cậu nên đã đem giấu chỗ khác, đến tận bây giờ ngoại cũng không nói là ngoại giấu ở đâu. Không tìm thấy, cậu Út tức điên người, chửi ngoại mấy câu đứt ruột tan gan rồi bỏ nhà đi biệt. Từ ấy cậu không về. Những lúc thấy ngoại ngồi một mình bên bờ ruộng, lưng ngoại còng, tóc ngoại trắng, làn da ngoại sạm màu nắng mưa, thằng Đức hỏi: *“Bộ ngoại nhớ cậu Út hả?”*.

Ngoại gạt phắt: *“Nhớ cái thằng trời đánh đó làm gì?”*.

Nói thì nói vậy chứ nó biết ngoại nhớ, như đêm trước nó giật mình tỉnh dậy nghe ngoại mớ gọi tên cậu Út trong giấc mơ chập chờn. Nó lay mãi ngoại mới tỉnh. Hình như ngoại khóc! Nó thấy ngoại dụi dụi con mắt đỏ hoe trong ánh đèn dầu rồi lúi thủi ra sau bếp đốt lá dừa khô pha trà ngồi nhâm nhi đến sáng.

Gió bắc ngoài sông cái thổi vào lạnh tái tê, mùa vịt đẻ trứng thường đến sau khi vụ lúa đã tàn. Vịt ra đồng chỉ cần rửa lúa mấy buổi là no căng diều. Mùa vịt bắt đầu bằng những quả trứng trắng muốt lẫn trong bùn đất ngầy ngầy dưới cánh đồng, sáng nào nó cũng xách cái thúng bung vành đi nhặt trứng rồi lằm bằm đếm đi đếm lại. Trứng lẫn trong đám cỏ, gốc rạ, trứng nằm dưới vũng nước đồng vịt đẻ rớt lúc bơi đi tìm mồi hay

tắm tấp, nó nhướn con mắt nhìn thật kĩ kéo nhặt sót hay lỡ đập trúng trứng vỡ tan tành mà ngồi tiếc hùi hụi. Ngoại sai nó mang trứng ra chợ bán. Nó trông thêm cái quần dài ngang đầu gối, đội nón tai bèo xách giỏ trứng qua đò đi chợ. Ngoại khum soi tìm những quả trứng “có trống” để lại trong cái ổ rơm nhờ vịt ấp lấy giống cho mùa vịt năm sau.

Nó không biết ngoại bắt đầu nuôi vịt từ lúc nào, hình như từ khi nó quyết định nghỉ học ở nhà với lí do *“trường xa quá, đi học lỡ sau này thất nghiệp cũng đi cạp đất mà ăn. Thôi ngoại cho con nghỉ học đi, bắt con làm gì cũng được hết”*.

Lúc đầu ngoại không chịu, nhưng nghe nó năn nỉ quá ngoại cũng đành chấp nhận. Ngoại bảo: *“Thì thôi, bây muốn nghỉ học thì tao cho nghỉ. Mà nhớ nè, sau này sống khổ tự chịu nghen con. Đời ngoại khổ lắm rồi!”*.

Nó “dạ” cái rụp, tập vở nó mang ra trường cho lại những đứa bạn nghèo rớt mồng tơi giống nó. Từ đó, nó lông bông trên những cánh đồng, hụp lặn trên những dòng sông mò tôm bắt cá. Ngoại sợ nó ở không đảm ra hư hỏng nên quyết định tìm một công việc ổn định cho nó làm. Một chiều ngoại trở về nhà, tay mang theo cái giỏ lò nhô vịt con đưa cho nó: *“Cho bây ... làm ăn nè! Biết đâu sau này khấm khá, nuôi ngoại!”*.

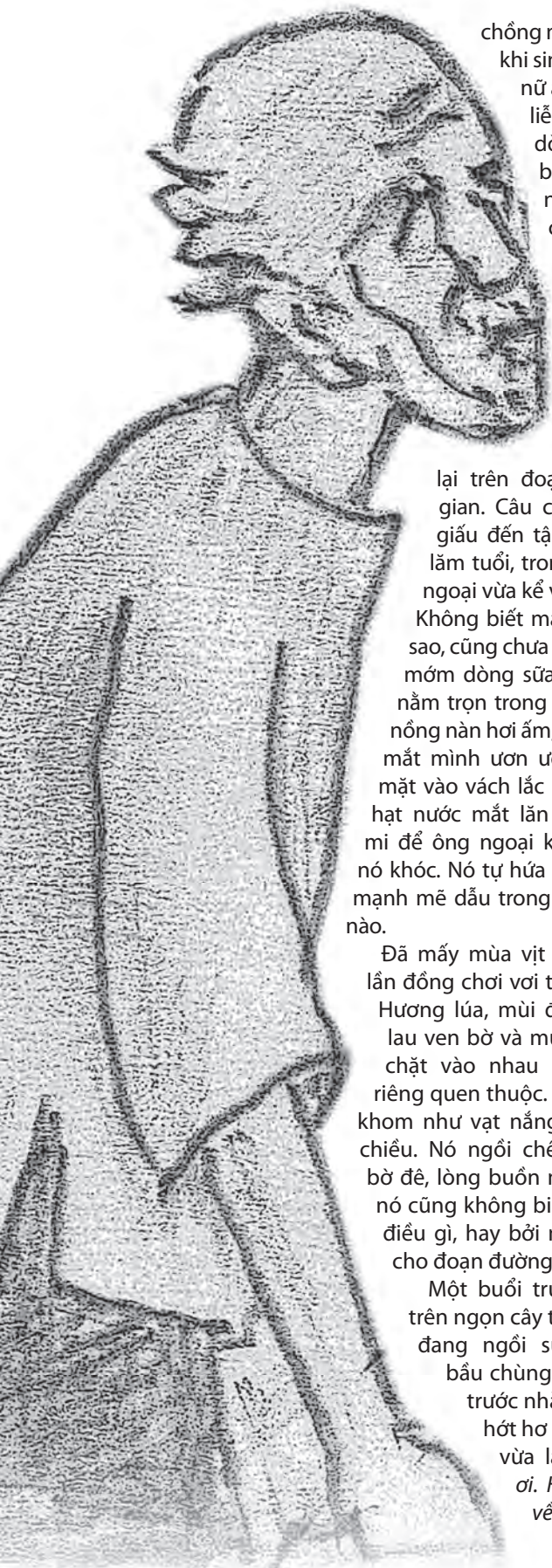
Nó cười hể hể, vui vẻ xách cái giỏ vịt ra bờ ao thả xuống cho rửa bèo tai chuột. Rồi nó đóng chuồng, sớm lùa vịt ra đồng, chiều muợn lại gom vịt vào chuồng cho ngủ, sớm mai lại tiếp tục. Công việc của nó cứ thế mà lặp lại từ ngày này qua ngày khác. Nhiều lúc nó ngồi đếm đốt ngón tay lằm bằm tính, nó giật mình: *“Trời ơi, mới đây mà năm, sáu năm rồi. Nhanh thiệt ngoại heng”*.

Ngoại “ừ” mà mắt ngoại buồn buồn. Không biết ngoại buồn vì thời gian sao trôi đi nhanh khiến mái đầu ngoại bạc hay bởi ngoại lo lắng cho tương lai nó. Ngoại hay than thở: *“Tao nghe người ta nói ‘Muốn giàu nuôi cá, muốn khá nuôi heo, muốn nghèo nuôi vịt’. Tao sợ bây cực, mai mốt tao chết rồi bây ở lại khổ, tao không cam lòng!...”*.

Thấy mắt ngoại đỏ, nó sợ ngoại lại khóc như những lần trước nên ngắt lời: *“Ngoại ơi, ai cũng có cái số cả thôi. Chẳng phải ngoại vẫn thường nói thế hay sao. Lo gì. Tới đâu tính tới đó... Chết chưa, trưa trờ trưa trệt rồi mà con chưa lùa vịt lại, nắng cháy đầu”*.

Nó phóng xuống, chạy ủa ra đồng. Chắc nó sợ ngồi lâu ngoại lại khóc, hay chính nó lại rơi nước mắt như những lúc chăn vịt trên đồng trong đầu thoáng nghĩ đến cái ngày ngoại không còn trên đời này, chắc nó buồn lắm!

Nó là kết quả của cuộc cưỡng đoạt trên cánh đồng ngày ấy. Mẹ nó bị ghì ra giữa một đám cỏ đổ. Do say rượu, do phần khích, do muốn khám phá cái cơ thể ế ấp dưới lớp áoбет bùn kia. Đám cỏ đổ đã đè mẹ nó trên đồng nước bơ vơ, trước mặt ông ngoại. Ông đau đớn, ông bất lực thét gào. Người gái quê năm nào không



chồng mà lại có con, sau khi sinh nó, người phụ nữ ấy chọn cách kết liễu cuộc đời bên dòng sông huyền bí để tránh khỏi những điều tiếng cho gia đình. Ngoại đứt từng đoạn ruột vẫn gắng gượng mà sống để nuôi nấng giọt máu cuối cùng mà con gái ngoại để

lại trên đoạn trường nhân gian. Câu chuyện ấy ngoại giấu đến tận năm nó mười lăm tuổi, trong đêm ngà say, ngoại vừa kể vừa nghẹn ngào. Không biết mặt mũi mẹ nó ra sao, cũng chưa một lần được bú mớm dòng sữa ngọt ngào hay nằm trọn trong vòng tay mẹ để nồng nàn hơi ấm, nó tủi lòng thấy mắt mình ươn ướt. Nó lén quay mặt vào vách lắt nhẹ cái đầu cho hạt nước mắt lăn nhanh khỏi bờ mi để ông ngoại không nhìn thấy nó khóc. Nó tự hứa với lòng sẽ luôn mạnh mẽ dẫu trong bất kì đoạn đời nào.

Đã mấy mùa vịt đi qua, đã mấy lần đồng chơi vơi trong biển nước. Hương lúa, mùi đất bùn, mùi cỏ lau ven bờ và mùi phù sa quện chặt vào nhau làm thành mùi riêng quen thuộc. Bóng ngoại lom khom như vạt nắng dưới áng mây chiều. Nó ngồi chênh vênh ngoài bờ đê, lòng buồn man mác. Chính nó cũng không biết mình buồn vì điều gì, hay bởi nó đang lo lắng cho đoạn đường phía trước?!

Một buổi trưa, gió xập xòe trên ngọn cây trước nhà. Ngoại đang ngồi sửa lại cây đàn bầu chùng dây trên bộ vạt trước nhà, bỗng nghe nó hót hơ hót hải vừa chạy vừa la: “Ngoại, ngoại ơi. Hình như cậu Út về kia. Con thấy

cậu ấy đứng xó rợ ngoài xóm kia kia”.

Ngoại sững sờ, đặt cây đàn bầu sửa còn dang dở xuống mặt vạt, lúi húi chạy ra: “Thiệt không, bây nhìn thấy nó thiệt không, hả?”.

“Dạ thiệt, cậu Út chứ ai xa xôi đâu mà con nhìn gà hóa cuốc”.

Ngoại mừng rơn. Ngoại hấp háy cặp mắt, đôi mắt người già trắng khỏi mây trời. Mái tóc người già lưa thưa, một vài sợi cong cong theo chiều gió. Nó dặt tay ông ngoại men theo con đường đê khắp khiêng chạy ra đầu xóm. Lòng ngoại bộn bề cảm xúc, ngoại vui, vui mà nước mắt rùng rùng trên gò má hóp hóp sạm nắng. Người ta bảo người già hạt lệ như sương, vậy mà ngoại khóc, vài giọt nước tan vào nắng trưa biến mất khỏi cuộc đời như một định mệnh. Rồi ngoại cũng sẽ biến mất khỏi cuộc đời này, một cái kết của số mệnh, cát bụi bao dung dang rộng vòng tay. Nhưng chắc chắn ngoại sẽ an lòng nhắm mắt khi cậu Út đã trở về. Ngoại vẫn thường tự trách mình đã không lo nổi cho con cho cháu để cái khổ cái nghèo cứ mãi bám đu. Ngoại không nói ra nhưng ngoại gửi trọn nỗi niềm tâm sự trong từng câu hát vu vơ mỗi sớm mỗi chiều. Nó dặt tay ngoại, chân ngoại cứ vúi mãi vào nhau, bất giác ngoại vấp phải bụi cỏ khô trên đường đê, nó cúi xuống đỡ ngoại rồi chạy tiếp... Tìm cậu Út!

“Trời ơi, thằng Út, có ai thấy con tui về ngang qua đây không?”. Ngoại meo máo, gương mặt méo xệch, da mặt nhăn nhúm vừa nói vừa nghẹn ngào.

Nó gọi: “Út ơi! Út, đừng có đi nữa. Về với ngoại, với con đi mà!”.

Hình như nó khóc. Hình như nó đã nhìn thấy cậu Út đứng liêu xiêu dưới bóng cây cạnh bờ sông nhìn nó, nhìn ngoại. Cậu dụi dụi con mắt. Cậu khóc vì nhìn thấy cảnh người đầu bạc tìm kẻ đầu xanh. Lao đao mấy năm trời. Mái tóc của cậu đã hoen màu mây khói. Thằng Đức biết ngoại sẽ vui sướng biết bao khi cậu Út quay về; cậu Út sẽ là ngọn lửa sưởi ấm cho tuổi già của ngoại đỡ đơn lạnh khi không còn mẹ nó bên cạnh. Và cả nó nữa, chắc chắn nó sẽ được cậu Út chở che, sẽ sống trong an yên, bình lặng...

“Ba ơi, con về rồi nè!”. Cậu Út chạy ra, ôm ngoại. Ngoại đứng trân, tay ngoại di di lên mái đầu cậu Út.

“Ừ, về với ba, với thằng Cò đi Út. Ở nhà mình vẫn hơn. Lao đao mãi, sắp trọn một kiếp người”...

Tiếng ngoại ồm ồm, niềm vui len lỏi trong đôi mắt u buồn mấy mươi năm đời ngoại. Dọc đường đi, ngoại cứ cười, cứ quệt nước mắt, gặp ai ngoại cũng khoe: “Ba con nhìn nè, thằng Út nó về với tui rồi. Nó không có đi bỏ tui nữa đâu...”.

Thì đến đoạn cuối cuộc đời, ai rồi cũng tìm được cho mình chốn bình an bên những người thân thuộc.

Người ta có rất nhiều chốn để đi, nhưng chỉ có một nơi để trở về.

Nơi đó là nhà... ■



www.zenart.vn Phone :0909319882

XÂY DỰNG GIÁ TRỊ MỸ THUẬT ĐƯƠNG ĐẠI



Là nơi làm việc của đội ngũ : Điều khắc gia, họa sỹ , kiến trúc sư và thợ kỹ thuật trẻ năng động sáng tạo đầy nhiệt huyết đã tôn tạo thành công những tác phẩm, công trình có giá trị cao trên mọi chất liệu.

Và có cùng một quan điểm làm việc (nghệ thuật đích thực bắt nguồn từ trái tim).

Chỉ có những trái tim, những tâm hồn trong sáng, mới tạo ra những tác phẩm nghệ thuật có giá trị về mỹ thuật và tính nhân văn cao cả mang dấu ấn của mỹ thuật Phật giáo Việt Nam đương đại.

Với tinh thần làm việc

"Nghệ thuật vị nghệ thuật"

Nghệ thuật vị tâm linh

Nghệ thuật truyền tải đạo lý "

Và cao hơn nữa là: *Tôn tạo tượng Phật là một pháp môn tu.*

Với tinh thần ấy và đội ngũ lao động trẻ sáng tạo vận dụng khoa học được đào tạo, chúng tôi luôn có những ý tưởng phương án làm việc mới hiệu quả nhất.

Chúng tôi sẽ thực hiện được bất cứ những ý tưởng nào để hướng tới sự hoàn mỹ của nghệ thuật và cuộc sống.

KHÔNG CÓ VIỆC GÌ KHÓ NẾU BẠN THỰC SỰ TÂM HUYẾT

Chúng tôi rất mong được cùng quý vị tôn tạo thành tựu những tác phẩm hoàn mỹ.

Hết sức trân trọng quý vị trên từng đường nét nhỏ nhất của tác phẩm.

Công ty Mỹ thuật Xây dựng ZEN ART

Người phụ trách mỹ thuật

Giám đốc

HOÀNG ĐỨC DIÊN

HÀNH TRÌNH LOVE STONE

"Trao sức khỏe - Gửi yêu thương"

ĐẾN 1.000 NGÔI CHÙA

Mỗi ngôi chùa là một câu chuyện về sẻ chia yêu thương...

Hữu duyên được gặp **Anh Mai Xuân Dương** - Giám đốc Công ty Love Stone trong buổi Tổng kết công tác Từ thiện ở một ngôi chùa vào những ngày cuối năm Đinh Dậu, chúng tôi được biết đến ý nguyện của Anh về **Hành trình tìm đến 1.000 ngôi chùa trên cả nước có phòng khám chữa bệnh miễn phí cho bệnh nhân nghèo để gửi tặng 4.000 hộp đá muối massage chân Love Stone**. Tại mỗi chùa, Love Stone sẽ trao tặng 4 hộp đá muối massage chân Love Stone, được đặt tại khu khám chữa bệnh miễn phí để hỗ trợ điều trị cho các chư Tăng Ni và bệnh nhân.

Theo Anh Dương chia sẻ, từ nhân duyên gặp được một vị Sư Thầy đã khai sáng ý tưởng cho anh về việc dùng loại đá muối có tuổi thọ hơn 250 triệu năm để bảo vệ sức khỏe, anh đã cho tiến hành kiểm định thành phần của loại muối này bằng phương pháp khoa học và nghiên cứu cho ra đời Hộp đá muối massage chân Love Stone, **giúp ích rất nhiều trong việc chữa trị các bệnh đau nhức xương khớp, ngủ không sâu giấc, lạnh tay chân, v.v...** Và vì anh đã thành công với Love Stone, nên hành trình này của anh chính là một lời cảm ơn đến Sư Thầy ngày trước và là sự sẻ chia lại cho cộng đồng.



Các Phật tử dùng thử Hộp đá muối massage chân Love Stone được trao tặng chùa

Chúng tôi vô cùng hoan hỷ với công việc thiện lành rộng khắp như vậy, và cũng thật lòng trao đổi với anh nếu muốn tìm được các chùa trong cả nước có Phòng khám chữa bệnh miễn phí hoặc Tuệ Tĩnh đường phải nhờ sự trợ giúp của Quý Thầy ở Văn phòng 2 TWGH, cung cấp cho địa chỉ những nơi uy tín và ra Tết 2018 mới triển khai được. Khi nghe được tin này, mặt anh như giãn ra vì biết rằng đã tìm đúng nơi để gửi gắm ý nguyện, hơn ai hết anh hy vọng sẽ tìm đến được những bà con có hoàn cảnh thật sự khó khăn, vậy thì hành trình này mới thực sự mang lại một ý nghĩa lớn không chỉ cho riêng anh, mà cho cả cộng đồng.



Chị Thoa – Đại sứ Hải Phòng đang hướng dẫn Sư cô chùa Thiên Phúc sử dụng Hộp đá muối massage chân Love Stone

Love Stone là sự kết hợp giữa phương pháp nhiệt trị liệu và món quà quý giá từ thiên nhiên

Theo các bác sĩ Đông y, bàn chân chính là trái tim thứ 2 của con người, là nơi chứa nhiều huyết đạo và tác động lên hầu hết các bộ phận của cơ thể con người. Vì vậy, mà từ rất lâu đời ông cha ta đã sử dụng phương pháp ngâm chân bằng nước ấm và muối như một liệu pháp thần kỳ cho sức khỏe. Kế thừa từ phương pháp cổ truyền ấy, Hộp đá muối massage chân Love Stone cũng hoạt động dựa trên cơ chế làm nóng đá muối, nhiệt lượng và những dưỡng chất của đá muối sẽ từ từ tác động vào những huyết đạo dưới lòng bàn chân.

Đặc biệt, Đá muối được khai thác tại dãy núi Himalaya - một loại khoáng sản tự nhiên chứa tới 84 loại khoáng chất cần thiết cho cơ thể. Đây là món quà thuần khiết mà Mẹ thiên nhiên đã hào phóng ban tặng cho chúng ta, là báu vật từ những hang muối cổ đại, nằm sâu dưới lòng đất bên dưới dãy Himalaya hùng vĩ và có niên đại trên 250 triệu năm.



Hộp đá muối massage chân Love Stone Standard



Những điều cần biết về đá muối Love Stone được khai thác tại dãy núi Himalaya

Sản phẩm Hộp đá muối duy nhất trên thị trường hiện nay có tem chống hàng giả của Bộ Công an

Mỗi Hộp đá muối massage chân Love Stone có một viên đá muối dày 20 x 20 x 4cm, được bảo vệ bởi một chiếc hộp gỗ, không chỉ dễ di chuyển mà còn rất chắc chắn, vì vậy mà ta có thể sử dụng viên đá muối này từ 4-5 năm mới bị bào mòn hết.

Đặc biệt, mỗi Hộp đá muối massage chân được Công ty Love Stone cam kết bảo hành 1 năm trên toàn quốc, cùng với đầy đủ các giấy chứng nhận an toàn về sản phẩm. Đặc biệt, Hộp đá muối massage chân Love Stone là hộp đá muối duy nhất trên thị trường hiện nay có tem chống hàng giả của Bộ Công an nhằm đảm bảo chất lượng của sản phẩm cũng như sự an toàn cho người sử dụng.

Lời kêu gọi cùng đồng hành với Love Stone qua Hành trình đến 1.000 ngôi chùa

Với thông điệp “Trao sức khỏe - Gửi yêu thương”, Love Stone mong muốn được chăm sóc sức khỏe cho các bà con có hoàn cảnh khó khăn cần nương nhờ đến của Phật. Đó không chỉ là một phương pháp trị liệu từ sản phẩm của Love Stone mà còn đem đến sự ấm áp trong lòng cho những mảnh đời chơi vơi ngoài xã hội, để họ biết rằng họ không đơn độc, mà đâu đó còn có rất nhiều tấm lòng hảo tâm luôn

sẵn sàng san sẻ, để họ có thể vượt qua căn bệnh hiểm nghèo của chính mình.

Thông qua Báo Văn Hóa Phật Giáo, Love Stone xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Quý Ân Nhân đã cùng đồng hành với cộng đồng **Love Stone** thực hiện hành trình này tại một số tỉnh thành như Đồng Tháp, Bà Rịa - Vũng Tàu, Đắk Nông, Huế, Hà Nội, Hải Phòng, TP.HCM... Ngoài ra, trong thời gian sắp tới chúng tôi ước mong sẽ đặt chân đến nhiều tỉnh thành xa xôi hơn ở miền Đông Nam Bộ, Trung Bộ, Tây Nguyên và cả các điểm cực Bắc nước ta.

Love Stone sẽ không đơn độc trên hành trình này nếu nhận được nhiều thông tin đáng tin cậy về các chùa có phòng khám chữa bệnh miễn phí cho người nghèo từ chư tôn đức Tăng Ni cùng quý Đại sứ, Khách hàng, Phật tử cũng như các nhà thiện nguyện hảo tâm khắp nơi.

Thông tin về các chùa đầy đủ tiêu chí trên xin gửi về cho Love Stone qua:

Email: hanhtrinh1000ngoichua@lovestone.vn (Ms. Trần)

Điện thoại: 0938 118 271 - Website: <http://lovestone.vn>

Với các nội dung sau:

- Tên chùa:

- Địa chỉ chùa:

- Đại diện hoặc Sư trụ trì (kèm số dt):“

Đầu năm không dứt Doanh Nhân

Nhân dịp đầu Xuân Giáp Tuất – 2018, chúng tôi có duyên đến xông đất quý công ty, doanh nghiệp có mối quan hệ thân thiết với báo qua việc góp ý xây dựng, ủng hộ phát hành và trợ duyên quảng cáo... đã thiết thực góp phần vào sự phát triển của báo trong năm qua. Chúng tôi chân thành tri ân mỗi thâm tình này và qua tiếp xúc với một số vị đã trải lòng về nhiều vấn đề liên quan ngành nghề và những thông tin cần biết cho cộng đồng. Chúng tôi xin phép lược đăng để chia sẻ cùng bạn đọc gần xa.



HƯƠNG VỀ NGÀY GIỖ TỔ

"Dù ai đi ngược về xuôi
Nhớ ngày Giỗ Tổ mùng Mười tháng Ba"

Chim có tổ, người có tông, là người con dân Việt phải luôn nhớ về cội nguồn của mình. Bà con ở miền Bắc và người có điều kiện tài chính đều về Phú Thọ để dâng hương lên Quốc Tổ Hùng Vương vào ngày 10/3 ÂL. và tham gia lễ hội Đền Hùng. Còn ở miền Nam thì sao?

Theo đề án của Thủ tướng phê duyệt năm 2014, **Khu tưởng niệm các Vua Hùng** được xây dựng ở quận 9, TP.HCM trong khu vực của Công viên Lịch sử Văn hóa Dân tộc. Khuôn viên Đền Hùng rộng 84 ha (nếu từ TP.HCM đi theo Quốc lộ 1 qua Khu Du lịch Văn hóa Suối Tiên đi thêm 2 cây số là đến nơi). Đền thờ gồm: Gian thờ trung tâm là Quốc Tổ Hùng Vương, hai bên là án thờ Tổ phụ Lạc Long Quân và Tổ mẫu Âu Cơ cùng các Lạc hầu, Lạc tướng. Phía sau là các bảng phù điêu, trong Đền còn có 30 phiến đá từ các đảo xa của Hoàng Sa và Trường Sa. Tổng quan khu đối gồm: Sân lễ hội, đài bia đá, quảng trường rộng 4.000m² và 18 cột đá xanh, tượng trưng cho 18 đời Vua Hùng rất hoành tráng...

Hàng năm, lãnh đạo Đảng và Nhà nước cùng các đoàn thể của thành phố đều đến nơi đây dâng hương lên Quốc Tổ vào ngày Giỗ Tổ 10-3 ÂL - những ngày hè hoặc thứ Bảy, Chủ nhật các em sinh viên thường quần tụ sinh hoạt. Do sự quảng bá truyền thông còn giới hạn, chứ nơi đây thực ra là điểm tham quan, học tập, du lịch tâm linh để góp phần giáo dục thế hệ trẻ niềm tin và tự hào dân tộc, giữ gìn và tôn vinh các giá trị lịch sử, văn hóa truyền thống. Và đây cũng chính là nơi dành cho bà con miền Nam mình đến dâng hương lên Quốc Tổ vào ngày Giỗ 10/3.

Hai năm qua, nhằm mục đích tôn vinh và lan tỏa thông tin về Đền Hùng ở Q.9, TP.HCM; chúng tôi đã tổ chức "**Chương trình tôn vinh tinh hoa – Giữ gìn bản sắc - Dâng hương báo công các Đức Vua Hùng về Tâm Tà Đất Việt vì sự phát triển cộng đồng**" tại Đền Hùng Q.9, TP.HCM với sự tham dự của đại diện Ban Tuyên giáo TW, Ban Giám đốc Đền và chư tôn đức Tăng Ni, Phật tử, các doanh nhân, các cá nhân tiêu biểu về SX và chăm lo cho sức khỏe cộng đồng đều được vinh danh...

Năm nay, Ban Tổ chức chương trình mong muốn được chư tôn đức Tăng Ni, quý Phật tử gần xa, các doanh nhân và doanh nghiệp quan tâm cùng hội tụ dâng hương lên Quốc Tổ Hùng Vương và tham gia chương trình nhân ngày Giỗ Tổ. Chương trình sẽ diễn ra trong buổi sáng được truyền hình trực tiếp trên sóng HTV.

Mọi chi tiết xin liên hệ: điện thoại 0948 222268

Nhà báo Hồ Thanh Thủy, Thường trực BTC

Thực hiện: **PHÁP TUỆ - TÂM CAO**



TẾT VIỆT CỦA NGƯỜI VIỆT

Ba mươi tháng Chạp, tiết trời chiều hơn 3h mà dòng người sắm vật lễ cúng vẫn chưa giảm. Tôi cũng nòn nao lòng khi cúng đón ông bà mình không sớm hơn như mọi năm.

Ngày xuân với người Việt không những là sự gặp gỡ, đoàn viên, sum vầy; của người đi xa tìm về bên mái ấm gia đình; của người bốn ba mần quanh năm gom góp tiền về lo thăm nom, chôn chu mồ mả ông bà thân tộc; của con cháu về quây quần bên mâm cỗ cúng, tưởng nhớ nguồn cội; của người đi trước dạy bảo con cháu những giá trị truyền thống cùng phát huy sự hiếu đạo trong gia đình... mà là cả một hệ lụy giá trị văn hoá phong tục tập quán kiên - lành bao đời của ông cha truyền thừa; của từng lớp, từng người qua nhiều thế hệ lưu giữ, thừa kế. Giữa muôn ngàn cái cũ - mới dung nạp, hoà quyện, lan tỏa, cái đẹp vẫn được tôn vinh.

Một đất nước phồn vinh là khi giữa cái tinh hoa kế tục, cái truyền thống cao quý vẫn được dung dưỡng phát huy độc lập để thành di sản. Mà ở đó, bất kỳ ai dù trong hay ngoài lãnh địa khi nhìn vào, vẫn nhận ra sự đặc trưng riêng biệt. Khi từng giá trị văn hoá quốc gia đang song hành tồn tại cùng muôn vàn những cái mới mẻ "*lòng tong*" mà không bị mất đi hay bị đánh đồng với cái truyền thống cũ cổ, mà con cháu "*Rồng Tiên*" Việt bằng sự tự trọng, luôn nhận thức ra ba ngày Tết là đặc sản của sự nhớ ơn: "**Cha - Mẹ - Thầy**", thì người Việt dù đi đâu, ở đâu cũng luôn cao quý trong mắt bạn bè thế giới!

Năm mới lại đến, Trường Kha thân kính chúc quý quyền thuộc xa gần con cháu Việt, một năm thật hạnh phúc, bình an, vui vẻ, nhiều sức khỏe, thuận lợi, may mắn, luôn viên ý cát tường và thành công!

MỸ NGHỆ TRẨM HƯƠNG Trường Kha



Thân kính các Đạo hữu!

*

Năm Mậu Tuất – 2018

Là năm CON CHÓ VÀNG

Làm ăn cần mẫn

Giàu sang mấy hồi

Vâng!

Năm nay dương khí thịnh!

Đã mở đầu từng bừng với thắng

lợi của Đội bóng U-23 Việt Nam

Tôi tin rằng những Phật tử chúng

ta sẽ phát huy tốt đẹp với Tâm Thanh tịnh

AN SINH.

Nhất định sẽ HẠNH PHÚC

Nguyễn chúc quý Đạo hữu

NHƯ THỊ.

Nhà thư pháp CHÍNH TRUNG

Thư pháp theo phong cách Thiền Phật giáo

ĐT: 0909 660825



KẾT TẠO DUYÊN LÀNH TỪ TÌNH HOA MỘC

Trong thời gian qua hội đủ duyên lành, Cơ sở Thiên Phú Thọ được cung đón chư tôn đức Tăng Ni trong và ngoài nước quang lâm đến cơ sở để tham quan và đặt tượng, tạo duyên cho chúng tôi điêu khắc nhiều tôn tượng, trong đó có các tôn tượng cao hơn từ 3-4 mét của Đức Phật và

chư vị Bồ-tát Quan Âm, Văn Thù, Phổ Hiền...

Trước khi khởi công điêu khắc một tôn tượng, chúng tôi rất vui và cảm thấy yên lòng khi được chư tôn đức dành thời gian chú nguyện lên khối gỗ và nghệ nhân ưu tú Nguyễn Phú Thọ được vinh dự thay mặt đội ngũ nghệ nhân thành tâm chay tịnh, tập trung tư tưởng từ hình dáng của bản vẽ để thổi hồn vào tượng trên từng đường nét điêu khắc và đặc biệt là khuôn mặt của tôn tượng. Chúng tôi cũng rất quan tâm đến vẻ đẹp của tôn tượng từ dáng nét tà áo, tay cầm bông sen, tay bắt ấn quyết cùng tư thế thiền tọa của Đức Phật và Bồ-tát, tạo nên nét sống động của tôn tượng giúp cho hành giả khi dâng lễ dễ chiêu cảm và sinh tâm tôn kính, tăng tạo phước điền. Thời gian qua với sự dìu dắt và chỉ dẫn tận tình của Hữu Thọ, nay các nghệ nhân trẻ đã tự tin và khẳng định mình điêu khắc tôn tượng đạt chuẩn về nghệ thuật và mỹ thuật cùng mang tính thuần Việt; có thể sánh bằng cùng các pho tượng tạc ở nước ngoài. Thành quả này cũng nhờ chư tôn đức đã quan tâm chăm sóc và góp ý chân tình... Do đó, cảm nhận sâu sắc mối chân tình này nên các tôn tượng tạc ở cơ sở Thiên Phú Thọ luôn được chúng tôi thực hiện theo tiêu chí: *Bảo quản vô thời hạn* và sẵn sàng đến chùa để khắc phục khi tôn tượng có yêu cầu phát sinh.

Cơ sở Thiên Phú Thọ mong rằng luôn giữ được sự tin yêu của chư tôn đức Tăng Ni, Phật tử và quý khách hàng trong nước và nước ngoài và trân trọng duy trì mối quan hệ gần bó thân thương này mãi mãi!

Kính chúc chư tôn đức Tăng Ni, Phật tử và quý khách hàng gần xa, năm mới thân tâm an lạc, vạn sự cát tường.

Nghệ nhân Ưu tú Nguyễn Hữu Thọ

Web: www.thienphuthao.com



LỢI ÍCH CỦA VIỆC ĂN CHAY

Trong kinh Đại thừa *Kim Cang kinh luận* có khuyên dạy: ... Ăn chay chính là để tăng trưởng tâm từ bi, nuôi dưỡng tình thương trong lòng người con Phật, nêu cao tinh thần bình đẳng mà Đức Phật đã dạy. Với giá trị cao quý của việc ăn chay như thế cùng những lợi ích thiết thân như ăn chay sẽ giúp chúng ta phát triển lòng thương xót chúng

sinh để hướng đến một cuộc sống thiện lành, không sát sinh, hại vật, tránh được quả báo của nghiệp sát sinh giúp cho thân tâm thường an lạc, giảm dần tham sân si. Đối với người lớn tuổi, thức ăn chay sẽ giúp cho tiêu hóa nhẹ nhàng, cơ thể dễ hấp thu nên tránh được bệnh tật, tăng trưởng tuổi thọ.

Có một số bạn, lúc đầu chưa quen với các món chay, các bạn có thể ăn chay kỳ, một tháng 4 ngày, dần dần tiến lên thập trai và đến khi thân tâm hòa hợp, thức ăn mặn không còn phù hợp bản thân thì tiến đến trường trai (chay trường).

Nhà hàng chay Việt An cũng với ý nguyện tạo phương tiện giúp cho mọi người quen dần với ăn chay, nên đã chế biến nhiều món chay hấp dẫn như: bánh bèo, bánh nậm, bánh bột lọc, cuốn diếp, bánh ướt cuốn vụn hoa... cơm hến và bún hến chay. Cùng với khung cảnh ấm cúng, thanh nhã và lịch sự, chúng tôi rất mong được đón tiếp và phục vụ quý khách gần xa và nhất là các bạn trẻ thích ăn chay.

Lê Lãnh, Quản lý



MỘT LÒNG HƯỚNG VỀ PHẬT PHÁP

Công ty chúng tôi chế tác tượng chủ yếu bằng Polyserin sẽ giúp giá thành tương đối hoặc thấp hơn so với tượng gỗ hay tượng đá; cùng với thời gian chế tác nhanh hơn.

Quy trình sản xuất bao gồm các công đoạn như: thiết kế, tạo mẫu, tạo khuôn, đúc sản phẩm thô và

họa tiết, mạ, tô màu, v.v... Việc chế tác một pho tượng mang tính nghệ thuật và mỹ thuật cao; đòi hỏi nghệ nhân phải biết tìm tòi, sáng tạo cùng với một tấm lòng hướng về Phật và thâm nhập Phật pháp mới giúp cho nghệ nhân “ngộ” trong việc chế tác những pho tượng đạt chuẩn chất về màu sắc hài hòa, hình dáng và vẻ đẹp thanh nhã; tôn tượng mới chiêu cảm được đại chúng khi lễ bái. Thể hiện qua việc Công ty chủ động cung đón chư tôn đức đến giảng pháp cho anh em nghệ nhân, CNV và tạo duyên lành cho họ qua việc thọ Tam quy, Ngũ giới...

Thời gian qua, nhờ ơn chư Phật và chư Bồ-tát gia hộ, Công ty chúng tôi đã chế tác và thành công hàng vạn tôn tượng cỡ nhỏ cao từ 10-15cm và nay tiến đến việc chế tác các tôn tượng cao hơn 3 mét. Bên cạnh đó qua việc tìm tòi, tư duy sáng tạo, các nghệ nhân đã chế tác thành công các tôn tượng có độ nặng như đá với nét đẹp như ngọc trắng và ngọc bích...

Công ty chúng tôi mong muốn luôn được sự tin yêu của chư tôn thiên đức Tăng Ni và quý Phật tử gần xa. Trước thềm năm mới, kính chúc chư liệt vị phước thọ miền trường, chúng sanh dị độ và quý Phật tử tu tập tăng tiến, thân tâm an lạc.

Nguyễn Hữu Tín, Giám đốc

Web: www.hoatien.vn



LUÔN GIỮ CHỮ TÂM TRONG ĐIỀU KHẮC ĐÁ

Điêu khắc đá là một ngành nghề khá vất vả và đòi hỏi nghệ nhân phải có tính tình điềm đạm, cẩn mẫn với công việc. Nghệ nhân cần phải toàn tâm, toàn ý trên từng đường nét điêu khắc để tôn tượng mang tính nghệ thuật và mỹ thuật cao cũng như khi thực hiện các công trình về tượng đài.

Trong điêu khắc truyền thần (từ mô hình, bản vẽ hay ảnh), đòi hỏi các nghệ nhân điêu khắc các tôn tượng Đức Phật Thích Ca và Phật A-di-đà, Bồ-tát Quán Thế Âm... phải thể hiện trên nét mặt của các Ngài sự tư duy tỏa sáng đến ánh mắt từ bi và hoan hỷ. Hình dáng cũng rất quan trọng, nhất là tà áo; trong điêu khắc của Hàn Quốc do dân tộc tính nên tôn tượng là phải gương mặt phúc hậu, đầy đặn (có phần mập mạp); còn điêu khắc tượng Việt dáng nét thanh tú, các Ngài nhìn chúng sanh

với ánh mắt từ bi, tay cầm bông sen, tịnh bình hay ban phúc lành đều mềm mại... Thời gian qua, các tôn tượng Phật chúng tôi điêu khắc đều được các chùa tôn trí lộ thiên, nên tôn tượng đạt nghệ thuật và mỹ thuật cao sẽ tạo duyên cho khách thập phương chiêm bái, phát tín tâm hướng Phật và tạo cho họ được công đức vô lậu, phước điền tăng trưởng.

Vừa qua, công ty chúng tôi điêu khắc đá tôn tượng Đức Phật lộ thiên cao 12 mét tại ngôi chùa ở Núi Dinh, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; trước đây Cơ sở Mỹ Hảo chúng tôi có duyên điêu khắc 2 ông lân nặng gần 4 tấn ở chùa Pháp Vân (Q.Tân Phú, TP.HCM) được Trung tâm Kỷ lục VN xác lập kỷ lục...

Công ty điêu khắc đá Mỹ Hảo chúng tôi vô cùng trân trọng và yêu quý những tình cảm của chư tôn đức, Phật tử và khách hàng trong nước và hải ngoại đã dành cho chúng tôi trong thời gian qua. Mong rằng, sự yêu thương được lan tỏa để chúng tôi có dịp tiếp tục điêu khắc nhiều tôn tượng của Đức Phật, chư vị Bồ-tát, Thập bát La-hán, chư Tổ cùng kiến tạo những công trình bằng đá để lưu dấu cho hậu thế.

Trân trọng kính chúc chư tôn đức, Phật tử và khách hàng trong nước và hải ngoại một năm mới luôn vui tươi, dồi dào sức khỏe, vạn điều an lành, như ý sở nguyện.

Nghệ nhân Nguyễn Đức Thìn
Web: tuongdamyhao.com

TẬP TRUNG “TÂM VÀ LỰC”

DẪN ĐẾN KỶ TÍCH CỦA ĐỘI BÓNG U.23 VIỆT NAM!

Chúng tôi không phải là bình luận viên nên sẽ nhiều thiếu sót khi nhắc đến kỷ tích của Đội bóng U.23 Việt Nam, mong độc giả thông cảm; chúng tôi xin nêu ra trong dịp đầu xuân để tỏ lòng tri ân Đội bóng U.23 VN cùng với sự miễn phục sức bền bỉ của anh em cầu thủ và thủ môn Bùi Tiến Dũng đã thi đấu từ trận đầu đến trận cuối cùng, phải nói đây là trận chung kết vô tiền khoáng hậu dưới mưa tuyết với 119 phút, Đội bóng U.23 VN vẫn giữ được thế hòa 1 - 1 với đội bóng Uzbekistan (đội mạnh của châu lục). Việc lập nên kỷ tích khi vào được chung kết bóng đá châu Á và lên ngôi Á quân châu lục này quả là phi thường, tuyệt vời! Từ những hình ảnh thân thương của HLV, cầu thủ và thủ môn; chúng tôi xin ghi lại cảm nhận của mình để chia sẻ niềm vui cùng bạn đọc:

HLV Park Hang-seo, người thầy sắc sảo: HLV Park Hang-seo với cá tính, cách biểu đạt tình cảm, hành vi ứng xử với đồng sự, học trò và báo chí cũng như thái độ khiêm tốn và trân trọng khi đứng nói chuyện với khán giả VN, trong buổi ra mắt đầu tiên nhậm chức HLV tại Hà Nội, ông đọc một bài viết dài 3 trang A4 để trình bày về triết lý bóng đá, về lối chơi mà ông sẽ áp dụng cho bóng đá VN và đặc biệt một vài quan điểm trong ứng xử với những người xung quanh. Ông Park Hang-seo chia sẻ: “... Chúng ta sẽ trở thành một đội, chứ không phải một người... tất cả các cầu thủ phải thật chăm chỉ, cần mẫn. Tôi sẽ cố gắng để các cầu thủ của chúng ta có được chất lượng thể lực và tinh thần thật tốt. Chúng ta hãy cố gắng tạo ra một nền bóng đá vui vẻ, thoải mái, nền bóng đá tấn công, mang tính giải trí cao...”. Và ông đã giữ đúng lời hứa, mang vinh quang về cho đất nước VN. Nếu nhìn theo quan điểm quản trị, ông Park Hang-seo là nhà quản trị nhân sự giỏi qua việc cầm quân, biết đặt đúng người, đúng chỗ và điều chỉnh kịp thời để giúp cho toàn

đội phát huy được sức mạnh tổng lực; chính vì vậy mà cầu thủ Hồng Phượng có phần phải hy sinh thành tích cá nhân để tạo dịp cho đồng đội vươn lên làm bàn. Sức mạnh của tập thể luôn được coi trọng, cho dù cầu thủ U.23 VN, thấp người hơn cầu thủ Uzbekistan, nhưng vẫn đi bóng linh hoạt đã làm cho cầu thủ đối phương phải lúng túng “chơi xấu” để phải bị lãnh 2 thẻ vàng. Riêng tiền đạo Uzbekistan bị 1 thẻ vàng, phạm thêm lỗi lần 2 lẽ ra là thẻ đỏ nhưng trọng tài bỏ qua...

Thủ môn Bùi Tiến Dũng: Anh Tiến Dũng được báo chí châu Á ca ngợi là “Vua bắt bóng phạt đền”. Khi đối mặt với cầu thủ đối phương, bóng vừa được đá ra, anh lạnh lùng vươn người túm gọn cú sút như trời giáng, chúng tôi hò reo và sung sướng vô ngần! Nghiệp thủ môn của anh Tiến Dũng cũng lắm gian nan, mãi cho đến khi tham gia giải U.19 châu Á 2016, anh chơi hay xuất thần và ghi dấu ấn đặc biệt trong chiến tích giành vé dự World Cup U.20 của U.19 VN. Những gì anh Tiến Dũng thể hiện tại giải thi đấu kỳ này góp phần làm nên kỷ tích cùng đồng đội, châu Á phải ngưỡng mộ và khán giả VN yêu quý vô ngần.

Cầu thủ Nguyễn Quang Hải: Anh Quang Hải chơi xông xáo, suốt trận đấu cho đến 2 hiệp phụ vẫn giữ được thể lực. Trước đây, anh từng làm thất điên bát đảo hàng thủ các đội bóng đối phương khi anh trong màu áo của Hà Nội, U.19, U.20 rồi U.23 VN. Quang Hải đã cùng đồng đội chinh phục tấm vé đến World Cup U.20, sau khi vượt đến vòng bán kết giải U.19 châu Á 2016. Thương nhất là trái phạt đền do anh Công Phượng kiến tạo, anh Quang Hải trước một hàng cầu thủ cao to của Uzbekistan, sau khi được đồng đội tiếp sức cào tuyết để lấy khoảng trống cho trái banh được tự do bay, Quang Hải đã sút bóng bổng thủng lưới của thủ môn Uzbekistan, làm cho hàng rào cầu thủ và thủ môn bạn phải đứng ngơ ngẩn nhìn!

Và còn nhiều điều thú vị được kiến tạo của anh em cầu thủ Đội bóng U.23 VN; đó là các cầu thủ từ tiền vệ đến hậu vệ của đội đều đã được “*thủ hoạc công*”; làm cho đối phương khó có đủ người để mà kèm chặt được. Ví như: từ cú móc bóng của **Văn Đức, Công Phượng** nhanh như chớp xé toang màn lưới U.23 Iraq và anh Văn Đức còn có cú ra chân gọn ghẽ làm rung lưới đối phương để giúp

U.23 VN gỡ hòa 2 - 2 với Iraq và sau đó đá luân lưu, giành chiến thắng trên chấm 11m. Và sẽ thiếu sót nếu chúng ta quên nhắc đến cầu thủ **Phạm Đức Huy**, cầu thủ được mệnh danh là “*người không phổi*” vì anh hoạt động nhiều nhất trên sân mà không hề biết mệt; anh Đức Huy tăng tốc rất nhanh trong các pha phản công để hỗ trợ cho Công Phượng, Quang Hải uy hiếp khung thành đối phương và chúng ta không thể nào quên hình ảnh của cầu thủ **Vũ Văn Thanh** vòng tay hiên ngang, đầy tự tin sau khi sút bóng quyết định tỷ số thắng trận giúp cho Đội bóng U.23 VN vào chung kết.

Đội bóng U.23 VN đã biết “**tập trung tâm và lực**” với tinh thần đồng đội cao, dưới sự dẫn dắt tài tình và khéo léo của nhà tâm lý giỏi HLV Park Hang-seo, cho nên dù thi đấu 120 phút, anh em cầu thủ vẫn *toàn tâm* cố gắng và giữ được *lực* với những cú sút 11m xé toang cầu môn của Iraq và Qatar. Sự kỳ diệu từ kỷ tích của Đội bóng U.23 VN là có căn cơ và pha lẫn một thoáng may mắn. Hôm nay, nhân ngày đầu xuân, tôi xin ghi lại đôi dòng để tri ân và cảm ơn chân thành HLV Park Hang-seo và toàn Đội bóng U.23 VN đã mang vinh quang về cho Tổ quốc.

Nguyễn Bồng





Restaurant

Chay

Vegetarian

Với các món ăn chay tinh khiết, nấu theo lối Huế thuần túy
Khung cảnh ấm cúng, thanh nhả và lịch sự

○ **Đặc biệt:** Bánh bèo, bánh nậm, bánh bột lọc, cuốn diếp, cuốn rối, bánh ướt cuốn vạn hoa, gỏi và trộn, gỏi mít trộn, cơm sen, bún Huế, cơm hến chay, bún hến chay...

Giờ mở cửa: Từ 6 giờ - 22 giờ

Buổi sáng: Cơm có điểm tâm, cà-phê và nước uống



○ **Địa chỉ:** 11 Trần Nhật Duật, P.Tân Định, Q.1, TP.HCM

○ **Điện thoại:** (028) 384 82612 - 0909 025469
hoan hi gặp anh Lành (quản lý)

○ **Website:** nhahangchayvietan.com

○ **Email:** nhahangchayvietan.com

Trân trọng kính mời



CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN TIẾP VẬN QUỐC TẾ



Tầng 5 tòa nhà Cảng Sài Gòn

3 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q.4, TP.HCM. Tel: 0938734035

"Chuyên giao-nhận hàng hóa, VHP và tranh tượng Phật giáo quốc tế"



17/2 - 17/4 Nguyễn Huy Tưởng, P. 6, Bình Thạnh, Tp.HCM

028. 35 035 579 - 028. 36 026 818 - 0916 943 877

lienhe@phapuyen.com - www.phapuyen.com



Công ty TNHH SX-TM

QUANG NGHỆ

QUANG NGHỆ CO., LTD.

NẾN THƠM NGHỆ THUẬT

Chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ sản phẩm
Nến Quang Nghệ trong suốt thời gian qua

NGÔ HUỆ PHƯƠNG - DD: 0989 183 398

□ Cung cấp nguyên vật liệu dùng trong sản xuất nến: Hương liệu, dầu paraffin, sáp, rau câu, ly thủy tinh, tem, tim đèn...

□ Chuyên sản xuất các loại sáp nến thơm nghệ thuật, nến ly cao cấp... Nhận đơn đặt hàng theo yêu cầu của quý khách.

Đặc biệt: Có giá ưu đãi đặc biệt đối với quý khách mua số lượng nhiều.

Cần tìm đại lý ở các chùa, tỉnh thành trong cả nước

Nhà xưởng: 205B/28 Âu Cơ, P.5, Q.11, TP.HCM

Điện thoại: (08) 62738.228 - 38656.506 - Fax: (08) 3865.6506

Email: quangnghecandle@yahoo.com.vn

Website: www.quangnghecandle.com



DU LỊCH HOA SEN

Liên hệ: 0904999571 - 01239017018 - 02866845099 (gặp thầy Thiện Đức hoặc Pháp Tâm)

Địa chỉ: 103 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Tp.HCM Website: www.dulichhoasen.vn

- ✓ Ấn Độ - Nepal: 14 ngày (PT: 1.350 USD, Tăng Ni: 1.050 USD)
- ✓ Ấn Độ - Nepal: 12 ngày (PT: 1.100 USD, Tăng Ni: 1.000 USD)
- ✓ Singapore - Malaysia - Indonesia: 10tr900 (6N)
- ✓ Đài Bắc - Đài Trung - Đài Nam - Cao Hùng: 10tr500 (5N)
- ✓ Myanmar - Bago - Thuylin - Yan Gon: 10tr900 (4N)
- ✓ Campuchia - Thái Lan - Lào - Myanmar: 8tr900 (12N)
- ✓ Hàn Quốc - Seoul - Nami - Everland: 13tr990 (4N)
- ✓ Nhật Bản - Juji - Tokyo: 27tr500 (5N)
- ✓ Bắc Kinh - Vạn Lý Trường Thành: 11tr590 (5N)
- ✓ Bắc Kinh - Trương Gia Giới: 17tr390 (6N)

Đặc biệt CHUYÊN TỔ CHỨC CÁC TOUR: MỸ, NHẬT, ĐÀI LOAN, HỒNG KÔNG, SING, BHUTAN VÀ SILANKA...

VĂN HÓA
PHẬT GIÁO

○ Quý độc giả có nhu cầu viết bài và chụp ảnh về nhà hàng chay, quảng bá thương hiệu hay đưa tin về công tác từ thiện, chuyên mục y tế cũng như đăng quảng cáo...

○ Xin vui lòng liên hệ: đạo hữu **Pháp Tuệ**

○ ĐT: **0913 810 082**

○ Email: **bongnguyen.vhpg@gmail.com**

TƯ VẤN THIẾT KẾ**KHÔNG GIAN THỜ CÚNG - THIÊN TRÀ NGHỆ THUẬT**

HOTLINE: 0902 848 363
0938 959 503
0906 955 663



ĐIỀU TƯỢNG AM HỒ CHÍ MINH:
- 382B D-E-F-G, Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM
- 668 Nguyễn Chí Thanh, P.4, Q.11, TP.HCM
- 212 Ba Tháng Hai, P.12, Q.10, TP. HCM

ĐIỀU TƯỢNG AM HÀ NỘI:
- 54 LÝ THƯỜNG KIỆT, Q. HOÀN KIẾM, HN
- 112 PHỐ HUẾ, P. NGŨ THỊ NHẬM, Q. HAI BÀ TRUNG, HN

**CÔNG TY TNHH DU LỊCH LỮ HÀNH QUỐC TẾ SEN AN**

Địa chỉ: 896A/10 Hậu Giang, P.12, Q.6, TP.HCM - Web: dulichsenan.com

Liên hệ: 08.6275.2790 - 0909.97.2016 (Pháp Đức) - 0938.912.417 (Ms. Thanh Lan)

- Ấn Độ - Nepal - Tiểu Tây Tạng: 17N16Đ: Phật tử: 1.350 USD, Quý Tăng Ni: 1.050 USD
- Ấn Độ - Nepal - Tứ Động Tâm: 12N11Đ: Phật tử: 1.250 USD, Quý Tăng Ni: 1.000 USD
- Singapore - Malaysia - Indonesia: 6N5Đ: 10,9 triệu
- Hàn Quốc - Seoul - Nami - Jeju: 6N5Đ: 16,8 triệu
- Campuchia - Thái - Myanmar - Lào: 12N11Đ: 9 triệu
- Đài Loan - Đài Bắc - Đài Trung - Đài Nam: 5N4Đ: 10,9 triệu
- Thái Lan: 5N4Đ (buffe 86 tầng): 5,490 triệu
- Myanmar - Yangon - Tầng Đá Vàng - Thanlyin: 5N4Đ: 10,9 triệu
- Xuyên Việt: 17N17Đ: 7,5 triệu

Đặc biệt:
hỗ trợ ưu đãi cho
khách nhóm, đạo tràng.

**CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PHÚ KIM**

Chuyên thiết kế sản xuất cung cấp si và lẻ:

- Móc khóa, quà lưu niệm
- Quà tặng Phật giáo các loại.

ĐT: 094 696 7466 - (08) 3880 9766

Email: saigonphukim@gmail.com

Website: www.sgpk360.com

Showroom: 378/8 Thoại Ngọc Hầu, P. Phú Thạnh, Q. Tân Phú, TP.HCM



VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách
và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 20.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG

Ấm áp tình thương ngày Xuân

của Phòng Khám bệnh nhân đạo Nam Thành Thánh thất (CTĐ Q.1)

NGUYỄN BÔNG

Vào sáng ngày 21 tháng Chạp năm Đinh Dậu, tại Phòng Khám bệnh nhân đạo (KBND) Nam Thành Thánh thất (NTTT) thuộc CTĐ Q.1, đã tổ chức Lễ trao tặng quà cho bà con nghèo trong địa phương nhân dịp Tết Mậu Tuất. Trong niềm hân hoan đón nhận quà, tuy chưa đến giờ phát mà bà con đã đến đông đảo, cười nói rôm rả. Tham dự Lễ phát quà với sự hiện diện của quý vị khách quý, các nhà hảo tâm, các phóng viên báo SGGP, Thanh Niên, Văn Hóa Phật Giáo, Nhân Đạo, Tinh hoa Đất Việt và các đài HTV và VTV...

Mở đầu, Thạc sĩ Nguyễn Hữu Nhơn (đạo huynh Chí Đạt), Trưởng ban điều hành Phòng KBND NTTT tuyên bố lý do và chúc bà con một năm mới vui tươi; mong rằng những món quà này sẽ góp phần thiết thực cho ngày Tết trong gia đình bà con được ấm áp tình thương đón xuân sang. Tiếp theo, phần phát biểu của ông Dương Văn Đóa, Ủy viên Ban Thường vụ Hội Khuyến học TW, Giám đốc văn phòng phía Nam.

Được biết kỳ này, Phòng KBND NTTT phát ra 400 phần quà, mỗi phần quà gồm: 5kg gạo ngon, 1 thùng mì gói, 1 gói bột ngọt 453 gram, 1 chai dầu ăn 1 lít, 1 kg đường, 1 chai nước tương 0,5 lít... Tổng phần quà được phân phối như sau: Hội CTĐ quận 1, TP.HCM tặng cho người già neo đơn: 85 phần; Phòng khám và điều trị Bến Sắn tại Tân Uyên, Bình Dương: 327 thùng mì và 327 chai nước tương; Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin Bình Thuận: 20 phần; Hội CTĐ P.Nguyễn Cư Trinh, Q.1, TP.HCM: 30 phần; Gia đình mùa Xuân của người khuyết tật Q.Bình Tân, TP.HCM: 43 phần; Bốn đạo Thánh tịnh Ngọc Minh Đài: 35 phần; Ban Lễ nhạc Đồng Nhi: 20 phần; Văn phòng phía Nam Hội Khuyến học: 30 phần; Bà con nghèo P.6, Q.Bình Thạnh: 30 phần; Bà con nghèo vắng lai: 22 phần. Tổng trị giá quà tặng: **92 triệu đồng**. Ngoài ra, Phòng KBND NTTT còn tặng quà quy thành tiền

để chuyển giao về 8 nơi nhận với tổng số tiền: **68.700.000 đồng**. Trong năm 2017, Phòng KBND NTTT đã tặng hàng ngàn phần quà với tổng trị giá gần **3 tỷ đồng**. Ngoài ra, điểm nổi bật của Phòng KBND NTTT tổ chức việc khám chữa bệnh miễn phí tại chỗ và đưa đoàn y bác sĩ đến nhiều nơi vùng sâu vùng xa để khám chữa bệnh và còn đi sang nước bạn Campuchia... Sự hoạt động ngày càng khởi sắc về Phòng khám bệnh là nhờ sự lãnh đạo tài tình của Thạc sĩ Nguyễn Hữu Nhơn, người trước đây đã từng cống hiến hết tuổi thanh xuân cho hòa bình độc lập và xây dựng đất nước; nay tuy ở tuổi hưu vẫn bén duyên với đạo Cao Đài, hiện anh đang giữ trọng trách Chánh hội trưởng NTTT. Anh Nhơn phục vụ cho đời - đạo không mệt mỏi, nét mặt lúc nào cũng tươi vui, tự tại; dù việc gì có khó khăn đến đâu, anh cũng an nhiên và giải quyết êm đẹp, tôi đã từng chứng kiến nhiều việc tưởng như là khó tháo gỡ, nhưng đến khi trình lên anh thì mọi việc hóa ra dễ dàng...

Phòng KBND NTTT nhiều năm liền được Ban Tuyên giáo TW, Văn phòng Quốc hội, Hội CTĐ VN, UBND, Hội CTĐ TP.HCM và các tỉnh thành, UBND và CTĐ Q.1 cùng P.Nguyễn Cư Trinh trao tặng nhiều Bằng khen, Kỷ niệm chương, Bằng vàng vinh danh, Giấy khen, v.v... Và anh Nhơn vừa được ông Nguyễn Thành Phong, Chủ tịch UBND TP.HCM trao tặng Bằng khen về thành tích xuất sắc trong công tác xã hội nhân đạo trong giai đoạn 2015 - 2017...

Trước thềm năm mới, chúng tôi kính chúc Thạc sĩ Nguyễn Hữu Nhơn và tập thể y bác sĩ, nhân viên tham gia Phòng KBND NTTT được sức khỏe sung mãn và hạnh phúc. Và kính mong Phòng Khám bệnh nhân đạo NTTT (CTĐ Q.1) cùng cộng đồng tiếp tục làm tròn vai trò và phát huy thể mạnh của mình để chăm lo cho bệnh nhân nghèo, người già neo đơn, người cơ nhỡ khó khăn...



Anh Nguyễn Hữu Nhơn đón nhận bằng khen của UBND TP.HCM (2017) và các đại biểu, phóng viên báo, đài HTV và VTV trước giờ phát quà (hình trên cùng bên trái) - Anh Nguyễn Hữu Nhơn và các đại biểu trao quà cho bà con

KHÔNG CẦN ĐI XA

**MUA ỐNG NHỰA
NGAY TẠI NHÀ**

**MUA HÀNG
TRỰC TUYẾN**

www.hoasengroup.vn

HDPE



PP-R



UPVC



ỐNG NHỰA HOA SEN
Dẫn nguồn hạnh phúc

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA



**TỔNG ĐÀI TƯ VẤN
1800 1515**

TẬP ĐOÀN HOA SEN LÀ CÔNG TY TĂNG TRƯỞNG TOÀN CẦU CỦA DIỄN ĐÀN KINH TẾ THẾ GIỚI